VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Đinh Cường

số 98 • tháng 6 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

TRẦN HỒNG CHÂU	đi vào mê hồn trận của thơ và tiếng nói	2
ĐẶNG PHÙNG QUÂN	trường hợp trần đức thảo	16
KHOA HỮU	*ly rượu gửi bằng hữu*	37
	đêm chia tay ở tân sơn nhất	37
	viếng mộ đồng đội ở củ chi	38
	trở lại thành cổ loa	38
	khi ở nam	39
	ngày về bắc	39
	qua đất quân trường vạn kiếp	40
	bản nháp tờ di chúc	41
HỒNG HUY	nhớ trăng quê hương	42
NGU YÊN	*những chiều nắng nhẹ mà hiu*	46
LÊ LẠC GIAO	lối cũ	47
TRÚC CHI	*viết thử bài thơ tuổi sáu mươi*	59
NGUYỄN CHÍ KHAM	cánh cửa	61
MAI KIM NGỌC	chị em	71
THẠCH HÃN	con tim chưa rộn niềm vui	95
VĂN HỌC	tòa soạn với bạn đọc	110
ĐẶNG HIỀN	*nhớ*	111
VĂN HỌC	ghi nhận đó đây	112

Đón đọc từ số Văn Học 99:

Những bài viết về thành quả của văn chương hải ngoại, bắt đầu cuộc sơ kết 20 năm văn chương hải ngoại qua các bộ môn thi ca, tiểu thuyết, ký, khảo luận, phê bình v.v... Tòa soạn tiếp tục đón nhận những bài nhận định, phê bình và tài liệu văn học về các vấn đề nói trên từ quý văn hữu và bạn đọc.

TRẦN HỒNG CHÂU

đi vào mê hồn trận của thơ và tiếng nói

Thơ tự bản chất là một cái gì khó vô cùng (1). Nói về thơ cũng khó. *Thi chi nan ngôn dã*. Nói về một tác phẩm hoàn toàn dành cho những nhận định về thơ lại là một việc khó nữa. Biết vậy nhưng chúng ta vẫn cứ tiến vào con đường gai góc, đầy hoa đó. Vì sức quyến rũ không thể cưỡng nổi của thơ. Vì thơ tồn tại dài dài mãi, chừng nào vẫn còn con người, đất trời, cỏ cây và tình yêu...

Trong vũ trụ thơ, cảm nhận trực tiếp là phần chính. Tất cả hầu như chùm đắm trong một vầng sáng mơ hồ. Nhưng, ở một bình diện khác, phân tích, định nghĩa, nêu lên bản chất hay thuộc tính, nêu lên những ý niệm và phạm trù liên quan đến thơ, cũng là một công việc bình thường, không phải hoàn toàn bất khả thi, trong một chừng mực nào.

Tác giả *Tìm thơ trong tiếng nói* nhận diện qua thơ một số ghi chép nhanh, vội, một số "tiệp ký" như kiểu Vũ Phương Đề trong *Công dư tiệp ký*. Nếu tôi không lầm, từ ngữ này được dùng lần đầu trong văn học hiện đại. Cũng như Nguyễn Tuân đã phổ biến từ ngữ và thể tùy bút, nối tiếp truyền thống Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút*.

Tuy vậy "tiệp ký" chỉ phù hợp với bề ngoài, hình thức ngắn gọn, có vẻ đột khởi, buông lơi, đôi khi thân mật, nơi những ghi nhận của Đỗ Quý Toàn thôi. Còn về nội dung, những tiệp ký đó, ngược lại, chứng minh cho một khối kiến thức tích lũy lâu ngày, được chuyển hóa, vận dụng khéo léo, dầy công phu ma luyện, "sao tẩm". Nói cách khác, nội dung đó là thành quả nhiều thao tác "kết tụ" (2), nhiều chắt lọc, chau chuốt trong tiềm thức, và như vậy có thể nói, chúng... *không còn là tiệp ký nữa*.

Đúng thế. Chúng ta biết rõ, như lời chép ở đầu sách, là tác giả đã dụng công nhiều: khởi sự từ 1984, một số những nhận định về thơ này đã được "viết lại hoàn toàn" trong năm 1991. Chúng ta ghi nhận ở đây

thái độ cẩn trọng của tác giả. Tiếp xúc với thơ đâu phải chuyện thường, tuy thơ nhiều khi vẫn chỉ là cái gì rất đơn giản, bình dị. Chúng ta không quên rằng, người xưa thường trang trọng ngồi bên án, đốt trầm hương, trước khi đọc thơ!

Nói chung, ta thấy tác giả đã theo sát đề tài. Tìm thơ trong tiếng nói. Chú trọng đặc biệt đến bản chất ngôn ngữ thơ, đến chất thơ đích thực và tác động thơ trên tâm hồn người đọc bằng phép lạ: màu sắc và vóc dáng ngôn từ. Xuyên suốt qua gần ba trăm trang sách vẫn một sợi chỉ đỏ duy nhất: tiếng nói như khuôn mặt và linh hồn bài thơ...

Những cảm nghĩ và nhận định của tác giả được chia thành từng bài ngắn, gắn bó với chủ đề, nhưng vẫn độc lập, có thể tách rời ra để tiếp xúc với người đọc. Tôi nghĩ đến những hộp kẹo *dragées* của tuổi thơ. Hộp kẹo "Tìm thơ trong tiếng nói". Màu hồng, xanh, tím nhạt, mơ hồ và rõ ràng, mong manh và bền chặt như một ấn tượng. Những viên kẹo mà thỉnh thoảng ta lại nhón một viên (không ai ăn một lúc cả hộp!) để lắng nghe mùi vị tan dần trên đầu lưỡi...

Một số nhận xét trong *Tìm thơ trong tiếng nói* có thể coi là "cổ điển". Cái nhìn mới mẻ, hồn nhiên, "trẻ thơ", "tiền sử" của thi sĩ (chúng ta đã quen biết từ thời Bergson còn sinh tiền). Tính chất ma thuật, thần chú của ngôn ngữ, đặc biệt ngôn ngữ thơ (Lévy-Brühl trước thế chiến và, sau này, những nhận xét mang tính cách cơ cấu học (3) của Cl. Lévi-Strauss, người đã đặt chân lên nhiều giang sơn bộ lạc với những mô thức văn hóa, vật chất và tinh thần khác nhau). Kỹ thuật ngâm tẩm, hong phơi (từ ngày Giả Đảo, vì mải mê làm thơ, đã... suýt đụng phải xe quan Kinh triệu doãn Hàn Dũ tại đường phố Trường An!).

Nhưng làm sao được! Đã nói đến thơ là phải phân tích những yếu tố đó. Cũng như khi suy luận về tình yêu thì phải ít nhiều bàn về "tiếng sét" ái tình, về ranh giới, hư hay thực, giữa nhục cảm và tình yêu "lý tưởng" v.v... Tính cách độc đáo của tác phẩm chính ở chỗ nó đã trình bày những vấn đề kể trên với một cái nhìn sắc bén, thường để lại âm hưởng tích cực trong tâm hồn người đọc. Được, như vậy cũng đã đủ là mong ước của bất cứ tác giả nào rồi! Vì tất cả chúng ta đều *đến quá muộn trong một thế giới quá già!* Thật là ngao ngán. Cái gì cũng đã được người xưa nói đến cả rồi. Có cần nhắc lại là trong trường hợp đó, điều quan trọng là tiếp tục sáng tạo, tiếp tục khám phá, đào sâu, bằng đam

mê và chân thành của cá tính, để đạt tới cái mới, từ những vật liệu xưa cũ.

Đỗ Quý Toàn nhìn thơ từ phía ngôn ngữ thơ, coi tiếng nói như thành tố có trọng lượng nhất của thơ. Khuynh hướng này phát triển từ khi Mallarmé, và người thừa kế là Valéry (4), nhấn mạnh về khía cạnh "làm", thể hiện, xây dựng bài thơ như một tòa nhà mà những viên gạch tường là hàng loạt phân tử ngôn ngữ. Những phân tử có khả năng biến hóa phi thường về âm sắc, hình tượng, nội dung ngữ nghĩa, ý hướng thông diệp... do vị trí, do tính cách liên hợp, và sử dụng từng bộ phận trong văn cảnh chung. Đúng như những quân bài, những *coups de dés* vẫn thường được trang, chia, hoặc gieo lại, đưa tới muôn ngàn bố trí và phối hợp khác nhau. Và nhà thơ cũng thành tạo hóa vạn năng với ngôn từ muôn hình vạn trạng, mỗi lúc lại khám phá ra một kết hợp lạ, một "trò chơi" mới. *Đây một mình tôi với tiếng nói tôi. Một trò chơi mới bắt đầu* (Alain Borne trong *Contre-feu*).

Nhưng, cùng với Mallarmé và Valéry, động lực chính đưa ngôn ngữ lên ngôi (tiếng nói, lời thơ không chỉ là cái chứa đựng mà còn là *cái được chứa đựng* trong bài thơ) có lẽ phải kể tới ảnh hưởng những công trình độc đáo, có tính cách xoay chiều trong địa hạt ngữ học những thập niên đầu thế kỷ, với cái nhìn tiền cơ cấu luận của F. de Saussure và các "Câu lạc bộ ngữ học" Mạc Tư Khoa hay Praha. Từ đó ngữ học, song song với triết học (thực ra ngữ học cũng chỉ là một bộ môn của triết học hiểu theo nghĩa rộng) dã tràn qua những cánh cửa mở rộng của văn học (5).

Có thể nói tác giả *Tìm thơ* đã lĩnh hội và áp dụng linh động hầu hết những khám phá về vai trò tiếng nói trong thơ vào văn học Việt Nam. Ông nhìn, nghe, sờ mó, đánh giá từng từ, cụm từ, từng câu thơ một cách sành điệu. Độc giả thích thú với ông khi cùng "dong lửa đốt tơi bời Mái Tây", khi cùng nhìn nữ lang "hành tức quần cư tảo lão mai" (khi đi gấu quần quét cánh hoa mai), khi cùng nhận thấy "hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh" (6), khi cùng lượng định mức độ cảm xúc của hai bài thơ nói về tình yêu quê hương nổi sóng trong những tâm hồn lữ thứ ở nơi góc biển chân trời (Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Văn Ngọc).

Những giải tích vi phân, chẻ sợi tóc làm tư, nếu cần, vẫn luôn luôn xuất hiện. Khó mà đòi hỏi hơn khi ông nhận xét về truyền thông và nhiễu xạ trên đường đi của thơ tới tâm hồn người đọc, về hiện tượng

réminis cence, rất vô thức, giữa câu thơ Đỗ Phủ và thơ của chính mình, về "vẻ bình thường mới mẻ", về "trò chơi ngôn ngữ" riêng của từng tác giả, về tính, tình và tiếng nói. Những phân tích, cân nhắc từng dáng vẻ, sắc thái, cấp điệu khác nhau của tiếng nói. Những nắm bắt từng dị biệt vi mô của từng từ hay cụm từ, tùy theo ngữ cảnh và cái khí chất, cái *mood*, của nhà thơ ở mỗi vùng không gian và thời điểm khác nhau. Tùy theo kế thừa lịch sử của mỗi từ và cái hệ số tình cảm, xúc động đã để lại dấu ấn vào nội dung mỗi từ qua bao thế hệ... Chỉ tiếc là phần phân tích *âm* và *điệu* tiếng thơ, về trọng lượng của những yếu tố đó trong chất thơ, còn nhiều thiếu sót. Nhưng đây là vùng biên giới âm nhạc, và không phải bất cứ người ngoại đạo nào cũng có thể xâm nhập một cách dễ dàng được (7).

Những phản ứng và thao tác kể trên đều quen thuộc với Đỗ Quý Toàn và xuất hiện thường xuyên trong tác phẩm. Có thể thêm một vài ví dụ nữa, ông nhắc lại động từ "làm thơ" của Phùng Quán, đoạn "đường đi khó" của Nguyễn Bá Học, cánh rừng phong đưa mắt nhìn Pasternak và cũng được nhìn lại, tiếng trả lời ấm ờ "hổng biết" của cô gái Hậu Giang... Ông là chiếc cân tiểu ly đánh giá từng hạt bụi vàng bạc trong thi ca, một hạt bụi cũng có cái giá, hay cái vô giá, của loài quý kim.

Các nhà thơ nói chung là hiện thân lòng yêu vô hạn tiếng nói quê hương. *Tôi yêu tiếng nước tôi.* Tôi tìm thơ trong tiếng nói. Yêu thơ là sống chết với tiếng nói quê hương. Ăn nằm với tiếng nói, ôm ấp vỗ về nó, ngắm dáng vẻ, ngửi mùi hương nó, nghe nó thỏ thẻ tâm tình, nhấm nháp cái vị ngọt bùi tuyệt trần của nó như một người tình! Đã đành là chúng ta ra đi không mang được quê hương trong hành lý, nhưng ít ra ta còn giữ được tiếng nói, cái phần lửa hương không ai chiếm đoạt nổi và chúng ta nguyện ở bên "cho vẹn kiếp". Không thể đánh mất được bản ngã khi còn tiếng nói, khi còn yêu mến những lời thơ quê hương, hiện thân của hồn dân tộc (8).

Có thể nhận thấy ở nơi tác giả một nỗ lực vươn tới cái mới trong ngữ và mỹ học, trong kinh nghiệm sáng tạo của các nhà thơ và phê bình thơ tiền bối, để được trang bị đầy đủ khi bước vào thế giới của thơ và tiếng nói. Những nhận định của Wittgenstein (9), nhà cách mạng trong ngôn ngữ học cận đại, của Thánh Thán, người xưa nhưng rất "hôm nay", của Ezra Pound, nhà thi sĩ độc đáo, uyên bác, đã có lần bị gạt ra một bên

sân khấu văn học vì chính kiến, của Lê Quý Đôn và Cao Bá Quát, những thi sĩ đi trước thời đại... Sự tiếp xúc với các nhà đó giúp tác giả *Tìm thơ* đem lại một luồng sinh khí mới, tươi mát cho những vấn đề cơ bản của thơ: quá trình hình thành, chất liệu thơ, âm hưởng trong tâm hồn người thưởng ngoạn, nhiệm vụ của nhà phê bình thơ, người "siêu" độc giả, môi giới giữa thi sĩ và quần chúng văn học v.v...

Tác giả tỏ ra có sự thận trọng cần thiết khi nói về vai trò nhà phân tích thơ, và biết rõ đâu là giới hạn của nó. Chúng ta đồng ý là người đọc cũng đóng góp tích cực với thi sĩ để dựng nên khuôn mặt bài thơ. Người đọc phải đến với thơ trực tiếp, hồn nhiên, không có một bức bình phong nào ngăn chắn. Như người mộ đạo cảm thông, nói chuyện thẳng với đấng tối cao. Bởi vì, không ai phủ nhận điều này: Thơ là linh hồn, là tinh túy của tiếng nói, là chỗ thâm nghiêm nhất trong đền, nơi có tế đàn ở hậu điện.

Nhưng, trong nhiều trường hợp, nhà phê bình, với một hòa hợp nhịp nhàng của khối óc và trái tim, rất có thể đóng vai hàng giáo phẩm, hay người đồng thiếp trung gian. Nhà phê bình kéo dài âm hưởng bài thơ, làm nó phong phú thêm, sống thêm một cuộc đời khác nữa. Bài thơ đến với quần chúng thưởng ngoạn, mang thiên hình vạn trạng, tùy theo cảm nhận. Ngay chính tác giả cũng không tự coi là giữ độc quyền hiểu biết bài thơ. Nó tự hóa thân khi đi qua những tâm hồn khác, tuột ra khỏi vòng tay người sáng tạo. Một Proteus huyền thoại với nhiều sắc thái. Một thực thể "mở", vì mơ hồ, mung lung, không đường biên sắc cạnh. Thi sĩ với "bốn bề tâm tư" bỏ ngỏ, với cách thế diễn đạt, nhiều khi bấp bênh, bất ngờ, khác thường (*insolite*) là một đối tượng luôn luôn di động, khó nắm bắt, khó định hình. Do đó nhà phê bình thơ đúng đắn cũng chỉ nhìn cách hiểu của mình như một dự án, một "khả dĩ", một đề nghị cũng bỏ ngỏ như bài thơ.

Về một mặt khác nhà phê bình, trong chừng hạn nào, cũng giúp người sáng tạo thấy rõ chân dung mình hơn, thấy những khả năng và giới hạn, nhiều khi bị che khuất bởi lớp vỏ cứng của chủ quan. Vì thực ra, đa số nhà thơ sáng tạo trong màn sương của vô thức (10), tự động, hồn nhiên, chẳng hỏi vì sao, hay như thế nào. Do nhà phê bình họ được lôi cuốn vào vùng trời ý thức. Chưa chắc đó đã là điều họ mong muốn, nhưng dù sao đổi thay cũng là một hiện tượng hữu ích, vì có sự trao đổi, cọ sát giữa những kinh nghiệm riêng tư khác nhau.

Trong chiều hướng những nhận định kể trên có thể nói phê bình thơ cũng là sáng tạo, và Đỗ Quý Toàn, may mắn, cũng có lúc "tìm" thấy thơ trong tiếng nói. Trong lúc ở quốc nội người làm, cũng như người phê bình thơ, đều bị gò bó, kiềm tỏa bởi mỹ học Mác Lê thô sơ, máy móc và khiên cưỡng thì ở hải ngoại, với mật độ độc giả nhỏ bé hơn nhiều, chúng ta đã có Nguyễn Hưng Quốc và nay lại thêm Đỗ Quý Toàn (11). Họ là những sứ giả của thơ, di reo rắc lòng yêu thơ trong môi trường quá duy vật của mảnh đất tạm dung, mảnh đất mà J. Brodsky đã ngậm ngùi mô tả "sự thờ ơ đối với thơ", khác hẳn nhiệt tình cao độ ông từng gặp nơi quê nhà, bên sông Volga (12).

Trở về với *Tìm thơ*. Ở đây ta thấy tác giả được trang bị bằng những kiến thức và hiểu biết khá mới mẻ. Ví dụ những khám phá về chức năng riêng biệt của các não thùy bên phải và bên trái (13), những "ngụy tưởng về dự ý của người viết" (intentional fallacy), những phân biệt của J.L. Austin ra câu nói hành động và câu nói nhận định, những "ý ẩn tàng" (implication) của H.P. Grice v.v..., tất cả những dụng cụ tinh vi, nhưng phải sử dụng cẩn thận và khéo léo. Vì thơ là cái gì rất mong manh, sinh động và một va chạm nhỏ cũng có thể làm chết bọt biển, mây khói đó tan biến ngay.

Trong suốt chiều dài tác phẩm chúng ta đã được tác giả hướng dẫn, xê dịch qua nhiều không và thời gian chói lòa ánh sáng thơ. Từ Thôi Hiệu đến Octavio Paz, từ Coleridge đến Vũ Hoàng Chương... có thể nói là "Thi chi bách gia chư tử" đã được huy động về vương quốc thơ để làm nhân chứng, để thuyết pháp, vì đây là Đạo Thơ. Tôi nghĩ trong một tác phẩm phê bình thơ, mặc dầu bản chất đối tượng là cảm xúc, ấn tượng chủ quan, những kiến thức, tài liệu và dẫn chứng khách quan cũng có ích và quan trọng, miễn là không mang tính chất áp đặt, gò bó.

Tác giả đã vận dụng kiến thức một cách tương đối nhuần nhuyễn, phối hợp não thùy trái của trí tuệ, phân tích trừu tượng với não thùy phải của cảm xúc, cụ thể, tổng hợp. Ông thay đổi bình diện cảm nghĩ, bình diện đối tượng tiếp xúc (14) khá dễ dàng, có thể vì, ở ngoài đời, ông đã có mặt trong nhiều địa bàn hoạt động khác nhau.

Lý trí và tình cảm, trí tuệ và trực giác... Cố gắng giữ được thế quân bình. Riêng ở lĩnh vực thơ ai cũng biết là nếu chiều hướng phân tích chi ly, tìm hiểu tại sao, thế nào v.v... mà kéo dài, hay lấn áp, thì sẽ thấy

ngay nguy cơ là thơ có thể bị ngạt thở (tất nhiên điều này đúng với hoàn cảnh nhà thơ hơn nhà phê bình).

Đó là một bi kịch tinh thần mà nhiều người trong chúng ta chắc đã từng trải. Đôi lúc ta thấy phải đau xót rũ bỏ một gánh nặng gì đó để nhẩy ùm xuống "tắm mát trên ngọn sông dào". Như đứa trẻ thơ không quá khứ. Như thiền sư chìm vào cái Tĩnh, cái Không, cái Vô cùng, vào những gì vốn là thể xác cơ hữu của Thơ.

Cũng nhân đây chúng ta, nói chung, cần lưu ý một điều. Những mô thức, ý niệm, phạm trù và cái nhìn phân tích của Tây phương đã chứng tỏ là có hiệu quả trong nhiều trường hợp. Chúng phong phú, độc đáo, da diện hóa bản thân và giúp người nhận định đi đến cùng tận vấn đề. Chúng thích hợp với những tác phẩm đương đại, sản phẩm của những cá nhân sáng tạo thường cùng chia sẻ kinh nghiệm trí thức và tình cảm với nhà phê bình. Đối với văn chương cổ điển ở một vùng kinh vĩ tuyến khác, như Việt Nam xưa chẳng hạn, chúng vẫn rất hữu ích vì đối tượng được thăm dò, khám phá bằng những "thiết bị" mới mẻ, từ những góc cạnh, những điểm nhìn khác nhau.

Nhưng nếu chỉ dùng độc nhất loại công cụ đó thì rất có thể đưa tới những ngộ nhận khiên cưỡng, hoặc có tính chất đắp vá, rất bề ngoài (15). Trong trường hợp này điều tốt nhất là hãy bỏ những gì cồng kềnh ở ngoài cửa, để đi thẳng vào trung tâm, chìm dần, đồng hóa, ở lại với đối tượng bằng một cảm thông trực tiếp, thoát ra khỏi mọi lề lối, kỹ thuật, nguyên tắc định hướng đã có sẵn.

Thi sĩ và thiền sư. Thi sĩ và đạo sĩ. Như trường hợp Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy hay Tào Đường. Hình như tác giả *Đi tìm* cũng ý thức điểm đó, nên có lúc đã dừng lại ở đường biên cần thiết, để uyên bác và lý trí đứng chờ bên ngoài Cấm Thành. Ông có khả năng đó vì đồng thời cũng là nhà thơ. Và đây là một nhận xét được nhiều người chia sẻ: làm và tìm hiểu thơ (nhất là làm thơ) dòi hỏi một cộng sinh đặc biệt. Vừa là một tâm hồn nguyên sinh sống bằng trực cảm, vừa là một thuật sĩ dầy dạn kinh nghiệm, có khả năng sai khiến mọi kỹ thuật, mọi phù phép, dao hai lưỡi, để chúng không tác hại mà chỉ có thể phục vụ tích cực thôi!

Cái nhìn tinh tế của người đi "tìm thơ" họ Đỗ là có thực. Nó đã lượm bắt được hơn một hạt phấn vàng từ đôi cánh thần kỳ của con bướm thơ. Từ buồn đến vui, từ thanh đến tục, từ cái vô biên gần gũi đến cái nhỏ

bé vĩ đại. Nó len lỏi, phân cắt, nhấc lên đặt xuống, lắng nghe chất thơ ngấm dần vào tâm tư. Từ rừng thu và tấm lòng thần hôn của Nguyễn Du đến Lý Bạch với nước đổ trời xanh của Hoàng Hà kỳ vĩ. Từ những "thân thể" mới cũ của Octavio Paz đến cái "bống cùng bông" của Hồ Xuân Hương. Từ cá "động dưới chân bèo" ở huyện Bình Lục đến ả mèo con xinh đẹp của Luân Hoán hay đồng tiền mừng tuổi của Nguyên Sa.

Tâm hồn mẫn cảm, trực giác của thi sĩ cộng với kiến thức dồi dào, khả năng phân tích và nhận xét của nhà phê bình đã dẫn dắt người đọc đến thẳng hiện tượng thơ, sự-vật-thơ. Như khi T.S. Eliot, Ezra Pound hay Xuân Diệu, những nhà thơ nói về thơ. Như khi một y sĩ sản khoa, đã từng là mẹ, nói về người đàn bà đi biển một mình... Đây là người trong cuộc nói về một đối tượng quen biết. Đây là một đối thoại với chính mình, tự phân thân thành chủ và khách thể. Một cảm thông giữa những tâm hồn đồng điệu, tuy đa số mà vẫn là độc nhất, vẫn có một mẫu số chung (16).

Điểm đáng nói nữa trong *Đi tìm* là cái duyên dáng, nhẹ nhàng, đôi khi pha chút màu sắc thực tế, cụ thể nếu cần. Những cái gì có thể thấy trong từng tiểu dề (Thơ mình lại hay. Khi mai hoa không phải là hoa mai. Cô còn nhớ không? Đi tìm con voi...), trong từng đoạn phân tích và nhận xét (Cô Hai và anh Tám gan bẩy lá. Bài "thơ" ở chiêu hiền quán. Hai lá thư tình...). Duyên dáng, mỹ lệ, thực tế, giống như quê hương ca dao và quan họ của những ngọn đồi và đồng ruộng Kinh Bắc. Cái duyên dáng, tài hoa, đầy nghệ sĩ tính, của tâm hồn văn nhân và sĩ phu Bắc Hà theo nhận xét của vua quan triều Nguyễn. Những người như Lý Văn Phức, Trần Bích San, Nguyễn Văn Siêu, Phạm Thận Duật, Bùi Ngọc Quỹ, Nguyễn Tư Giản..., vì văn tài, đã được đề cử thay mặt triều đình trong những cuộc thương thuyết ngoại giao khó khăn với Trung quốc hay Tây phương. Cái duyên dáng gói gắm một nội dung xúc tích, tỉ mỉ tối đa hay khoáng đạt mênh mang, tùy khung cảnh và khí hậu sáng tác thơ. Cái duyên dáng buông lơi thân mật, thư thái, phù hợp với những thể văn nhẹ nhàng, ngẫu phát, "theo dòng" cảm xúc, như tùy bút, tiếp ký, đoản văn, phiếm luận v.v...

Đỗ Quý Toàn có nói tới cái "bình thường mới mẻ", cái "giản dị làm kinh ngạc", và nhắc lại một ví dụ đắt giá là bài "Mùa thu câu cá" của Nguyễn Khuyến. Cảnh bình thường nhất, ngôn từ đơn giản nhất, nhưng

bài thơ rất thành công. Đồng ý. Nhiều lúc chúng ta quên hẳn nét độc đáo, phong phú đến dị kỳ, của những gì bình thường nhất trong cuộc sống. Nói cách khác, đối với tâm hồn người thơ, người có cái nhìn luôn luôn mới, thì một hạt bụi nhỏ bé, tầm thường, cũng là một thế giới vĩ mô, khả dĩ để lại một âm hưởng, một dấu ấn đậm nét.

Nhưng giá ngược lại, để cho quần bình, như một vế đối lập, tác giả cũng nói đến cái phi thường, cái rực rỡ bí huyền ở nơi xa đến với chúng ta mà thật là bình dị, thân mật... Wordsworth ngợi ca tính cách siêu linh, gây kinh ngạc khôn tả, của mấy bông thủy tiên tầm thường phất phơ trước gió, bên ven hồ, trong khi Coleridge, ngược lại, mô tả những hiện tượng nhiệm màu, những linh thần quê hương, cao cả, nhưng gần gũi, quanh quất bên mình ta như bầu bạn hằng ngày, trò chuyện thân mật. Đó là hai hướng cảm nhận *tương phản*, nhưng vẫn có thể gọi là bổ túc. Tôi có cảm tưởng là họ Đỗ thân thiết với Frost và Dickinson hơn Yeats hay T.S. Eliot chẳng hạn.

Tôi nghĩ chúng ta không nên thu hẹp tâm hồn. Khả năng yêu mê của nhà thơ không biên giới. Chúng ta yêu cái hồn nhiên đơn sơ của Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương, đồng thời cũng đắm say những hạt minh châu đài các, quý phái, mài dũa tinh vi, của *Đoạn trường tân thanh* và *Cung oán ngâm khúc*. Chúng ta mê nhịp chân cô hàng xén Nội Duệ, Phù Lưu trên đường về "chợ huyện một tháng sáu phiên", nhưng cũng không ngớt lời ngợi ca nét kiều mị của những vương giả chi hoa như Mỵ Châu, Huyền Trân hay Lê Ngọc Hân...

Phải chăng vì vậy mà tác giả có vẻ hơi "khó" với những vần thơ rực rỡ của Đinh Hùng, tuy chỉ là "dùa" nhẹ về tần số từ ngữ và thi ảnh. (Em đi...). Thực ra nếu đo tần số thì nhà thơ nào cũng có những ám ảnh riêng, những sở đoản, lãng quên, những "tật" thường đưa tới tần số cao!

Đơn giản, hồn nhiên hay vàng son, diễm lệ trong diễn tả chỉ là những tấm áo choàng, tùy hoàn cảnh và tâm hồn nhà thơ, mặc dầu ngôn từ cũng là bản chất bài thơ. Cái chính là điểm xuất phát phải từ cảm xúc mạnh và chân thật, và điểm cuối cùng, trong thể hiện, là phải "đạt", phải "tới". Điều cốt yếu là đơn giản, bình dị không thể đồng nghĩa với thô lậu, tầm thường, còn những hạt ngọc sáng chói thì không được phép chỉ là nước sơn hào nhoáng, giả tạo của những hạt chất dẻo!

Một điểm tác giả *Tìm thơ* có vẻ luôn luôn quan tâm là sự sai biệt

giữa Văn và Thơ. Mỗi thể đều có những đặc tính và kỹ thuật tương đối khác nhau. Nhưng dù sao đây cũng chỉ là những phân loại, ít nhiều mang tính cách hình thái, mặc dầu trong tâm tư người thưởng thức, cái bình cũng có thể ảnh hưởng tới chất rượu. Nếu ta đi từ dầu biên này đến dầu kia, ở những vùng cực, tất nhiên có sự khác nhau rõ nét, nhưng ở miền giao thoa thì mọi tuyến chia cắt đều nhạt nhòa. Chúng ta đương ở trong hay ngoài lãnh địa của thơ? Khó mà biết được. Có những đoạn văn xuôi "thơ" hơn thơ nhiều và có nhiều bài thơ máy móc, khô khan, "tản văn" hơn một bài tản văn. Văn xuôi của Chateaubriand hay D.H. Lawrence rõ ràng là "thơ" hơn thơ Boileau hay Pope. Bài *Linh tế tháp ký* của Trương Hán Siêu, tập *Hạn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trác cũng vậy, nếu đem so sánh với một số bài thơ trong *Văn đàn bảo giám* chẳng hạn (17).

Ngoài ra, có lẽ cũng nên phân tích, tìm tòi thêm về những tương đồng và dị biệt giữa thi văn, âm nhạc, điêu khắc và hội họa. Chúng ta có thể khám phá và khai thác nhiều điểm lý thú (18), do đó làm nổi bật hơn nữa khuôn mặt của thơ, theo kỹ thuật mô tả bằng cách so sánh những dị biệt. Dị biệt có thể là ít, nhưng tương đồng chắc phải nhiều. Vì nghệ thuật khó mà phân thân được, nếu nhìn nó như một nhu cầu tự nhiên của con người. Richard Wagner từng mơ về một nền nghệ thuật trọn vẹn, tự nhiên, trực tiếp. Một nghệ thuật duy nhất, toàn khối, bao trùm mọi bộ môn, một "natural philosophy" thực là mênh mông như tâm hồn người sáng tạo.

Điều nhận xét sau cùng là, với gần ba trăm trang, tác giả đã đưa chúng ta vào mê hồn trận của tiếng nói, vào từng ngõ dọc đường ngang của thơ, để tìm thơ qua những "trò chơi ngôn ngữ". Trò chơi của những Mallarmé, Jakobson, Wittgenstein, A. Borne... Đến nỗi chúng ta đồng hóa thơ với ngôn ngữ, với tiếng nói...

Nói cho cùng, điểm đó đúng. Đứng trước bài thơ chúng ta có gì ngoài những chữ, những lời thơ cụ thể? Bài thơ là chữ, là lời nói, sừng sững, hiển hiện, *ở đó*. Chữ và lời mang theo máu thịt và linh hồn bài thơ. Vì, từ khi ngôn từ xuất hiện và sống với chúng ta, nó đã mang nặng những vui buồn, nước mắt nụ cười, quá khứ hiện tại và tương lai chúng ta. Nó hầu như trở nên một thành tố định nghĩa con người. Như đã biết, ý nghĩ đó càng rõ nét trong những thập niên gần đây, khi ảnh hưởng của ngôn ngữ học trong văn học trở nên mạnh mẽ thêm với trường phái "cơ cấu"

và các nhóm ngữ học gốc Đông Âu, nhấn mạnh vai trò quyết định của tiếng nói. Và chúng ta nghĩ tác giả *Tìm thơ* cũng không đi ra ngoài quỹ đạo của khuynh hướng thời đại đó.

Nhưng một mặt chúng ta lại băn khoăn. Thơ chỉ là tiếng nói thôi ư? Đã đành tiếng nói là phù chú, là nhịp cầu giao cảm, là cái gì ít nhiều cũng làm chúng ta không giống các chủng loại sinh vật khác, tiếng nói là từ tâm hồn thoát ra, đồng thời cũng có khả năng biến đổi và ảnh hưởng đến tâm hồn. Nhưng, dù chiu nặng tâm tư chúng ta, do chiều dài và trọng lượng cuộc sống, tiếng nói rút cục vẫn chỉ là những ký hiệu, dù là ký hiệu tuyệt vời, sinh động, có hồn.

Tiếng nói là cái gì đứt đoạn, cục bộ, rời rạc từng mảng (*discontinu*) trong khi tâm hồn chúng ta, dòng tư duy và cảm xúc là cái gì trôi chảy không ngừng (*continu*) tràn lan, man mác, không góc cạnh, không cân lượng, đo đếm, gói ghém được hoàn toàn bằng màng lưới tiếng nói, bằng những công cụ chỉ là ký hiệu bất toàn, dù là siêu ký hiệu. Tất nhiên là phải ra ngoài những ký hiệu, đọc và cảm giữa chữ và lời. Phải sử dụng tối đa khả năng gợi cảm của ngôn ngữ và sức đẩy vô hình nào đó thì mới mong vượt khỏi nhà tù của ngôn ngữ ít nhiều hình thức, nhân tạo, và ước lệ, *Ý tại ngôn ngoại*.

Tiếng nói, ngôn ngữ, là những bông hoa nổi trên mặt hồ. Đằng sau, dưới sâu lòng hồ, nơi chúng xuất phát, là cả một niềm bí ẩn, một thế giới vô cùng phong phú và sinh động mà chúng ta lờ mờ chỉ biết, chỉ thấy một vài phát biểu, một vài dấu vết rời rạc trên mặt nước. Bài thơ bắt rễ từ lòng hồ, từ những vùng thẳm sâu của tâm hồn. Nguồn cảm xúc chân thật do kích động nội tâm và ngoại giới... *tứ thơ*, làm rung chuyển cả châu thân người sáng tạo. Đó là gốc rễ bài thơ. Ngôn từ, tiếng nói, cuộc chơi ngôn ngữ là hoa lá. Hoa lá quan trọng không kém gì gốc rễ, vì đều là bộ phận bất khả phân của cây Thơ. Chúng ta chỉ thấy hoa lá khi ngắm cảnh. Nhưng dù sao cũng phải cố gắng đi tới gốc rễ ẩn tàng, uyên nguyên của bài thơ.

Hoa lá, gốc rễ là hai diện cộng sinh hài hòa, nương tựa lẫn nhau. Chẳng lẽ Đỗ Quý Toàn, từng sống với kinh nghiệm làm thơ, lại chỉ biết một mặt (19), chỉ say mê và viết về tiếng nói, về chữ và lời thơ thôi. Không! Đọc kỹ rồi mới thấy thực ra ông không quên bộ phận nào của thơ. Ở trang 51 ông viết: "Chỗ bắt đầu là ở tâm, ở cách nhìn của thi sĩ". Trang 66 ông lại nhấn mạnh: "Gốc: những cảm thọ của thi sĩ. Tín hiệu

hóa: thành lời nói" (20). Và, khi đọc lời giới thiệu của nhà xuất bản, ta mới thấy là tác giả còn dành một bữa tiệc thơ khác cho người mộ điệu. Trong cuốn "tiệp ký" thứ hai, sẽ xuất bản, chắc ông có dịp nói nhiều hơn về cái gốc của thơ: "Thơ mọc trong ta như cỏ cây trên mặt đất". Có thế chứ!

Đến đây chúng ta có thể coi là *Tìm thơ trong tiếng nói*, với niềm cảm xúc phong phú, nhậy bén, với cái nhìn tinh tế, cẩn trọng và duyên dáng (không kể những sở đắc uyên bác của nhà phê bình sống nhiều con người trong một con người) có lẽ là tác phẩm "đạt" nhất của họ Đỗ, trong thời điểm này.

Khen đấy, nhưng tôi cũng phần nào lo lắng cho tác giả. Sau khi đã khoác áo choàng trắng và mổ xẻ bằng tia laser, sau khi đã phân tích tỉ mỉ chất thơ qua tiếng nói, phân tích định tính và định lượng đủ cả, lúc ông trở về "ngôi nhà tranh với tấm lòng vàng" của Nàng Thơ, không biết Nàng có làm mình làm mẩy, không biết Nàng có e ngại gì đối với "người biết quá nhiều" không!

Trần Hồng Châu

---

(1) Mà nhiều khi cũng rất dễ.

(2) Cristallisation, nói theo ngôn ngữ Stendhal, một hiện tượng tâm lý trong quá trình sáng tạo văn nghệ, cũng như quá trình phát sinh và hình thành tình yêu.

(3) Có tác giả ưa dùng các từ ngữ *cấu trúc luận, cấu trúc học* (*Structuralism*). Nói nôm na, thì trường phái này chú trọng đặc biệt đến bản chất và cách cấu tạo, tổ chức, sắp đặt những thành tố kết hợp nên một thực thể nào đó (ví dụ ngôn ngữ).

(4) Mallarmé nói đến sự tan rã (*désarticulation*) của cấu trúc (*structure*) câu nói, câu thơ, với những mảnh từ trôi nổi như những mảnh ván, buồm, lái của con tàu sau trận phong ba. "Từ" luôn luôn được tái tạo, sắp xếp lại. Đối với Valéry thì thơ là ngôn ngữ *ở trong ngôn ngữ*, trong sáng, nguyên sinh, tới một độ tinh khiết tuyệt đối. Ngôn ngữ thơ là chất thơ, là... nội dung bài thơ.

(5) Nếu ta coi là "vạn sự khởi tư văn", văn vận dụng đủ mọi yếu tố, văn đầu mối toàn diện, chứa đựng tất cả, thì ta hiểu tại sao lại có hiện tượng xâm nhập của các bộ môn khác vào địa hạt văn.

(6) Thơ Bùi Giáng. Tác giả *Tìm thơ* còn nói đến Paris và nỗi nhớ khôn nguôi

của Nguyên Sa, đến bầy ngựa chứng và những người tình chạy vào mộng mị của Tô Thùy Yên v.v...

(7) Tuy nhạc tính trong thơ không nhất thiết giống như âm nhạc, những bài thơ như *The Raven* của E. Poe (với điệp khúc *more* ở nửa đầu và *never more* ở nửa sau), *The Lake isle of Innisfree* của Yeats (Jhear lake water lapping with low sounds by the shore), *Le Pont Mirabeau* của Apollinaire (nỗ lực tìm một mô thức nhạc điển tả mối tình tuyệt vọng trôi khỏi vòng tay thi sĩ như nước chẩy dưới cầu), hay *Mầu thời gian* của Đoàn Phú Tứ (trong một bài thơ sử dụng nhiều điệu và thể thơ khác nhau để nói lên mầu thời gian, qua sự chuyển dịch từ hiện tại về quá khứ và ngược lại...), các bài đó chắc hẳn đều giầu chất nhạc. Nhưng cảm thì dễ mà phân tích thì lại là một chuyện khác.

(8) Hồn dân tộc, cái Volksgeist của Herder và các nhà tiền lãng mạn Đức, sáng chói như một ngọn hải đăng trong những ngày bi thảm nhất của quê hương Goethe. Không một nhà lý thuyết văn nghệ nào không đề cập đến nó. Và đó cũng là điều khó khăn nhất cho các tác giả hải ngoại. Hồn dân tộc còn đó, nhưng, đất, nước, cỏ cây, sắc hình cụ thể trời quê hương, nguồn cảm nồng ấm của sáng tạo, thì thật là thiếu vắng! Th. Mann, tuy viết khá nhiều trong thời lưu vong, cũng từng tâm sự chua xót về mất mát đó.

(9) Từ những nghiên cứu toán lý và kiến trúc Wittgenstein đã đi tới ngữ học. Đi tới cấu trúc tiếng nói và "trò chơi ngôn ngữ" (language game) linh động, muôn mặt.

(10) Có những nhà thơ như Valéry, ngược lại, nhấn mạnh tính chất "ý thức" cao độ, khi sáng tác thơ.

(11) Nguyễn Hưng Quốc chú ý đến thơ Việt Nam và phương diện thuần túy văn học. Đỗ Quý Toàn nhìn thơ nói chung, qua lăng kính ngữ và mỹ học, lấy tiếng nói làm đối tượng chính ở *Tìm thơ*.

(12) Tuy nhiên, nếu khách quan, ta cũng thấy là ở Mỹ, trong các khuôn viên đại học, tiệm sách, quán cà phê cũng vẫn có những buổi giới thiệu và bình thơ khá hào hứng.

(13) Tuy từ đầu thế kỷ T. Ribot đã xác định được phần nào vị trí của vài cơ năng trên vùng chất xám não bộ.

(14) Lúc đó, như các nhân vật trong tiểu thuyết giả tưởng, ta bỗng cảm thấy cái say sưa thú vị của đổi thay. Đổi thay bình diện sống, bình diện tư duy, rất có thể là một phép dưỡng sinh tinh thần. Như khi người sinh viên kỹ sư của Cal Tech hay MIT (các đại học có nhiều phương tiện nhất), sau những giờ căng thẳng vật lộn với những phương trình cơ học hay hóa lý, lại được để giác quan chìm đắm trong âm thanh Mozart hay Chopin, nơi phòng nhạc mà nhà trường dành riêng cho họ.

(15) Hiện tượng này cũng có ở nơi người làm thơ. Những sở đắc từ văn nghệ

nước ngoài rất hữu ích, nhưng nhất định không thể để chúng chi phối quá mức cần thiết, hoặc áp dụng một cách ồ ạt, không lựa chọn. Như đã thấy, ngôn từ, tiếng nói, có địa vị quan trọng trong thơ. Cơ cấu tiếng Pháp hay Anh, Mỹ chẳng hạn thuộc hệ thống ngôn ngữ Ấn Âu. Chúng có cấu trúc tuân theo những quy luật riêng, khác hẳn ngôn ngữ Việt Nam thuộc hệ thống Nam Á. Do đó sự mô phỏng máy móc chỉ chứng tỏ là thiếu vắng tự tin và phán đoán lành mạnh, đồng thời có thể tạo ra những sản phẩm lai căng hay giả tạo. Có lúc chúng ta đã thấy một vài bài thơ tiếng Việt giống thơ Pháp và Anh Mỹ như những bản dịch xa lạ.

Chúng ta cũng thấy một vài cuốn văn phạm Việt Nam ở thời kỳ đầu, hoàn toàn dựa trên nền móng văn phạm Pháp, trên cấu trúc một ngôn ngữ Ấn Âu. Cũng từng ấy loại từ và chức năng, từng ấy mô thức kết hợp và cung cách phân tích từ, câu, đoạn... rập theo khuôn mẫu văn phạm Cl. Augé, Crouzet, Larousse... Chỉ có những nét đặc thù, độc đáo của tiếng Việt là thiếu vắng. Thực đáng tiếc!

(16) Có nhà xuất bản từng giao cho các tác giả nhận định về đồng nghiệp xưa, tương đối "giống" mình nhất. Maurois nói về Montaigne, Gide về Dostoievsky...

(17) Đấy là chúng ta chưa kể những áng văn xuôi nổi danh như *Chiếu rời đô, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Văn tế trận vong tướng sĩ* hay *Bài tựa truyện Kiều*.

(18) Ở kỹ thuật dựng và diễn tả, ở tác động tới cảm quan người thưởng ngoạn v.v...

(19) Tuy sự phân biệt này không phải lúc nào cũng rõ nét.

(20) Khi bàn về lời thơ đẹp và lạ của Mạnh phu tử, sau những giờ phút ở chốn "hồng phấn thanh lâu", tác giả viết ở trang 195-196: "Kinh nghiệm sống khác thường nẩy ra những lời lẽ lạ lùng. Nhờ *trạng thái tâm thần* lạ lùng nên phát sinh ra những cách thấy, cách biết lạ lùng... Cái thấy và cái biết lạ hiện ra thành ngôn ngữ lạ. *Chỉ nhìn vào ngôn ngữ chưa đủ*. Phải nhìn vào tận cái thấy, cái biết của người làm thơ".

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

trường hợp trần đức thảo

(tiếp theo)

Cấu trúc luận và chủ nghĩa Mác

Quan hệ giữa ý thức và ngôn ngữ đã trở thành vấn đề cơ bản trong hành trạng tư tưởng của Trần Đức Thảo. Ngay từ PMD, khi đi giải thích sự xuất hiện của ý thức qua những giai đoạn sơ khai của con người, ông ghi nhận từ tiếng hú loài vật qua ngôn ngữ con người đã phối hợp trên cấu trúc của lao động sản xuất.

Thật sự, Trần Đức Thảo vẫn chịu ảnh hưởng sâu đậm của hiện tượng luận. Sau Husserl, Merleau Ponty đã đặt trọng tâm vào vấn đề ngôn ngữ, khởi từ bài giảng "La conscience et l'acquisition du lagage" năm 1949, ở đó ông chỉ ra sự khác biệt giữa truyền thống triết học Descartes và triết học hiện đại chung quanh vấn đề ý thức và ngôn ngữ: trong truyền thống Descartes không có sự gặp gỡ giữa ý thức và ngôn ngữ trên cùng một bình diện, nói khác đi triết lý coi ngôn ngữ như một sự vật ở ngoài ý thức. Merleau Ponty đưa ra một đề cương tìm hiểu bản thể của ngôn ngữ, bao gồm việc nghiên cứu sự phát triển tâm lý của trẻ con, sự đóng góp của khoa ngữ học và những kinh nghiệm văn chương. Khi đi tra hỏi ngôn ngữ, ông đã phát hiện ra ngữ học có thể là một điển hình nguyên lý làm cơ sở cho việc phát triển một lý luận về những khoa học nhân văn, từ đó có thể thiết lập một khoa nhân loại học triết lý, phổ biến.

Đó cũng là khởi dầu của cấu trúc luận và người ta đọc lại nguồn gốc ngôn ngữ của Rousseau, Herder và Saussure.

Những tiểu luận mới của Trần Đức Thảo xuất hiện trên tạp chí cộng sản Pháp La Pensée vào năm 1966 sau nhiều năm im lặng đặt trọng tâm nghiên cứu về nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ mang chiều hướng này. Trong khoảng thời gian vắng tiếng, ông đã có cơ hội học tiếng Nga

để đọc những tư liệu dân tộc học và khảo cổ học của các nhà khoa học Liên Sô.

Những công trình nghiên cứu của ông được phép xuất hiện ở ngoài nước có thể giải thích với hai lý do: phù hợp với sự phát động cuộc chiến tâm lý tuyên truyền ra thế giới đảng cộng sản Việt Nam và Trần Đức Thảo đã trở thành một người mácxít lêninít chính thống.

Những tiêu chuẩn này được in lại trong tác phẩm "Nghiên cứu về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức" xuất bản năm 1973 (19). Trần Đức Thảo đã dẫn chứng Lênin và hoàn toàn dựa trên những lý luận kinh điển "ngôn ngữ là ý thức thực", mà "ý thức trước hết là một sản phẩm xã hội" (Mác) phát triển trong sinh hoạt và những quan hệ vật chất mà "vật chất là một thực tại khách quan ở bên ngoài ý thức của chúng ta" (Lênin).

Đi tìm nguồn gốc của ý thức, trước hết ông tránh rơi vào một nghịch lý quan niệm ý thức là vật chất vì như vậy lẫn lộn giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật vì người ta có thể đảo ngược lại quan niệm vật chất là ý thức.

Ý thức ở khởi đầu của nhân loại có thể đánh dấu từ sự xuất hiện những công cụ đầu tiên. Hoạt động sản xuất của con người chính là một hình thái sơ đẳng của ý thức. Những điều tra nhân loại học Mácxít xác định khởi đầu của ý thức phải xét từ giai đoạn trung gian trước khi con người tối cổ xuất hiện. Đó là giai đoạn trước khi có con người, loài vượn đã vượt lên khỏi tính cảm thụ để có tập quán lao động thích nghi. Ý thức như vậy được nghiên cứu trong "thực tại trực tiếp" của nó: *ngôn ngữ* bao gồm ngôn ngữ diễn đạt bằng cử chỉ và ngôn ngữ diễn đạt bằng lời.

Nguồn gốc ngôn ngữ được cấu thành trên sự vận động của lao động thích nghi ngay từ cấp độ vượn người. Trần Đức Thảo dẫn lời Engen: "Trước tiên là lao động rồi sau đó và đồng thời là ngôn ngữ. Đó là hai động lực chủ yếu tác động bộ óc của loài vượn dần dà biến hóa thành bộ óc của con người".

Lịch sử đã chứng tỏ là trí khôn loài vật chưa đạt tới mức độ ý thức, vì ở loài vật thiếu quan hệ ý thức với sự vật như ngôn ngữ có thể diễn đạt. Và dấu hiệu ngôn ngữ sơ đẳng nhất là động tác của dấu chỉ diễn đạt mọi quan hệ với sự vật bên ngoài, ở đó ý hướng tính cơ bản của ý thức là *ý thức về sự vật*, khác với cơ chế tâm linh thuần túy cảm xúc máy

móc nơi loài vật. Khi mô tả những hoạt động sơ đẳng, động tác của dấu chỉ là một cách gọi lao động trên đối tượng được chỉ. Ý chí trước hết phải được cấu thành dưới một dạng khách quan trong vận động nguyên ủy của ngôn ngữ khi vận động này đột phát những quan hệ vật chất của đời sống xã hội, điều Mác gọi là ngôn ngữ của đời sống thực. "Sản xuất những ý tưởng biểu hiện và ý thức trước hết một cách trực tiếp và riêng biệt lẫn vào hoạt động vật chất và giao dịch vật chất của con người, nó chính là ngôn ngữ của đời sống thực. Những biểu tượng, tư tưởng, giao dịch trí thức của con người xuất hiện ở đây như "khởi sinh trực tiếp của ứng xử vật chất (direkter Ausfluss ihres materiellen Verhaltens) của con người (20).

Đến đây Trần Đức Thảo muốn chỉ ra hướng nghiên cứu qua lối đặt vấn đề khởi từ một ý nghĩa tuyệt đối tự căn cơ ở trong ngôn ngữ của đời sống thực có trước mọi ý thức nói chung, và chỉ từ khi có chủ thể hóa mới xác định ra ý thức nguyên ủy. Trong mọi bước tỉ mỉ mô tả những động tác dấu chỉ của con người nguyên thủy, ý nghĩa này được giả định ở mọi giai đoạn tiếp theo như những điều kiện tiên quyết của thao tác ngôn ngữ hay tư tưởng.

Hướng nghiên cứu này hoàn toàn theo quan điểm duy vật vì ý nghĩa của dấu chỉ liên hệ một cách trực tiếp và duy nhất tới chính sự vật trong hiện hữu ngoại tại, coi như độc lập với chủ thể, hay nói một cách khác, sự vật trong hiện hữu vật chất. Chính khởi từ hình thái khách quan của dấu chỉ đã đắc thủ mới có hình thái chủ quan xác định mối quan hệ đầu tiên có ý hướng của chủ thể đối với khách thể, như ý thức nguyên ủy của khách thể. Cho nên Mác xác định ý thức không là gì khác hơn cái hữu thể có ý thức (das bewusste Sein). Có thể nói, ngôn ngữ là chính ý thức trong thực tại trực tiếp của nó, thì ý thức là ngôn ngữ mà chủ thể nói với chính mình, nói chung dưới dạng "ngôn ngữ bên trong".

Vận động vật chất hàm ngụ trong ý thức là chính ngôn ngữ, nói khác đi tín hiệu ngữ học là vận động vật chất của hành vi chỉ thị. Trong Grundrisse, Mác quan niệm ngôn ngữ là hiện thể của cộng đồng, nên mối quan hệ giữa cá thể và ngôn ngữ chỉ xác định khi cá thể là một thành viên tự nhiên của cộng đồng con người. Trong phần nghiên cứu thứ hai của tác phẩm "Recherches sur l'origine du langage et de la conscience) (ROLC), dưới nhan đề: ngôn ngữ hỗn tạp (Le langage syncrétique), Trần Đức Thảo mở đầu từ một khái niệm của Jacobson:

"Ý nghĩa của một tín hiệu là một tín hiệu khác, nhờ đó tín hiệu có thể được thông diễn" và phê phán: Nếu tất cả ý nghĩa của những tín hiệu là đi từ tín hiệu này qua tín hiệu khác, chứ không bao giờ liên hệ trực tiếp với sự vật thì như vậy, một cách thực tiễn, chúng ta bị vây kín trong thế giới những tín hiệu và không thể thấy được sự vật muốn nói gì. Đó là một sai lầm nghiêm trọng vì ngay trên bình diện phân tích những tín hiệu, không thể chối bỏ sự hiện hữu của một tín hiệu cơ bản, mà ý nghĩa rõ ràng xác minh "một liên hệ trực tiếp giữa từ ngữ và sự vật": đó là tác động của dấu chỉ (le geste de l'indication), ở đó chúng ta chỉ ngón tay trên chính sự vật. Khi Lênin định nghĩa cảm giác là dây liên lạc trực tiếp của ý thức với ngoại giới, ông muốn chỉ ra rằng khái niệm vật chất đối với con người là vấn đề tín nhiệm vào những *dấu chỉ* (pokasaniiam) của những giác quan, vấn đề về những nguồn gốc của những nhận thức nơi con người (21). Toàn bộ những nghiên cứu về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức khởi đi từ vấn đề vận động của dấu chỉ.

Dựa vào quan điểm duy vật, ông xác định tín hiệu của dấu chỉ phát triển theo sự vật trong vận động của nó. Lý luận phản ánh bắt nguồn từ Mác, quan niệm "vận động của tư duy chỉ là phản ánh của vận động thực, được vận chuyển vào trong bộ óc của con người". Khi đi tìm lùnh thái nguyên ủy của ý thức, thông qua quá trình tiến hóa từ loài vượn lên loài vượn người, rồi từ loài vượn người qua loài người khéo léo (homo habilis), chúng ta nhận thấy hàm mặt đã thanh tú hơn và bộ óc tăng trưởng chứng tỏ sự phát triển đầu tiên của ngôn ngữ và ý thức. Dựa vào khả năng của giác quan, Trần Đức Thảo nhận xét: Ý thức xuất hiện ở khởi đầu của sự phát triển nơi loài vượn người bằng chủ quan hóa tín hiệu của dấu chỉ dưới dạng thái xác thực khả xúc của thực tại khách quan của sự vật được tri giác (22).

Từ quan điểm của Engen: "Cũng như lịch sử tiến hóa của thai nhi trong bụng mẹ chỉ biểu hiện một sự lập lại thu gọn lịch sử hàng triệu năm tiến hóa thể chất của tổ tiên động vật của chúng ta, bắt đầu từ loài sâu, sự tiến hóa trí khôn của trẻ con cũng là một sự lập lại thâu tập sự tiến hóa trí khôn của những tổ tiên này, ít ra là từ những tổ tiên gần dạng người" (23), toàn bộ dề cương nghiên cứu trong PMD tìm hiểu khởi sinh những cấu trúc của ý thức từ khảo sát nguồn gốc sinh vật của con người về mặt phát triển cá thể và chủng loại đối chiếu sự phát triển nơi

trẻ sơ sinh với sự phát triển cơ xúc từ loài sâu đến loài vượn, sang đến ROLC hướng đi vẫn không thay đổi.

Những tư liệu tâm lý học về trẻ con trong ROLC phần lớn dựa trên những công trình của những nhà tâm lý học Liên Sô như Gvosdev, Konnikova và nhất là Piaget (người Thụy Sĩ, rất gần với quan điểm Mácxít, như Goldman nhận định), còn những tư liệu nhân loại học trong ROLC dựa trên những công trình của Iakimov, Spirkine, Kotchetkova nhằm mô tả vận động biện chứng của những tín hiệu dấu chỉ phát triển ở loài vượn người và trẻ con, khởi thủy của ngôn ngữ và ý thức.

Vận động của dấu chỉ về mặt duy vật biện chứng khởi sinh từ lao động tập thể thích nghi được phát triển từ trình độ vượn người. Quá trình tiến hóa từ loài vượn người lên loài người đánh dấu từ khi đứng và đi thẳng bằng hai chân, giải phóng bàn tay để có thể tập thói quen biết sử dụng phương tiện. Một sự phát triển như vậy giả định tín hiệu của dấu chỉ trong hình thái sơ đẳng nhất sử dụng phương tiện tập thể, đồng thời cũng dắc thủ được trong tổ chức thần kinh, giải phóng bộ óc qua những hoạt động cao cấp: ngôn ngữ và ý thức, vượt khỏi những hạn chế của hoàn cảnh. Từ phương tiện tự nhiên, đến sửa soạn phương tiện như biết mài cạnh đá cuội, phát triển phương tiện (ở giai đoạn Kafouen và Olduvai), cho đến khi thực sự tạo ra công cụ là cả một quá trình từ con người được hình thành (tác nhân sản xuất ra phương tiện) cho đến khi con người hoàn tất (tác nhân sản xuất ra công cụ).

Khi đi phân tích tín hiệu của dấu chỉ phát triển, nơi loài người sơ khai sống thành đoàn nhóm săn bắt mồi, lấy hình ảnh người săn thấy con mồi ở phía xa và chỉ cho những người khác bằng một cử chỉ của bàn tay dang ra về phía trước, nơi trẻ sơ sinh 14 tháng biết ra tín hiệu bằng cử chỉ, Trần Đức Thảo diễn tả ý chí của động tác dựa trên một ảnh tượng được phát biểu "*cái này* trong một *vận động* trong *hình thái chỉ cách xa*" bằng công thức CMI, phát biểu một cách chung là "*cái này* trong một *vận động* trong *hình thái*" bằng công thức CMF, gọi là công thức của dấu chỉ phát triển bao gồm một số những khả năng biến hóa để có thể hiểu tính đa nghĩa của tiếng dựa trên cử chỉ (24), phân tích cho đến tận cùng, đó là toàn bộ vận động diễn đạt bằng cử chỉ, sơ bộ hay hoàn tất, tạo thành ý nghĩa của tiếng.

Nhận thức được tín hiệu của dấu chỉ phát triển chỉ có được khi chủ thể có thể nói với chính nó: Khi tín hiệu được đội trở lại chính nó nơi

trẻ con dưới hình thức chơi đùa, trên thực tế là những điều kiện nguyên thủy trong thực tiễn lao động tập thể. Lao động vượn người đã trao đổi lẫn nhau cùng dấu chỉ phát triển về một đối tượng của hình thái CMF. Trong thí dụ nêu trên, khi những người săn trong nhóm trao đổi dấu chỉ này, nghĩa là trao đổi với nhau và với chính mình khi đồng nhất với tiếng gọi của người tiền phong, tín hiệu mới mang chính ảnh tượng nhờ đó những người săn gọi nhau theo bắt con mồi, vận động của một nhận biết như vậy tạo hình thái của cải *sinh động* đó như là hành vi mang ý nghĩa vật chất gọi là *ý thức* (25).

Những phân tích cụ thể về biểu tượng cho thấy ý thức chân chính của sự vượt qua khi minh giải nội dung thực kỳ thành của nó, tức là cái nội dung xã hội, chứng tỏ sự hiện diện thực cùng khắp của lao động tập thể, sinh ra sự hiện diện cùng khắp lý tưởng của ý thức. Sự phát triển qua lao động tập thể do sự phát triển ra phương tiện tiến đến sự phát triển phân bố công tác trong khuôn khổ thông tin mở rộng là một bước tiến bộ trong cấu trúc ngôn ngữ. Mâu thuẫn khách quan giữa những quan hệ mới trong lao động tập thể do sự phát triển những lực lượng phương tiện và hình thái đắc thủ cũ của ngôn ngữ tạo cho một cấu trúc ngữ học mới phát sinh. Quan hệ song hành cơ bản của cử chỉ và tiếng tạo ra nhóm từ có tính chức năng là một bước tiến bộ nhất định trong sự tiến bộ của nhận thức. Nhóm từ về mặt chức năng xuất hiện vào cuối giai đoạn hai của loài vượn người đánh dấu hình thái ngữ học mới cho đoàn nhóm tương ứng với nhận thức của tập thể.

Ở buổi đầu, ngôn ngữ của loài vượn người cũng như nơi trẻ sơ sinh còn là thứ ngôn ngữ hỗn tạp. Vượt qua giai đoạn ngôn ngữ hỗn tạp, vươn lên khỏi hình thái và sự khai sinh ra từ Trần Đức Thảo biểu tượng phân biệt của hình thái. Từ có một vị thế nhất định, không còn là thứ tiếng hỗn tạp nữa. Do ước lệ xã hội, tương ứng với kinh nghiệm về nhiều mặt đối tượng vượt khỏi những khả năng trực tiếp của sự phát triển của hoàn cảnh hiện tại. Dấu chỉ của đối tượng ở đây tương ứng với lối gọi tên điển hình đánh dấu một bước mới nhất định trong sự tiến bộ của nhận thức. Cấu tạo điển hình này đánh dấu bước đầu của lao động sản xuất nơi người khéo léo (Homo habilis).

Sau giai đoạn ngôn ngữ hỗn tạp, nhóm từ được hình thành, có nghĩa là sự biện biệt hóa chủ từ kéo theo sự xuất hiện những câu được phát biểu đúng nghĩa với những quan hệ giữa chủ từ và động từ. Động từ chỉ

xuất hiện sau cùng, tiếp nối tức từ ở trẻ con đã được 23 tháng (nơi quá trình lịch sử con người sau thời đại Prehominien) (26). Trong tiết III của phần hai nghiên cứu về ngôn ngữ hỗn tạp, dưới tiểu đề "tổ biện chứng nhận thức" (l'alvéole de la dialectique de la connaissance), Trần Đức Thảo muốn chỉ ra rằng từ quá trình tìm hiểu ý nghĩa hỗn tạp của dấu chỉ đã cho thấy những mầm mống của mỗi thành tố biện chứng của nhận thức như một tái sản xuất lý tưởng cải biến chung của sự vật. Những mâu thuẫn của biến chứng sự vật ở trạng thái tiềm ẩn đã tuần tự xuất hiện trong sự phát triển của thực tiễn xã hội, tạo thành những hình thái mới của ngôn ngữ và ý thức, ở đó cấu trúc ngữ nghĩa nguyên ủy làm cho những tác động ngữ học được phong phú lên dựa trên mô hình của sinh hoạt vật chất và những tương giao vật chất giữa những người lao động, và khi diễn đạt tượng trưng bằng lời đã tạo thành một hình ảnh càng lớn và rõ hơn về ngoại giới. Ở vào kỷ thứ ba và thứ tư, tín hiệu của dấu chỉ phát triển tương ứng với sự phát triển của lao động thích nghi đơn giản, nghĩa là biết sử dụng phương tiện tự nhiên và phương tiện được sửa soạn trở thành ứng xử bình thường nhờ ở bàn tay được giải phóng. Sự nhẩy vọt từ phát triển về lượng sang phát triển về chất với sự trao đổi những thông tin trong đoàn nhóm, trong sự hợp tác lao động tập thể khi đã có dấu chỉ biểu tượng về "cái này" vắng mặt, khi đã vượt qua được mâu thuẫn giữa đối tượng và vận động trong hình thái sơ đẳng nhất, nghĩa là khi đối tượng biến khỏi trường tri giác hiện tại. Bước tiến bộ về chất này trong sự phát triển của ngôn ngữ và ý thức lần đầu tiên đã cho phép chủ thể vượt qua một cách lý tưởng những hạn chế chật hẹp của dữ kiện hiện tại, chính là giải phóng được bộ óc. Ở giai đoạn Kafouen (thời đầu kỷ Pleistocene thứ cấp), con người biết sửa soạn phương tiện bằng sự điều động trực tiếp chất liệu với sự phát triển lao động nhờ một phương tiện thứ hai (dùng hai hòn cuội, một là đối tượng lao động, một là phương tiện lao động). Sử dụng phương tiện phát triển làm cho đoàn nhóm phân biệt thành những đôi dắc thủ, tạo cho lao động thành hình thái lao động thích nghi phức tạp. Những mâu thuẫn mới lại xuất hiện ở trình độ hoạt động và những tương giao vật chất giữa những người lao động, được phản ánh trong ngôn ngữ bằng một loạt những ngộ nhận, như khi một tiếng được dùng để chỉ vận động của một đối tượng nhất định nơi người này đối với người nghe lại biểu tượng vận động này trên một đối tượng khác. Mâu thuẫn ấy chỉ được giải đáp trong hình

thành nhóm từ có chức năng sơ đẳng. Với một cấu trúc mới của ngôn ngữ và ý thức lao động triển khai dựa trên một ảnh hưởng điển hình lý tưởng của hình thái phương tiện mang một cách thế chung cho mỗi người lao động. Tác động ngữ học mới chỉ định hình thái của hành vi lao động, mà nhận thức là xuất hiện kỹ thuật sản xuất, ở đó sự thực hiện chính xác ảnh tượng điển hình của hình thái phương tiện được đảm bảo trong sự xác định có ý thức về những vận động của sự điều động chất liệu, như Mác nhận định:

"Con vật chỉ là một với hoạt động sống. Nó không tách rời mà chính là hoạt động sống này. Con người làm cho hoạt động sống thành đối tượng của ý chí và ý thức của con người. Con người có một hoạt động sống có ý thức. Đó không phải là một xác định đơn giản mà con người nhập vào một cách trực tiếp. Hoạt động sống có ý thức phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sống có ý thức. Con người một cách minh thị ở đó hiện hữu như một chủng loại" (27).

Chính qua đắc thủ và nhận thức được tín hiệu dấu chỉ của hình thái vận động trên đối tượng mà hoạt động sống có ý thức là một lao động sản xuất. Khi lao động đã hoàn toàn thuộc về con người, đó là lúc loài người Homo xuất hiện. Tuy vậy sự sản xuất vào thời kỳ này vẫn còn ấu trĩ vì hạn chế trong phần hữu dụng của phương tiện. Khi con người sản xuất ra công cụ, nghĩa là chế tạo toàn bộ chất liệu theo một hình thái điển hình toàn diện, phác họa từ trong đầu một kế hoạch hoạt động, đó là lúc người lao động có thể chỉ định cho chính mình một loạt những khai triển hình thái điển hình nhất định, ngôn ngữ đã có sự phân biệt động từ. Từ sản xuất ra phương tiện ở vào lúc nhân loại ví như một thai nhi ở giai đoạn cuối hình thành, cho nên Engen gọi là con người đang hình thành (der werdende Mensch), sang đến giai đoạn sản xuất công cụ, hàm ngụ sự cấu thành nhóm từ trong ngôn ngữ thực hiện đồng thời với biện chứng nguyên ủy của lực lượng và quan hệ sản xuất trong sự phát triển từ con người khéo léo sang con người lao động (Homo faber), con người đã hoàn toàn là người (der fertige Mensch). Loài người lúc đó như rời khỏi bụng mẹ thiên nhiên để bước sang một thế giới mới, thế giới văn hóa. Con người đi từ lao động nguyên thủy (Homo faber primigenius) đến con người hiện tại, có lao động trí thức (Homo faber sapiens).

Từ công thức cơ bản CMF biểu hiện công thức của dấu chỉ phát triển,

Trần Đức Thảo đã chịu ảnh hưởng của cấu trúc luận không phải như một hệ thống mà như một phương pháp để nghiên cứu quá trình biến chuyển của những tín hiệu biểu tượng tới sự hình thành nhóm từ đúng nghĩa, kế tiếp giai đoạn ngôn ngữ hỗn tạp. Tác phẩm ROLC vẫn chỉ là một công trình khởi thảo chưa hoàn tất.

Phân tâm học và chủ nghĩa Mác

Phân tâm học là một trong những nguồn tư tưởng lớn ảnh hưởng đến sinh hoạt trí thức nói chung của thế kỷ. Cùng với cấu trúc luận, phân tâm học trở lại sinh động sau biến động 68 ở châu Âu và là đối tượng phê phán của người mácxít. Cho nên trong phần thứ ba của tập Nghiên Cứu, Trần Đức Thảo đã dành gần một trăm trang để đối chiếu "chủ nghĩa Mác và phân tâm học" với mục đích khai phá "hạt nhân hợp lý" trong những quan sát khoa học thành tựu của phân tâm học. Ông khẳng định:

"Chỉ có chủ nghĩa duy vật lịch sử khi phát triển lý luận về những hình thái lịch sử - xã hội của cá thể, mọi lý giải dứng đắn chất liệu phong phú của những dữ kiện khách quan mà phân tâm học tích lũy được" (28).

Khác với những người mácxít giáo điều, Trần Đức Thảo cũng như một số ít người mácxít khác nhìn nhận mối quan hệ và kế thừa những thành quả khoa học của cấu trúc luận và phân tâm học. Mục tiêu nghiên cứu như đề ra trong tiểu dề là "những nguồn gốc của khủng hoảng Oedipe". Mặc cảm Oedipe như André Green đã chỉ ra là một "định tố sơ cấp" mặc dầu gắn liền với những hình thái xã hội của mọi thời đại, nhưng độc lập với tính lịch sử này. Mặt khác Oedipe như Moustafa Safouan xác định:

"Oedipe không phải là huyền thoại... mà là một cấu trúc theo đó dục vọng sắp đặt thế nào để cấu thành một hiệu quả trong quan hệ của tồn tại của con người, không phải với tính xã hội nhưng với ngôn ngữ" (29).

Tuy không đồng quan điểm với những nhà phân tâm học coi mặc cảm Oedipe là phổ quát định vị dục vọng, nhưng Trần Đức Thảo cũng khởi đi từ ý hướng tìm hiểu Oedipe trong vận động của ngôn ngữ. Ông cũng không phủ nhận mặc cảm Oedipe như Deleuze và Guattari (30) và nghiên cứu về khủng hoảng Oedipe đóng góp vào cuộc tranh luận

diễn ra trong thời điểm cấu trúc luận này. Quan điểm của ông cũng gần với André Green khi chú trọng đến phương thức cơ bản của mặc cảm Oedipe trong mối quan hệ với người sản xuất.

Trong khi phân tâm học quan niệm mặc cảm Oedipe là phổ quát, nghĩa là con người sinh ra mang một mặc cảm huyết tộc diễn ra trong mối quan hệ tam giác xung đột (cha-mẹ-tôi), Trần Đức Thảo nhận định cấu trúc Oedipe không phải là một dữ kiện trực tiếp mà cấu thành như hậu quả của toàn sự phát triển. Ngay chính Freud cũng nhìn nhận ở con gái, mặc cảm Oedipe chỉ là hình thái thứ yếu. Như vậy, trước khi có mặc cảm Oedipe, phải xét đến nguồn gốc của giai đoạn tiền Oedipe, mối liên lạc xã hội đầu tiên của con người. Sự phát triển lao động theo Engen thiết yếu đã góp phần vào việc xiết chặt những dây liên lạc giữa những thành viên của xã hội, khi gia tăng những hỗ trợ lẫn nhau, hợp tác chung và khiến cho mọi thành viên ý thức được tiện lợi của sự hợp tác này. Ở khởi điểm nguồn gốc gia đình, lực lượng thống nhất và hoạt động tập thể của đoàn nhóm đã thấy khả năng tự vệ không đầy đủ của cá nhân. Thực tiễn lao động tập thể đã đưa đoàn nhóm nguyên thủy này thủ tiêu "tính cá nhân thú vật" trong tập thể thú vật này để bước sang xã hội người, cũng như trấn áp được tính ghen tương tìm thấy nơi động vật. Theo Lênin, đây là một bước quyết định của "công xã nguyên thủy" trong quá độ từ tự nhiên lên văn hóa.

Như vậy khởi sinh của khủng hoảng Oedipe bắt nguồn từ chỗ nào? Khủng hoảng này hàm ngụ hình thái đối lập của một sự xung đột dữ dội giữa những thế hệ, nghĩa là những người *con* bị dồn ép trong dục vọng bị cấm đoán hưởng về những người *mẹ*, và dương đầu một cách phạm tội đối với những người *cha*. Sự ghen tương chỉ có thể xảy ra trên một cơ sở xã hội. Tuy nhiên, trước hết phải xét đến "bi kịch của người đàn bà về mặt sinh vật" tạo ra những điều kiện của một bi kịch xã hội thực. Đó là giai đoạn từ thời đồ đá cũ thứ cấp, khi con người đã trở nên con người lao động nguyên thủy: người đàn bà đã ở dạng đứng thẳng, chuyển động bước đi bằng hai chân đã phát triển, cấu tạo hông điều chỉnh lại khiến cho số tử vong vì tai nạn đó mang thai và sinh đẻ tăng lên khiến số đàn bà ít hơn đàn ông. Dựa vào tư liệu của Nemilov (31), ở thời Mousterien, tuổi tối đa của đàn bà là 30 trong khi đàn ông sống tới 45 và đàn bà lấy chồng vào tuổi 15 đến 30. Như vậy, quan hệ hôn nhân trai gái trong thời đại này tương ứng theo biểu đồ: về phía nữ, thời

con gái bắt đầu từ 0 đến 14 và thời làm mẹ từ 14 đến 30, về phía nam, thời làm con từ 15 đến 29 và làm cha từ 29 đến 45. Mối tương giao tam giác Oedipe như phân tâm học chỉ ra chỉ có ý nghĩa về mặt vận động ngôn ngữ, và cái loạn luân Oedipe về mặt thực tiễn không thể nào xảy ra vì hầu như những con trai bao giờ cũng là những đứa trẻ mồ côi mẹ trước khi đến tuổi dậy thì; nói khác đi cái quan hệ tam giác cha-mẹ-tôi không có gì chung với những quan hệ thân tộc thực, nó chỉ diễn đạt sự mâu thuẫn của những quan hệ xã hội bị chế tài bởi ngôn ngữ (32).

Sau hàng triệu năm phát triển ngôn ngữ và ý thức trong vận chuyển của lao động và những quan hệ xã hội, con người hình thành đắc thủ được những tập quán hợp nhất và đoạn kết, giải phóng lao động sản xuất khỏi quy luật động vật để tạo ra những quan hệ xã hội mới. Cùng với sự tiến hóa tận cùng của con người Homo habilis, với bi kịch sinh đẻ, người đàn bà không còn theo đàn ông đi săn nữa mà trông nom con cái, cùng với nhóm đàn ông có ở nhà để bảo vệ chống thú dữ. Thành ra lần đầu tiên có một sự phân công lao động với sự xa cách nhất thời giữa hai đoàn nhóm. Người đàn bà ở nhà làm nội trợ và những nhân tố đầu tiên của những lực lượng sản xuất công cụ đòi hỏi tiên thủ tính cá nhân thú vật; chúng ta có thể coi toàn bộ vận động này như sự khai mào quy luật cơ bản của toàn xã hội con người: quy luật tương ứng tất yếu giữa những lực lượng sản xuất và những quan hệ sản xuất.

Con người đã biết sử dụng lửa và những dụng cụ nhỏ tạo thành công nghiệp gia đình đòi hỏi phần vụ đặc biệt của người đàn bà, không thích hợp với những phong tục phóng túng của truyền thống trong cộng đồng nguyên thủy. Do đó có một mâu thuẫn sâu sắc giữa tất yếu xã hội đình hoãn mọi quan hệ tình dục với những đàn bà lo công tác lao động nội trợ tập thể với tự do phóng túng về quan hệ tình dục. Những điều kiện sử dụng lửa nơi người thời Acheuléen chưa biết cách tạo ra lửa theo ý muốn đòi hỏi một trong những nhiệm vụ chính của đàn bà là lo canh gác lửa, tạo ra một cấm đoán tình dục, dưới hình thức cấm tuyệt đối đàn ông giao tình với đàn bà, và khi phạm lỗi có thể bị thẩy vào lửa, tạo ra nghi lễ ăn thịt người, và có thể là khởi đầu của mọi nghi lễ hy sinh của tôn giáo. Cũng chính ở nơi người Acheuléen này khởi sinh ảo tưởng của người đàn bà có dương vật (giữ một vai trò đáng kể trong lý luận phân tâm học về mặc cảm Oedipe). Theo Freud, giai đoạn Oedipe nơi trẻ con tương ứng với "sự cấu tạo dương vật" phát triển ở cả hai phái với

sự tin tưởng tiền định là mọi người, đàn bà cũng như đàn ông đều có cơ quan sinh dục đàn ông: "Giai đoạn dương vật này đồng thời cũng là giai đoạn của mặc cảm Oedipe" (33). Tuy nhiên, theo Trần Đức Thảo, giai đoạn dương vật bắt đầu sớm hơn. Ông đặt bước khởi đầu ảo tưởng của đàn bà có dương vật trong sự phát triển của đứa trẻ ba tuổi tương ứng với người Acheuléen về mặt phát sinh chủng loại. Người đàn bà Acheuléen mang dương vật giả trong khi lo phụng vụ lửa tập thể với ý nghĩa: "Người đàn bà này, trong khi thi hành nhiệm vụ xã hội phải được kính nể như *một người đàn ông*" (34) nhằm ngăn cản công việc yêu đương. Tín hiệu của người đàn bà mang dương vật có lẽ được khái quát suốt từ thời tiền và hậu Acheuléen, tăng cường sự tuân thủ cấm đoán tình dục với người nội trợ, ổn định phân công lao động giữa hai phái, khiến lực lượng lao động tiến bộ. Tuy nhiên sự phát triển sản xuất tạo ra những quan hệ mới, dẫn đến những xung đột mới. Khi sử dụng lửa đã tiến tới cá nhân hóa, công việc nội trợ tập thể trở thành nội trợ lứa đôi, như với biểu đồ hôn nhân đã đề cập nơi trên, thiết yếu dẫn tới sự cấm đoán quan hệ tình dục cho tất cả thế hệ trẻ nam, tạo cho thế hệ *cha* ưu thế và thế hệ *con* bị dồn ép:

"Trong ngôn ngữ của đời sống thực dựa trên mẫu bi kịch xã hội này, những tác động ngữ học mới đem lại cho những từ 'cha', 'mẹ', 'con' đã hình thành trong thời kỳ trước một nội dung ngữ nghĩa mâu thuẫn" (35).

Ở thời kỳ đồ đá cũ, quan hệ giữa người mẹ thực hay những người đàn bà đồng lứa với con trai là quan hệ dưỡng dục còn ở thời kỳ mà tín hiệu dương vật người đàn bà mang trong công việc nội trợ nhằm tiêu diệt mọi hàm ngụ tình dục trong quan hệ, những người thanh niên ở tuổi dậy thì đã mất những người mẹ thực, bắt buộc có quan hệ này với những người đàn bà cùng lứa, mà y phải coi là *mẹ*, vì họ lấy *cha* và chính y sẽ lấy một trong những *con gái* của họ. Cho nên nội dung ngữ nghĩa nguyên thủy của mẹ coi như "*mẹ nuôi dưỡng, giúp đỡ và mang dương vật*", còn mang ý nghĩa mâu thuẫn là "*mẹ, đối tượng của dục vọng*", cũng như "*người cha dưỡng dục*" còn mang ý nghĩa mâu thuẫn là "*cha, đối thủ của con trai*".

Trong những cộng đồng thời đồ đá cũ cao cấp, nhóm người lớn tuổi mặc dầu là thiểu số tạo thành một tầng lớp xã hội đặc biệt, nhờ kinh nghiệm tạo những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ đánh dấu sự xuất hiện con người lao động trí thức. Có thể chính tầng lớp này nắm quyền xã

hội và nguồn gốc tục cắt da quy đầu thực hiện trong những nghi lễ dẫn vào tuổi dậy thì bắt đầu từ thời kỳ này, nhắm bắt trẻ dậy thì từ bỏ dục vọng tình dục cho đến tuổi được kết hôn. Điều này tương ứng với mặc cảm thiến hoạn nơi trẻ con 5 tuổi. Biểu tượng của thiến hoạn nhằm củng cố quyền lực của người lớn tuổi cũng thủ tiêu tín hiệu tạo ra ý nghĩa cơ bản của mặc cảm này nơi ảo tưởng của đàn bà có dương vật. Biểu tượng này thể hiện trong những nghi lễ phá trinh những cô gái, không phải chỉ chọc thủng màng trinh, còn cắt tiểu âm thần và đôi khi cắt cả mồng dốc. Vào thời đại này, tuổi thọ đã tăng và do sự bất quân bình giữa hai phái, những người đàn ông góa lớn tuổi có quyền ưu tiên cưới những cô gái đến tuổi lấy chồng. Đó là lý do tầng lớp người già này dùng sự thiến hoạn tượng trưng để củng cố quyền hạn trong hôn nhân, khiến những thiếu nữ phải lấy những người ở lứa tuổi cha họ. Điều này có thể giải thích luận điểm của Freud là: trong khi mặc cảm Oedipe nơi con trai lặn đi dưới hiệu quả của mặc cảm thiến hoạn, lại có khả năng diễn ra do mặc cảm thiến hoạn nơi con gái. Freud coi sự khác biệt này là một hệ quả tự nhiên của sự phân biệt cơ quan sinh dục và hoàn cảnh tâm linh; Trần Đức Thảo quan niệm sự khác biệt này chủ yếu có nguồn gốc xã hội. Trong điều kiện người già thống trị, những người "cha" lợi dụng hoàn cảnh để lập chế độ đa thê, cưới những cô gái trẻ làm vợ thứ, và kết quả là trong những gia đình đa thê, người chồng và người vợ đầu ở tuổi cha, mẹ của người vợ mới, và người này dễ dàng trở nên ghen với "mẹ" cùng chung chồng, ở vào địa vị người "cha" của mình. Trần Đức Thảo nhìn nhận mặc cảm Oedipe được cấu thành, trong những điều kiện của thời đồ đá cũ cao cấp này, mặc cảm Oedipe nơi phái nữ có thể coi như sự hình thành cuối cùng có tính cơ tâm linh phản ứng một cách tiền định trong thời tiền sử ấu trĩ. Sự cắt da quy đầu là tín hiệu cấm đoán loạn luân giữa "con trai" với "mẹ", nhưng mở đường cho sự loạn luân giữa "cha" và "con gái". Sự loạn luân nói chung chỉ bị cấm đoán khi xã hội có lệ ngoại hôn. Ở những xã hội ngoại hôn này, cắt da quy đầu mang ý nghĩa một sự cấm đoán toàn diện về loạn luân.

Đó là thời đồ đá trung, bi kịch sinh vật nơi người đàn bà đã kết thúc, chấm dứt tiến hóa sinh vật - xã hội với thiết lập chế độ ngoại hôn như bước đầu của lịch sử xã hội. Khi cấu trúc kết hôn ngoại tộc đã hình thành cấu trúc thực sự của những quan hệ tình dục của con người thì mặc cảm thiến hoạn không còn tuyệt đối giữ vai trò cấu trúc hóa của những quan

hệ tình dục nơi con người nữa, những hình thái tâm linh liên hệ đến mặc cảm Oedipe chỉ là những hình thái ngữ nghĩa từ nguyên ủy ở trong thời tiền sử của nhân loại do vận động vật chất của dấu chỉ bằng cử chỉ và bằng lời được tạo theo khuôn khổ của biện chứng sinh vật - xã hội trong khởi sinh của nhân loại. Những động vật cơ bản của khởi sinh nhân laọi bao gồm sự phát triển lao động, ngôn ngữ và ý thức với những tiến bộ liên hệ đến bộ óc và những quan hệ xã hội, do đó khủng hoảng Oedipe trong những quan hệ hôn nhân, ngôn ngữ và ý thức chỉ là biến trạng của sự phát triển, tuyệt đối không phải là một "giai đoạn tất yếu" trong sự phát triển loài người Homo (36).

Trần Đức Thảo nhận định phân tâm học có tác dụng chữa bệnh vì tâm bệnh biểu hiện nơi mặc cảm Oedipe là một *bệnh của ngôn ngữ*, do đó có khả năng của một sự diều trị bằng chính ngôn ngữ. Tuy nhiên lý luận phân tâm học chỉ mang những khái niệm chung có tính miêu tả, gồm một số chất liệu phong phú những sự kiện cụ thể, nhưng không có khả năng lãnh hội chung trong *những xác định cụ thể* và chỉ có chủ nghĩa duy vật lịch sử mới có những khái niệm khoa học thiết yếu để đi sâu vào nội dung nhất định của những hiện tượng tâm linh và đem lại một lý giải rõ ràng. Từ quan điểm này, xung đột Oedipe mang mâu thuẫn biện chứng được xác định qua lịch sử giữa hai quy luật: quy luật nguyên thủy của cộng đồng dàn bà bảo đảm sự thống nhất và liên đới tất yếu trong khởi dầu sản xuất ra công cụ; và quy luật mới của hôn nhân lứa đôi đề ra trong sự tiến bộ của những lực lượng sản xuất, nhất là sự phát triển công nghệ gia đình thời Mousteriens (37). Mâu thuẫn của hai quy luật này mang hình ảnh của một sự xung đột sâu sắc giữa các thế hệ, biểu hiện bi kịch xã hội diễn ra trong bi kịch tâm lý của trẻ con và người bị loạn thần kinh. Sự phát triển nhân cách theo Trần Đức Thảo không thông qua mặc cảm Oedipe vì từ ba tuổi, đứa trẻ trải qua hai con đường: mối liên hệ đồng nhất không đối nghịch với cha mẹ xảy ra vào hai tuổi và dục vọng ghen tị chỉ bắt dầu vào ba tuổi, nhưng chỉ có con đường thứ nhất mới có một tương lai thực và hoàn tất một cách hữu hiệu chuyển biến của con người. Con đường dục vọng chỉ là một biến thể, xác định với mặc cảm thiến hoạn, giảm trừ Oedipe vào hiện hữu ngầm của *vô thức*: vô thức trong nội dung Oedipe chỉ là tồn tại của một ngôn ngữ bị bóp méo ngay tự nguồn. Tóm lại, mặc cảm Oedipe ở bất cứ cấp độ nào cũng không thấy ở nguồn gốc của bản ngã trẻ con; nó đối lập ngay từ

dầu với cấu trúc sâu sắc nhất của hiện hữu cá nhân, và như vậy mở đường cho bệnh loạn thần kinh phá hủy bản ngã. Nó là *ngôn ngữ tha hóa*, bị bủa vây trong bất lực để khuấy động triền miên trong sự bế tắc khủng hoảng của những giấc mộng và ác mộng, ám ảnh và ảo ảnh (38).

Người mácxít Việt Nam duy nhất

Qua hai tác phẩm chính PMD và ROLC của Trần Đức Thảo, lý nhất quán xuyên suốt là quy luật tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xác định sự chuyển biến của lịch sử con người. Khi đọc Husserl qua Ideen II, Trần Đức Thảo đã chú ý đến thái độ nhân chủ (l'attitude personnaliste) trong tư tưởng của Husserl xác định *thế giới của tinh thần* (le monde de l'esprit) được biểu trưng như một thái độ thực tiễn, trong đó cái hiện thực chỉ có ý nghĩa trong những mối liên hệ với chủ thể cụ thể, trong đời sống kỳ thành (39). Trên con đường từ hiện tượng luận qua chủ nghĩa Mác, Trần Đức Thảo khẳng định cơ sở thực của "thế giới tinh thần" được thể hiện nơi vận động của giai cấp vô sản nhằm thủ tiêu mọi cấu trúc giai cấp, ở đó lịch sử không còn là lịch sử của những giai cấp lãnh đạo nữa, mà là *lịch sử của lao động sản xuất và những quan hệ của con người* (40). Từ khái niệm ý thức là "vận động của vật chất" của Engen, ông đã lập lại quan niệm của Mác là không có ý thức tự tại, mà chỉ có ý thức dựa trên lý giải về "những mâu thuẫn của đời sống vật chất" - sự xung đột giữa những lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất hiện hữu (41). Ở tác phẩm sau ROLC, Trần Đức Thảo lại xác định, từ sự thống nhất trực tiếp đẹp đẽ ở buổi đầu của cộng đồng con người nguyên thủy đã tự hủy diệt để nhường chỗ cho cuộc vận động nghịch lý trường kỳ, ở đó sự phát triển của bản chất xã hội của con người xây dựng trên sự tiến bộ của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thể hiện trong hình thái nghịch đảo của *hủy thể* như thể sự *tha hóa của chính con người* chỉ kết thúc bằng cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản tân tiến, như *hủy thể của hủy thể* mới cho phép phát triển toàn diện mọi kế thừa tích cực của sự phát triển lịch sử (42).

Trong một viễn tượng lịch sử như vậy, ông cần phải nại tới khái niệm cơ bản của triết học Hegel, mà chủ nghĩa Mác kế thừa là khái niệm và toàn thể. Cho nên trong những dòng kết thúc "Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng", Trần Đức Thảo phát biểu "chủ nghĩa Mác là vận động kỳ thành của toàn thể xã hội". Không có chuyển biến tư

tưởng nơi Trần Đức Thảo từ PMD qua ROLC, như những kết luận đã dẫn nói trên trong những nghiên cứu của ông. Trần Đức Thảo vẫn vận dụng khái niệm then chốt Aufhebung trong biện chứng của Hegel để giải đáp những vấn đề cơ bản đặt ra trong những tác phẩm của ông. Về điểm này, ông chịu ảnh hưởng sâu sắc những bài học của Kojève từ trường Cao đẳng Sư phạm. Mặt khác, một nhà tâm lý cũng dựa trên khái niệm Aufhebung để giải quyết những vấn đề tri thức là J. Piaget (43); điều này có thể giải thích lý do Trần Đức Thảo rất tin cậy vào những phát hiện và tư liệu tâm lý của Piaget qua hai tác phẩm.

Trong mười mấy năm, khoảng cách nghiên cứu giữa hai cuốn sách, ông vẫn suy nghĩ về những vấn đề đặt ra trong tư tưởng Hegel, tập trung trong tác phẩm "Hiện tượng luận về tinh thần". Sự khác biệt giữa hai cuốn sách là, trong hoàn cảnh xã hội ông sống, và những áp lực trí thức của những đảng cộng sản nói chung, Trần Đức Thảo phải trở thành một người mácxít lêninít. Cho nên, trong ROLC ông dẫn nhiều đến Lênin như một điểm dựa về mặt quan điểm. Nhưng dọc Hegel, ông vẫn đặt trong khung cảnh trí thức, bắt nguồn từ Kojève, Hyppolite và Merleau Ponty. Thật sự, bị vây bủa trong môi trường stalinít ở Việt Nam, Trần Đức Thảo vẫn mang thân phận một người mácxít lưu đày như trường hợp Lukács. Những suy tư của ông cũng biến ứng theo những trào lưu tư tưởng thế giới, từ hiện tượng luận, phân tâm học qua cấu trúc luận. Tuy không có khuynh hướng chiết trung, nhưng những vấn đề dương đầu với thực tại tư tưởng mang những sắc thái của chủ nghĩa Mác hiện tượng luận, chủ nghĩa Mác theo Hegel, chủ nghĩa Mác cấu trúc luận như những người mácxít khác: Habermas, Enzo Paci (44). Khi phê phán những dòng triết lý tác động sâu xa vào cuộc sống xã hội, Trần Đức Thảo cũng cực đoan như một người lêninít dồn mọi đối thủ vào một cương tuyến của chủ nghĩa phi lý toàn diện (45). Phê phán những vấn đề quan điểm của Trần Đức Thảo phải đặt trong một viễn tượng chung là phê phán từ căn để chủ nghĩa Mác, đó là điều tôi sẽ trình bày ở nơi khác trên một bình diện rộng lớn hơn (46).

Khi phê phán hiện tượng luận của Husserl, ông vẫn dựa vào phương pháp phân tích hiện tượng luận để đi tìm về cái nguyên ủy của thực tại để chỉ ra rằng học thuyết của Husserl về sự vật thiếu hẳn sự cấu thành sự vật không thể giảm trừ vào ý tưởng hóa trong ý thức. Đi tìm đến nguồn gốc của ý thức, ông muốn dựa trên một khởi điểm duy vật là thực

tại và tin tưởng vào phương pháp biện chứng, xa lạ với hiện tượng luận của Husserl, để tìm hiểu sâu xa về vận động thực. Ông đã không nhìn ra trong nỗ lực trí thức của Husserl đã muốn vượt lên trên mâu thuẫn của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật. Mặt khác, trong tác phẩm ROLC, ông vẫn không vượt ra khỏi tầm nhìn của phương pháp hiện tượng luận trong việc sử dụng lý luận giảm trừ trong những mô tả về tác động của dấu chỉ.

Đi tìm nguồn gốc của ngôn ngữ, khởi điểm cấu trúc luận đã bắt đầu sâu xa từ những người tiền khu như Herder. Trong "Luận về nguồn gốc của ngôn ngữ" (47), Herder đã đưa ra một luận điểm cơ bản: con người là vật tạo ra của ngôn ngữ. Trần Đức Thảo đã tiếp thu những bài học của cấu trúc luận, ngay cả trên những chứng *bệnh giả khoa học* như xu hướng *công thức hóa, định lượng hóa* tìm thấy trong học thuyết Lévi-Strauss (48). Lấy một thí dụ trong ROLC: từ công thức CMF đã nói ở trên, mà Trần Đức Thảo gọi là công thức ngữ nghĩa, đôi khi còn gọi là cấu trúc, ông đặt thành một "tổ hợp" dưới hình thái:

$$MFC - CF_1M \qquad (12)$$

được phát biểu là: "vận động trong hình thái (F) liên hệ đến cái này - cái này trong hình thái (F_1) như thể nó xuất hiện trong vận đông của nó (giả định)".

Mượn từ kho tư liệu tâm lý của Gvosdev, lấy thí dụ của đứa trẻ 20 tháng đòi sữa: "*ịco maka*" (tạm diễn tả sang tiếng của trẻ con Việt Nam là: *măm sữa*). Những từ hỗn tạp này như từ *ịco* ở đây chỉ thị một vận động thèm muốn trong hình thái muốn thêm liên quan đến "cái này"; *maka* chỉ thị "cái này" trong hình thức bú. Như vậy chúng ta có một ý chỉ toàn diện là: "Vận động mạnh trong hình thái thêm (A) liên hệ đến cái này - cái này trong hình thái bú (B) như thể nó xuất hiện trong vận động của nó (giả định)", đặt thành công thức là: MAC - CBM, phù hợp với công thức (*12*). Người ta thấy ngay là những tác động của dấu chỉ khai triển đã hàm ngụ hai từ và cho chúng ý nghĩa, nó sinh ra một liên lạc đồng nhất thời khoảng của "cái này" trên ảnh tượng có ý nghĩa đầu với cùng thời khoảng trên ảnh tượng thứ hai. Bởi vì tác động lấy khuôn mẫu từ hoàn cảnh thực, và thực sự chỉ cùng một "cái này". Hiển nhiên có thể đặt liên lạc thiết lập liên lạc giữa hai ý chỉ, được viết thành công thức:

MAC - (CBM)

phát biểu như sau: "Vận động trong hình thái thêm liên hệ cái này, có nghĩa là đối tượng – sữa (CBM)". Nếu chuyển cái liên lạc ở đây trên bình diện dùng cử chỉ sang bình diện phát biểu bằng lời, chúng ta sẽ có liên lạc phát biểu đúng cú pháp là: "muốn bú sữa thêm" (49).

Trong suốt phần hai: khai sinh ra ngôn ngữ, Trần Đức Thảo đã sử dụng những tổ hợp cấu trúc khác nhau như vậy nhằm phân tích "cấu trúc khách quan" của tác động, qua những tiếng hỗn tạp cho đến khi hình thành những nhóm từ chức năng, nghĩa là những câu đúng cú pháp (như thí dụ dẫn trên). Khi dùng những "công thức" như trên, ông muốn chứng tỏ cái liên hệ giữa vận động bằng lời và vận động bằng cử chỉ, mà theo ông, toàn bộ vận động cử chỉ tạo thành cơ sở cho ngôn ngữ. Dùng những ký hiệu riêng trong mối quan hệ tác động qua lại giữa những công thức, không dựa vào luận lý hình thức hay toán học, hay vận dụng từ ngôn ngữ hình học, hoặc đại số học - công thức hóa trong lý luận của ông giống như những loại công thức hóa của nhiều nhà cấu trúc luận không có tính thuyết phục, cũng không có cơ sở để tồn tại.

Hấp thụ giáo dục truyền thống triết lý Pháp, Trần Đức Thảo vẫn hướng về một viễn tượng đạo lý, ở PMD là "tái thiết lập nội dung công chính" những giá trị con người "trên một bình diện cao hơn của nhân loại mới". Ở ROLC là những *quan hệ liên chủ thể* (rapports intersubjectifs) biểu hiện nơi khai sinh ra nhân cách con người ở buổi đầu nhân loại, "cái cử chỉ trỏ tay về người đối diện" và "trở lại chính mình" là "hình ảnh qua lại giữa 'anh' và 'tôi', chính cái *ngôn ngữ đầu có tính cách riêng của con người* khi phản ánh trong ngôn ngữ nội tâm của ý thức đã đưa chủ thể lên hình thái lý tưởng của *hiện hữu riêng của người*" (50).

Sự xuất hiện trở lại của Trần Đức Thảo trên diễn đàn tư tưởng Pháp vào thời điểm đảng cộng sản Việt Nam đang tranh thủ dư luận quốc tế có thể đối với những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam chỉ như một món hàng xa xỉ xuất khẩu (giống như những họa phẩm không bao giờ được triển lãm trong nước mà chỉ bán ra bên ngoài). Tuy nhiên, riêng về phần đời của ông, đây cũng là một cơ hội để những bản viết của ông không phải mang số phận làm những di cảo. Nhưng hoàn cảnh khắc

nghiệt sống dưới một chế độ đang phục vụ chiến tranh, ông cũng trở thành người lạc hậu trong sinh hoạt tư tưởng. Khi thế giới không còn nói về Stalin nữa, bởi vì chủ nghĩa Stalin đã bị khai tử qua những nhà triết học mácxít Đông Âu như nhóm Praxis và nhiều người mácxít ở các nơi khác (là cơ sở tư tưởng cho sự vận động sụp đổ chế độ cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô) thì Trần Đức Thảo cặm cụi viết về triết học Stalin. Phải chăng đây là một dòn thù tư tưởng đập vào mặt một chế độ xã hội, và những người cầm quyền cộng sản Việt Nam, một tập đoàn stalinít?

Dầu sao, cái chết của Trần Đức Thảo cũng là cái chết của một người mácxít duy nhất của Việt Nam.

Đặng Phùng Quân

---

(1) Sartre, *Question de methode* (bản tiếng Anh, tr.17)

(2) Editions Minh Tân, Paris 1951

(3) Marcuse, *Beiträge zu einer Phänomenologie des histotischen Materialismus*, Philosophische Hefte, Berlin 1928

(4) sđd, tr. 5

(5) Merleau Ponty, *Humanisme et Terreur* (bản tiếng Anh, tr. 153)

(6) La Phénoménologie de l'esprit et son contenu réel, *Les Temps Modernes* số 3, tr. 492-539

(7) Husserl, pIdeen I, tr. 319 dẫn trong PMD tr. 8

(8) PMD tr. 296-7

(9) sđd, tr. 51

(10) sđd, tr. 228

(11) sđd, tr. 227

(12) sđd, tr. 247

(13) sđd, tr. 242

(14) sđd, tr. 238

(15) sđd, tr. 257 và 262

(16) sđd, tr. 266

(17) sđd, tr. 286

(17) sđd, tr. 286

(18) sđd, tr. 306

(19) Trần Đức Thảo, *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience*, Editions Socials, 1973

(20) ROLC, tr. 35

(21) Khi dẫn đoạn văn của Lênin trong "chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", Trần Đức Thảo nhấn mạnh ở từ "những dấu chỉ" và ghi chú bản dịch tiếng Pháp lần thứ tư của Editions Sociales đã dùng từ *chứng cớ* (témoignage) thay từ những *dấu chỉ* (les indications), cho nên ông đã chua thêm tiếng Nga *pokasaniiam* ở nguyên tác. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên chú ý là những bản dịch chính thức của nhà xuất bản ngoại văn Liên Xô đều dùng từ chứng cớ. X bản tiếng Anh: Acceptance or rejection of the concept matter is a question of the confidence man places in the *evidence* of this sense-organs, a question of the source of our knowledge (Materialism and Empiricp- cirticism, tr. 114); bản tiếng Tây Ban Nha: El admitir o rechazar el concepto de materia es un problema de confianza del hombre en el *testimonio* de sus órganos de los sentidos, es la cuestión del origen de nuestro conscimiento (Obras escogidas, Tomo IV, tr. 119)

(22) ROLC, tr. 76

(23) Engels, *Dialectique de la nature*, Editions Sociales 1971, tr. 180

(24) ROLC, tr. 96; bắt nguồn từ khái niệm "*xác thực khả xúc*" của Hegel trong *Hiện tượng luận về tinh thần*, hình thái nguyên ủy của ý thức, hay mục tiêu định hướng của "*ac1i này*"

(25) X. ROLC, tr. 123

(26) ROLC, tr. 22

(27) Marx, *Manuscrits de 1844*, ES tr. 63

(28) ROLC, tr. 247

(29) Moustafa Safouan, De la structure en psychanalyse in *Qu'est-ce que le structuralisme?* Editions du Seuil 1968, tr. 241

(30) Deleuze và Guattari, *L'Anti-Oedipe*, Editions de Minuit 1972; X. phê phán tác phẩm này trong Đặng Phùng Quân, *Triết học và văn chương*, Nxb Lửa Thiêng 1974, tr. 181-197

(31) ROLC, tr. 263-265

(32) sđd, tr. 268-269

(33) Freud, *La vie sexuelle*, P.U.F., tr. 118

(34) ROLC, tr. 297. Trần Đức Thảo dẫn chứng Forrer đã phát hiện trong di tích thời Acheuléen ở Burbach, những nửa mảnh răng tiền hàm loài trâu nước có hình dạng dương vật, và theo ông nếu giả thuyết của ông đúng thì những răng hình dương vật này có thể do những bà nội trợ mang vào thời kỳ như tín hiệu của sự cấm đoán tình dục bảo đảm sự yên ổn cho họ trong công tác phục vụ cộng đồng.

(35) ROLC, tr. 301

(36) sđs, tr. 331

(37) sđd, tr. 335

(38) sđd, tr. 340

(39) PMD, tr. 94-95

(40) sđd, tr. 318

(41) sđd, tr. 319

(42) ROLC, tr. 295

(43) Piaget, *Le structuralisme*, P.U.F. 1968

(44) Habermas, *Zur Rekonstruktion de Historischen Materalismus*, Shhrkamp Verlag 1976; Enzo Paci, *Funzione delle Science e Significalo dell'Uomo*, bản dịch tiếng Anh 1972

(45) Xem thêm *Triết lý đã đi đến đâu* của Trần Đức Thảo; luận điểm này là thái độ chung của người cộng sản dưới thời Stalin, chẳng hạn Lukács, Die Zertorugn der Vernunft, Gesamtausgabe Bd 9. Trong Vorwort (1976), lời mở đầu cho tác phẩm *Geschichte und Klassenbewusstsein* (1923), Lukács có thái độ cởi mở như khi ông coi giữa Heidegger và ông, vấn đề đi trước và ảnh hưởng không đáng quan tâm mà cái quan trọng là sự tha hóa của con người là vấn đề then chốt của thời đại đối với mọi nhà tư tưởng tư sản cũng như vô sản (Prioritaten, Einflusse etc. sind dabei nicht allzu interessant. Wichtig bleibt bloss, dass die Entfremdung des Menschen als ein Zentralproblem der Zeit, in der wir leben, von burgerlichen wie proletarischen, von politisch-sozial rechts oder links stehenden Denkem gleicherweise erkannt und anerkannt wurde(sđd. Hermann Luchterhand Verlag 1968, tr. 23

(46) *Phê phán hệ tư tưởng mácxít* sắp xuất bản

(47) Herder, *Abhandlung iiber den Ursprung der Sprache*, (1772)

(48) Levi-Strauss, *Mythologiques: Le Cru et le Cuit*

(49) ROLC, tr. 150-151. Trần Đức Thảo chú thích içọ maka sang tiếng Pháp là Enco lait và câu nói đúng cú pháp là: "encore du lait"

(50) PMD, tr. 365 và ROLC, tr. 339

KHOA HỮU
những bài thơ
thành những giọt nước mắt

ly rượu gửi bằng hữu

gửi Nguyễn Mộng Giác

Rượu ta bày cuộc đào viên
cạn ly bằng hữu cho mềm môi dau
thấy trời trong đáy mắt sâu
dải mây buộc mảnh áo bào vẫn bay
rượu này thấm đã dỏ tay
mặt ta quên mặt thú hay mặt người
lời này chia để chia vui
chiếu hoa đâu trải chỗ ngồi chung thân
buồn mài lên lũ đá câm
đá tan tành bụi trăm năm đi về.

đêm chia tay ở tân sơn nhất

Tô Thùy Yên
tiễn anh đi
tôi ở lại một mình
trời ngậm máu phun trong lồng ngực
đất dứt tình cắn chặt hàm răng

tiễn anh đi
tôi còn lại một mình
đêm
điên rồ
mất trí
một kẻ về đội đá giữa đời câm.

viếng mộ đồng đội ở củ chi

gửi Duy Lam

Tưởng người bia đá chiêm bao
cỏ may mấy lớp chiến bào bọc thây
mười năm nằm gối đất này
quê hương còn giấc ngủ say dưới mồ

Tưởng người trong ấy quên ta
mắt xanh lửa giận nhìn ra kẻ thù
thân người ta gọi không thưa
thân ta còn mất bây giờ cũng quên

Tưởng mưa trên mảnh da mềm
lệ ta vong quốc nhỏ lên tháng ngày

trở lại thành cổ loa

Ơi đêm trăng xuống cổ thành
áo anh vết đạn thân anh vết thù
áo xanh này đất thiên thu
vết thương này máu cũng vừa mới đông
khói thây lửa xác bập bùng
trăm đen nghìn đỏ về không nấm mồ
nhìn lên trời cổ thành xưa
tóc mây thiếu phụ bây giờ còn bay
hai mươi năm kẻ lưu đày
tìm trong đá lớp cỏ cây linh hồn

khi ở nam

gửi Nguyễn Đông Ngạc

Buồn còn như mũi dao găm
nhớ đi nưng đỏ quên nằm lửa tôi
dao đâm phỏng vết đầy người
sém da khét thịt đau rời rã xương
ngày kinh đêm rú tiếng, còn
tráo tay đao phủ thay hồn diêm vương

ngày về bắc

Ngày vàng đốt mảnh hồn con
cháy đen cháy đỏ cháy còn gì đây
cỏ mồ mấy nhánh trên tay
cỏ xanh cỏ úa cỏ này quê hương
đất ơi nấm đất vô thường
chôn ta tro bụi hoang đường mai sau
dá mòn đời cũng bể dâu
trăm năm mây trắng mối sầu bỏ quên

qua đất quân trường vạn kiếp

gửi Thế Uyên

Như ta còn đá tảng trên non
lá như mắt sắc rừng như gươm
ta như trăng khuyết treo đỉnh núi
bóng lấp nghìn thu cõi u hờn

Chuyện cũ, ví tay ta phủi bụi
tóc trên đầu mỗi sợi còn mê
đời cũ thay mấy mùa hương khói
chút tiếc thương trả lúc ta về

Bức tượng ấy vì đâu đứng đợi
mòn thời gian chẳng thấy bận lòng
ta cũng đứng chôn chân đá mỏi
nghe đất người đau nỗi long đong

Đêm đã trắng ta sao còn thức
nhớ quân đi gió bạt oán cừu
bỏ áo trận xanh trời Vạn Kiếp
xếp ngọn cờ, vàng áng mây thêu

Ngày trở lại tìm gì trên cát
vẫn hoài công tội lũ dã tràng
tấm thẻ bài đây lời đính ước
kẻ oan tình thiên cổ còn mang

bản nháp tờ di chúc

gửi một người cầm bút và những người cầm bút ở Việt Nam

Môi đời ly rượu sủi tăm
ta say tựa gốc trăm năm ta ngồi
hất tay đổ chén rượu trời
đáy ly sót giọt máu người chưa tan

Ta say quên chỗ ta nằm
dọc ngang thước đất nhớ trăng bốn bề
tháng ngày ta đã hôn mê
thân phơi bóng núi hồn về cửa sông

Ta say thiên hạ vô chừng
đá tan ngọc nát chưa ngừng cơn say
trái tim ta thế gian này
còn chăng hạt bụi hửu dày thiên thu

Khoa Hữu
Sài Gòn Việt Nam 93

ĐÓN ĐỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC VÀ LÝ LUẬN

Số ra mắt:

diễm châu . vũ hoàng chương . hoàng phủ cương. phạm việt cường nguyễn đỗ . bùi giáng . lê đạt . phan tấn hải . đặng đình hưng. hoàng hưng . khế iêm . khánh trường . đỗ kh. . nguyễn tôn nhan . trầm phục khắc . phan khôi . lưu hy lạc . du tử lê . chân phương . thanh thảo . trịnh y thư . tường vũ anh thy nguyễn tiến . thái tuấn . đặng tấn tới . thanh tâm tuyền . nguyễn tiến văn...

VẬN ĐỘNG TÍCH CỰC PHONG CÁCH MỚI

Thư từ bài vở: Tạp chí THƠ — P.O.Box 1745. Garden Grove, CA 92642.
Vì số in có hạn, các thân hữu muốn có báo xin gởi thư kèm tem.

HỒNG HUY

nhớ trăng quê hương

Hồi còn ở Sài Gòn, gia đình tôi cư ngụ tại một con hẻm hạng trung, không nghèo lắm, nhưng cũng không giàu. Đường hẻm mà nói là giàu nghèo thì nghe cũng hơi lạ, nhưng dân Sài Gòn nói như vậy quen rồi. Một đường hẻm nghèo là nơi nhiều dân lao động ở, một đường hẻm giàu là nơi có nhiều nhà lầu. Tất nhiên thế nào cũng có sự pha trộn. Sự pha trộn tạo nên những con hẻm hạng trung. Mà cư ngụ trong một con hẻm hạng trung thì có nhiều lợi thế hơn. Lợi thế rõ rệt nhất là được nghe nhiều tiếng rao, và những tiếng rao cũng đa dạng hơn.

Từ ngày qua sống tại thành phố Winnipeg yên tĩnh và lạnh lẽo này, tôi chưa hề nghe một tiếng rao nào, ban ngày cũng như ban đêm. Sự yên lặng tạo ra tâm trạng buồn, và sự thiếu vắng gợi ra nỗi nhớ. Tôi nhớ những tiếng rao của Sài Gòn, những tiếng rao của con hẻm cũ của tôi, rồi từ đó sinh ra nhớ đủ thứ.

Hồi còn ở quê nhà, đã có lần tôi phân loại tiếng rao cho các con tôi nghe. Có hai loại tiếng rao: tiếng rao mua và tiếng rao bán. Tiếng rao bán cũng chia làm hai: rao bán hàng và rao bán công sức. Trước khi sang Canada, tôi chưa có dịp ra ngoại quốc, và từ khi đến đây, tôi cũng chỉ ở một nơi, nên không biết trên thế giới có một chỗ nào có tiếng rao như ở con hẻm cũ của tôi không. Mới bốn, năm giờ sáng, đã nghe *cháo huyết, bánh canh*, rồi sáng thêm tí nữa, thì *mài dao, hớt tóc, sửa dù*, rồi *ve chai tập cũ*, rồi *hột đá hột "pẹc"*. Mãi đến quá nửa đêm, vẫn còn tiếng rao bánh giò, bánh chưng lanh lảnh khắp xóm. Rao mua, rao bán, bán thức ăn, bán dụng cụ, bán dịch vụ lẫn lộn. Tiếng cao, tiếng trầm, tiếng dài ngân nga, tiếng ngắn cộc lốc. Có tiếng nghe thật rõ, có tiếng biến dạng nghe không hiểu là rao gì. Có tiếng rao cánh quãng thật lâu, có tiếng lặp lại liên tục. Có tiếng nghe lảnh lót phấn chấn, có tiếng nghe buồn thảm tội nghiệp. Tất cả trộn vào nhau, thay phiên nhau, tạo nên

nét sinh động cho con hẻm của tôi. Thiếu những âm thanh ấy, có lẽ con hẻm của tôi sẽ không tồn tại lâu trong ký ức của tôi như hiện nay.

Có người hàng xóm quả quyết với tôi rằng chỉ cần nghe tiếng rao là biết ngay người rao mới vào nghề hay đã thâm niên. Ông ta cho thí dụ: hai cô gái cùng đi mua ve chai, cô rao "*de chay béng*" (lời rao gọn lại, tiếng rao trại đi, giọng rao hơi giựt) chắc chắn có tuổi nghề cao hơn cô rao "*ai có de chai bán hôn*". Thấy tôi có vẻ không tin, một hôm ông ta đã chận hỏi hai cô gái ve chai có hai kiểu rao khác nhau như vậy, và tôi đã phải chịu là ông ta nhận xét đúng.

Trong số những người rao mua, rao bán tại con hẻm của tôi, tôi có để ý một người dàn ông khoảng trên dưới bốn mươi. Lý do đầu tiên là *đồng bệnh tương lân*. Anh ta cũng là tù chính trị và cũng đang chờ xuất ngoại như tôi. Nhưng cũng còn những lý do khác nữa. Hồi mới từ trại cải tạo về, tôi đã thấy anh ta bán bánh ú. Anh ta chở bánh bằng xe đạp, cái giỏ đựng bánh thật to đặt phía sau yên xe. Tiếng rao của anh ta thật rõ, và có phần dõng dạc. Về sau, tình cờ nghe được câu chuyện giữa anh và người hàng xóm của tôi, tôi được biết anh ta nguyên là đại úy bộ binh, đã ở tù bốn năm, bán bánh ú bữa ấy cũng gần hai năm. Chỉ mới rao chưa được hai năm nên tiếng rao còn rõ ràng lắm, và nguyên là nhà binh nên tiếng nói có vẻ mạnh bạo. Tôi không thích ăn bánh ú cho lắm, nhưng từ đó, tôi đã nhiều lần mua bánh của anh ta để có dịp làm quen. Tôi hỏi sao không bán thêm các loại bánh khác như bánh chưng, bánh gai, anh ta nói vì vợ anh ta chỉ biết làm bánh ú thôi. Bán không hết thì đem về cho cả nhà ăn trừ cơm, còn nếu lấy của người ta, thì lỡ ế phải chịu lỗ. Tôi hỏi đã có lần nào vượt biên chưa, anh ta bảo chưa vì nhà nghèo quá, không có *cây* nào để giao cho chủ ghe. Anh ta cười buồn:

– Thôi cứ an phận bán bánh ú như thế này để chờ đi chính thức.

Nhưng anh ta chẳng an phận được với bánh ú. Ít lâu sau đó, tôi thấy anh ta đổi nghề. Anh ta đi mài dao thuê. Tôi hỏi lý do đổi nghề, anh ta cho biết vì vợ bệnh không gói bánh ú được nữa. Thế là từ rao "*ai bánh ú hôn*", anh ta đổi qua rao "*ai mài dao mài kéo hôn*". Tiếng rao mới nghe rõ ràng hơn vì ít thâm niên hơn, nhưng lại ít dõng dạc hơn vì hình như anh ta yếu hơn trước. Trong những lần mài dao cho gia đình tôi, anh ta khúc khắc ho.

Một hôm, tôi hỏi dùa:

– Anh có tính tiếp tục nghề này khi sống ở Mỹ không?

Anh ta cười:

– Làm chớ. Nhưng tôi không biết mài dao mài kéo rao bằng tiếng Anh thì phải rao như thế nào.

Sau đó ít lâu, tôi không thấy anh ta xuất hiện ở xóm tôi nữa. Tôi nghĩ là anh ta đã đổi nghề, hoặc vẫn đi mài dao thuê nhưng đã chuyển địa bàn hoạt động đi xóm khác. Phàm dao mà ít khi xắt thịt cá thì cũng lâu cùn. Nhưng một hôm, nhân dịp qua nhà người hàng xóm hỏi mượn hòn đá mài dao, tôi được biết anh ta đi Mỹ đã hơn một năm rồi. Tôi mừng thầm cho anh ta và nghĩ chắc không bao giờ tôi còn gặp anh ta nữa.

Nhưng không phải như vậy. Đến Winnipeg vài tuần, tôi lại gặp anh ta. Sáng hôm ấy, tôi cùng gia đình ăn phở tại một quán ăn Việt Nam. Đang ăn thì bỗng đứa con gái út của tôi reo lên, chỉ đủ cho cả nhà nghe, nhưng giọng rõ ràng và mừng rỡ như gặp lại thân nhân hay bạn cũ:

– Ông mài dao xóm mình kìa!

Tôi quay lại, thấy anh ta đang bưng thức ăn cho những bàn phía trong. Để ý nhìn kỹ, tôi nhận thấy anh ta vẫn gầy như hồi còn mài dao thuê, nhưng quần áo thì tươm tất hơn nhiều. Cổ có thắt nơ đen. Có lẽ chủ quán muốn như vậy. Chờ đúng lúc anh ta quay mặt lại, tôi giơ tay vẫy. Anh ta vui mừng chạy lại chào chúng tôi và hỏi thăm đủ thứ. Anh ta cho biết sau khi sống bên Mỹ một thời gian, không kiếm được việc làm, vừa hết trợ cấp, thì may được bà cô ở đây có tiệm ăn gọi sang phụ giúp. Vợ anh ta và đứa con trai hai mươi tuổi cũng làm cho quán ăn này. Tôi cảm thấy anh ta vui với hoàn cảnh hiện tại.

Tôi cho anh ta địa chỉ, và ngay tối hôm ấy, anh ta đến nhà tôi. Khi ra mở cửa, thấy anh ta đang tìm chỗ dựng lại chiếc xe đạp, tôi ngạc nhiên hỏi:

– Xa vậy mà anh đi xe đạp được sao? Ở đây, tôi không thấy ai đi xe đạp cả.

Anh ta nói:

– Đi xe buýt thì phải tốn hai đồng rưỡi cả đi lẫn về. Vả lại, tôi cũng muốn được tự do hút thuốc.

Quay nhìn lại chiếc xe đạp, anh ta nói thêm:

– Cả đời tôi, tôi chưa bao giờ có xe gì khác hơn là chiếc xe đạp.

Nhưng bây giờ xe đạp cũng không có. Chiếc xe này là của thằng em con bà cô dùng tập thể dục.

Vào nhà, ngồi nói chuyện với tôi một lúc lâu về những chuyện làm ăn, phong tục, ngôn ngữ, đột nhiên anh ta hỏi:

– Ông có nghĩ là chúng ta còn có ngày về không?

Anh ta không nói rõ *chúng ta* là ai, là riêng anh ta với tôi hay là tất cả những người Việt đã bỏ nước ra đi; anh ta cũng không nói rõ *về* là về đâu, về làm gì. Nhưng tôi hiểu. Chỉ cần nhìn cái dáng ngồi thẳng băng và đôi mắt long lanh sáng trong khi anh ta nói, tôi hiểu. Nhưng tôi không đáp, vì không biết phải nói thế nào. Tôi không thích những lời hứa, những lời trấn an, những lời an ủi, nên tôi không trả lời bằng những lời tương tự. Tôi lặng lẽ đi tìm những tờ báo tiếng Việt, tiếng Anh, chỉ cho anh ta thấy những bài đó liên quan đến cục diện Việt Nam.

– Anh đem về đọc đi, rồi hôm nào đến ăn phở, tôi sẽ hỏi lại anh câu anh vừa hỏi.

Anh ta bỏ mấy tờ báo vào ngực áo, rồi chào tôi ra về. Tôi đưa anh ta ra tận đường lớn. Đạo ấy là thượng tuần tháng Mười 1992, trời Winnipeg chưa lạnh mấy. Vả lại, tôi vẫn muốn giữ phong tục người Việt Nam đưa khách ra tận đường, khác với ở đây, người ta chỉ mở cửa cho khách ra, còn chủ nhà thì vẫn đứng bên trong.

Anh ta giắt xe đạp đi bên cạnh tôi, ngước lên nhìn trăng. Hôm ấy là mười bốn âm lịch, trời trong, trăng tròn và rất sáng. Anh ta hỏi tôi:

– Ông thấy trăng ở đây có gì khác trăng Việt Nam không?

Tôi đáp:

– Trông như lớn hơn.

Anh ta nói:

– Phải, lớn hơn, nhưng lạnh lùng hơn. Nhiều khi tôi nhìn thấy trăng ở đây dửng dưng thế nào ấy. Cứ nhớ trăng ở bên nhà.

Anh ta lên xe, đạp đi chầm chậm. Tôi đứng nhìn theo... Con người suốt đời đi xe đạp, đã bán bánh ú, đã mài dao thuê, và bây giờ làm bồi... Con người đang nhớ vầng trăng quê hương.

Hồng Huy

NGU YÊN

những chiều nắng nhẹ mà hiu

...thì nhẹ nhàng trôi xuôi vào quạnh hiu
Tang thương đó bao nhiêu cũng là...
Một lần nào em hôn lầm người yêu
Thôi chút tình anh phải phai nhòa

...đã một lần yêu em đã là anh
Đôi môi ác trong tim đã bầm
Còn gặp lại không thoa son màu xưa
Trong mắt ngầm mất hết thương tình

A!
Những lúc khơi trêu giật mình biết khóc
Không dám la to vội cười gằn hơi
Tưởng sắp quên đi
Cảm giác em qua
Môi vẫn tê mê

Tình hay hôn ghê gớm
Ray rứt suốt đời người
Tiêng tiếc mãi không thôi
Sung sướng quằng thâm rồi

Đã một lần yêu nhau bằng thịt môi
Dù có muốn hay không cũng là...
Ngày lại ngày trôi nhanh vào quạnh hiu
Khơi máu bầm thương nắng cuối chiều
Ngu Yên

LÊ LẠC GIAO

lối cũ

Anh đứng tần ngần mãi ở đó. Bến đò ngày xưa giờ là đầu cầu kiên cố được đúc bằng bê tông cao đến tận đầu ngọn tre làng. Dưới chân anh chen chúc những mái tranh mái ngói xám xịt thời gian, rặng tre xanh um bao đời uốn khúc theo bờ sông Cái giờ xơ xác còi cọc. Anh nhìn xuống con nước xanh trong vắt như tìm lại hình ảnh của thời đã qua. Anh không thấy gì. Giữa sông là cồn cát chỉ nổi lên vào mùa hạ, bây giờ là đám rau muống xanh um nổi bật trên nền cát trắng. Sông kia rày đã nên đồng. Trong trí nhớ cô đọng của anh một quê hương huyền hoặc thời thơ ấu chỉ là nỗi xót xa khi nhìn lại bến cũ, lối mòn, con nước được thay thế bằng lớp bê tông, con đường nhựa, dòng nước cạn lờ đờ dưới chân anh.

Con đường quốc lộ duy nhất này nối liền nam bắc, nó có từ thuở anh chưa hiện diện trên cõi đời này. Mẹ anh sinh ra lớn lên đã đi trên con đường mòn heo hút luồn sâu trong hàng tre xanh um ấy để gánh từng gánh củi đổi gạo mưu sinh những ngày bom đạn. Ông nội anh tự miền Trung xa tít mù nào đó đã khi đi bộ, khi cưỡi ngựa hàng tháng trời trên con đường này khi ông mười tám tuổi để đi tìm đất hứa. Mảnh đất hứa ấy là nơi này, một làng xóm um tùm sau rặng tre xanh, dọc dòng sông Cái hiền hòa xuôi ra biển. Và nhà anh, ngôi nhà to lớn sừng sững nhìn ra quốc lộ đã chứng kiến bao chuyện vật đổi sao dời.

Anh vẫn tần ngần đứng đó. Quê hương sao kỳ lạ, nó thiết tha gọi anh từ những ngày đầu tiên đặt chân lên xứ lạ rồi kéo dài trên những dặm đường dời dong ruổi để mái đầu xanh giờ điểm bạc, nó vẫn thôi thúc anh trở về bến đò cũ, ngôi nhà xưa, thăm lại hàng xóm láng giềng đã cùng chia sẻ nỗi buồn vui của những năm tháng thơ dại ấy. Anh nhìn qua bên kia sông, chùa Hoa Tiên dưới nắng chiều vàng úa, trơ trọi, lẻ loi trên bờ cát trắng. Ngày xưa có bao giờ anh nhìn thấy được mái chùa Làng ấy nhỉ, anh chỉ thấy những rặng cây xanh um đến tối mắt và từ đó

thoảng vang tiếng chuông trầm buồn kéo dài lặng lẽ những buổi chiều từ lớp về muộn. Anh cũng đã chìm vào giấc ngủ êm đềm theo cái âm thanh vang vọng của đợt công phu tối. Bây giờ chùa Làng không ai gọi, người ta đã gọi theo cái tên nguyên thủy của nó là chùa Hoa Tiên vừa đẹp vừa huyền hoặc như chuyện cổ tích nào đó anh đã được nghe bà kể trong những ngày đông rét mướt bên nồi bắp rang thơm phức. Anh đã cuộn tròn trong chăn bên con mèo mướp khoanh mình trên chiếc rế mây ám khói lim dim lắng nghe tiếng tí tách của bếp lửa hồng. Anh đã nghe bà kể nhiều về miền đất hứa mà ông nội anh đã một thân một mình dựng nên được một mái nhà, xây một tổ ấm và bây giờ là cái nhà từ đường của dòng họ anh mà con cháu phiêu bạt giang hồ không người trông coi, phải nhờ hàng xóm láng giềng chăm sóc trong những tháng năm vắng chủ.

Anh bước lên thành cầu chậm rãi đi qua bên kia sông. Gió chiều mát rượi mơn man phả lên anh nỗi thích thú nhẹ nhàng êm dịu. Bây giờ đã tháng tư, đang bắt đầu vào hạ, gió chiều thường là nồm từ biển thổi vào xua giạt cái oi bức buổi trưa còn sót lại. Anh dừng lại đốt thuốc, dưới chân anh dòng sông của thời thơ ấu trôi lặng lẽ, nó quá nhỏ bé và khiêm tốn so với chiếc cầu dài nửa cây số này. Anh nghe nói lượng nước sông bị lấy đi quá nửa ở đầu nguồn để làm thủy lợi, bây giờ nó chỉ là con suối, con lạch nhỏ và con sông cũ giờ đã nên đồng.

Anh bước xuống dốc cầu thoai thoải đi qua hai dãy nhà mới xây san sát mái ngói đỏ au tường quét màu xanh sậm để đến nhà cô Năm. Anh không thể nào quên được dù đã hơn ba mươi năm. Hai hàng cột trước nhà vuông vức trên đầu cột hai quả cầu tròn, chân cột bát giác ngày xưa anh và Nguyện thường chơi trò cút bắt đuổi nhau chạy quanh hai chiếc cột này. Cô Năm là con nuôi ông nội anh, cô mồ côi cha lúc cô mười tuổi. Mẹ cô tin dị đoan đã tìm cho cô một người cha nuôi và ông nội anh đã nhận cô làm con theo yêu cầu của bà nội, vì nhà cô Năm là trạm dừng chân của bà mỗi tháng hai lần trên đường lên chợ quận và mẹ cô là bạn tâm đắc của bà. Cô Năm không nhận ra anh, ngày anh rời quê hương chỉ là đứa trẻ bắt đầu lên bậc trung học. Bây giờ bốn mươi bốn tuổi trở về thì cô Năm của anh ngày nào còn son trẻ bây giờ là một bà cụ tóc trắng phau, hiền hòa ngồi nhai trầu trên chiếc phản mun đen bóng nhìn anh vừa ngỡ ngàng vừa xa lạ. Cô Năm đếm trên đầu ngón tay:

– Ba mươi hai năm rồi cháu ạ! Giờ cô đã sáu mươi bốn tuổi rồi!

Cô nói chuyện huyên thuyên, hỏi anh bao điều những năm anh xa quê cha đất tổ. Có những điều anh không trả lời được vì anh có quá nhiều chuyện trong đời mình đáng quên đi cũng như đáng ghi nhớ. Anh uống từng ngụm trà nóng trầm ngâm nhìn căn nhà hiu quạnh vắng vẻ. Anh vừa hỏi vừa thoáng nhớ lại đôi mắt đen huyền hạt nhãn, má lúm đồng tiền của Nguyện:

– Thế Nguyện đâu rồi để cô bây giờ phải sống một mình?

Cô Năm cười:

– Cháu còn nhớ đến Nguyện sao? Nó bây giờ làm cô giáo dạy học ở Nha Trang, chỉ có ngày chủ nhật mới rảnh về thăm cô. Bây giờ cô sống với người bà con bên ngoại, nó đi làm trên quận chưa về.

Cô vừa têm miếng trầu mới vừa nói tiếp:

– Con Nguyện nó vẫn chưa lập gia đình cháu ạ, cô khuyên nó dễ thường dã hơn hai mươi năm rồi, nhưng nó vẫn cương quyết từ chối bao người dạm hỏi. Nó bảo lấy chồng không chăm sóc cô được, nhưng bây giờ mỗi tháng về thăm bốn ngày chủ nhật, cũng có chăm sóc gì được cho cô!

Anh bùi ngùi nhìn cô rồi nhớ lại những ngày xa xăm ấy. Bấy giờ cô Năm còn trẻ dẹp, đến khi lập gia đình sau khi sinh Nguyện thì chiến tranh nổ ra trên mảnh đất êm đềm hiền hòa này. Làng anh bị cháy quá nửa, chồng cô Năm chết trên đường tản cư xuống thành phố. Cô Năm góa bụa tuổi hai mươi lăm và Nguyện mồ côi cha ở tuổi vừa biết đi chập chững. Mảnh đất phù sa màu mỡ dọc dòng sông Cái hiền hòa này dã một thời dung nạp bao điều tang tóc. Cha mẹ anh dã gồng gánh bồng bế chị em anh sáng về ngoại tránh Tây ruồng, tối xuống quận để không bị liên lụy đến người anh em trên núi. Những ngày lửa đạn ấy, chị anh và anh chia hai đầu quang gánh nằm lọt thỏm trong chiếc thúng cái ngủ ngon lành bên tiếng rít, tiếng nổ inh tai của bom dạn. Mẹ anh dã kể tháng ngày sôi động thiếu ăn thiếu uống vì trận đánh nổ ra bất ngờ trên đồng lúa vàng chưa kịp gặt hái. Những đêm tối tháng mười đen kịt, ông anh chống xuống sang sông đến nhà cô Năm mượn gạo. Gia đình cô đã tiếp tế tận tình trong suốt thời gian làng anh bị phong tỏa vì trận đánh. Cô Năm cắt ngang dòng suy nghĩ của anh khi hỏi về chuyện gia đình:

– Cháu bây giờ làm gì, vợ con ra sao?

Anh trả lời:

– Cháu chưa lập gia đình cô ạ, cháu không đủ khả năng lo lắng cho gia đình trong hoàn cảnh hiện tại thế này.

Anh kể cho cô nghe anh đã sống thế nào trong các trại giam từ Nam chí Bắc và mục đích anh về thăm quê lần này trước chuyến đi xa sắp đến. Bên ngoài cửa sổ, cây tầm ruột ngày xưa giờ cổ thụ, oằn sai những chùm trái vàng óng ả, lấp loáng dưới ánh nắng chiều. Anh còn nhận ra trên thân cây những vết đao xẻ dọc ngang, lồi lõm sù sì của anh ngày trước. Anh và Nguyện đánh đáo, đánh khăn đuổi bắt nhau từ vườn đến tận bờ sông. Rồi những ngày hè oi bức, tiếng ve sầu inh ỏi vang vọng đầu xóm cuối làng theo anh cùng con đò xuôi dọc bờ sông về quê ngoại... Anh bước đến bên cửa sổ, hàng mãng cầu, nọc thanh long quen thuộc của quá khứ cùng niềm vui được mặc quần áo mới tung tăng với Nguyện trong ngày Phật đản theo xe hoa lên chùa quận lỵ làm anh choáng ngợp. Anh trả lời cô rằng anh nhớ ngày xưa, nhớ đến cô đến Nguyện và vô cùng lưu luyến quê hương nên anh mới về đây và được ngồi nói chuyện với cô hôm nay. Anh từ chối bữa cơm chiều của cô lần nữa và từ giã sau khi hẹn sẽ sang thăm cô vào ngày chủ nhật.

Chiều đã xuống sậm màu ngoài bờ sông. Anh theo bờ gạch sau nhà đi ra chùa Làng. Ngôi chùa cổ kính ngày xưa bây giờ hoang phế hơn nửa với màu rêu xám xịt, loang lổ trên vách chùa. Hoàng hôn xuống thêm từng vạt tối đậm nét trên mặt thềm cũ. Anh chậm rãi bước lên ba bậc tam cấp khoanh hai tay trước ngực nhìn vào hậu liêu. Phải rồi, anh đi từ sau chùa vì chùa Làng quay lưng ra mặt đường, có lẽ vị sáng lập không muốn cảnh đời ô trọc quấy nhiễu thiền môn. Anh theo hông chùa đi dần về phía trước cổng. Cổng tam quan màu đá xanh rêu đứng sừng sững trên nền cát trắng, hàng sao xanh và rặng dương liễu xưa kia trước chùa bị đẵn tận gốc. Gió thoảng mát từng đợt thổi dọc theo bờ sông, anh nghe đâu đó thoảng mùi hương trầm và bồi hồi nhớ đến khoảng thời gian dài xa xứ. Ba mươi hai năm đã trôi qua, đời người bắt đầu từ chữ A rồi chấm dứt ở chữ Z. Anh bắt đầu ở đây, đã lót giấy viết chữ a vỡ lòng trên hòn gạch vỡ trong những ngày dầu đình chiến và lớn lên theo dòng phù sa bồi đắp đôi bờ. Anh đã được nuôi dưỡng dưới cái bóng cổ thụ của ông bà nội và cứng cáp trong vòng tay mẹ cha để biết yêu thương đức hạnh con người và thù ghét cái ác độc cũng của con người. Anh bước vào chánh điện thắp hương đảnh lễ, không có ai trong cái ánh sáng lờ mờ của bốn ngọn đèn dầu ở bốn góc. Anh lặng lẽ ra cổng tam quan

đi dọc bờ cát đến đầu cầu về nhà trong cái chập choạng tối của buổi chiều tháng tư.

Tiếng chim chừa vôi đầu chái nhà làm anh thức giấc. Hình như ba con thì phải. Ba giọng hót líu lo ríu rít đuổi nhau như làm vỡ tan cái không khí lắng đọng sớm mai miền quê cũ. Anh lim dim đôi mắt, mơ màng cái cảm giác thân quen của ngày còn bé muốn nằm thêm giây lát để được chìm vào cái lâng lâng khoan khoái bên tai lắng tiếng chim hót trên ô cửa sổ tròn cuối giường ông nội, mãi đến khi tiếng trống đình làng vang vọng anh mới tỉnh giấc hẳn thì bóng nắng đã tràn lên quá nửa chiếu. Ngày xưa chỗ này là giường ông nội anh, nó nhỏ nhắn như vóc dáng của ông nhưng lại đầy tham vọng như ngôi nhà từ đường mà ông cưu mang gia đình. Ông nội anh mồ côi cha mẹ từ thuở bé, ông sống chật vật khó khăn với bà con đến năm mười tám tuổi mới bỏ quê hương đi tìm đất mới. Ông cứ theo hướng nam mà đi. Khi đi bộ, khi cưỡi ngựa, ngày đi đêm nghỉ. Đến đâu có việc làm ông lăn xả vào để kiếm cơm rồi tiếp tục dong duổi. Ông đi mãi và con đường bắc nam đã dẫn ông đến mảnh đất phù sa tả ngạn sông Cái ông mới dừng chân lại bến đò này. Nếu muốn đi nữa, ông phải qua sông, nhưng nơi này như có duyên có phận với ông nên ông đã chọn một quê hương lần nữa để rồi con cháu ông lần lượt ra đời sau này.

Lúc bấy giờ con đường quốc lộ ấy chỉ là lối mòn hun hút chạy ngoằn ngoèo mải miết theo hướng bắc nam, lầm lũi nối tiếp nhau từ tỉnh này sang tỉnh nọ, từ làng quê này đến thị trấn kia, vượt qua sông suối núi đồi để dẫn ông nội anh đến cái bến sông vắng vẻ tịch mịch phủ kín tre xanh này. Ông nội anh đã lùi lại đúng ba trăm bước chân rồi quay mặt về phía bên phải cứ thế phát quang dọn đất. Ban ngày làm, đêm mắc võng trên cành cây chay cây bứa mà ngủ. Có những hôm mỏi mệt, ông đi ngược lên phía bắc nơi ấy có một xóm nhỏ, ông mua một chai rượu cùng vài người sơ quen uống với nhau giải buồn. Sau ba tháng làm việc cật lực, ông đã dựng lên được trên mảnh đất một mẫu vuông ấy một căn nhà nhỏ và trồng tỉa được một số cây ăn trái. Bạn bè đầu xóm trên đã giúp đỡ ông nhiều, tình bạn ấy ngày hôm nay vẫn còn được con cháu họ nhắc lại như là những kỷ niệm về một trong những người đầu tiên khai phá và lập nên cái làng Phú Lộc này. Ông nội anh đã nỗ lực dựng xây nhà cửa ban đầu bằng sức lực của đôi bàn tay, nhưng cái nghề

nghiệp chính mà ông đem tự quê hương vào lại là nghề cẩn khắc xà cừ. Đôi liễn giữa nhà với hai câu:

Trác ngọc ân thành tân mỹ khí
Đạm kim thích ngộ cựu tri âm

Đã biểu hiện trung thực một con người, gói trọn đầy đủ cá tính mã thượng phong lưu. Trong trí nhớ của anh, ông nội đã một đời oai hùng như một võ tướng, đôi bàn tay gân guốc như thép từng đấm vỡ sọ một con bò điên hung hãn chạy lạc vào nhà, cũng đã sáng tạo nên biết bao tùng hạc, trúc cúc mai lan, cầm kỳ thi tửu... hay cẩn khắc những bức hoành, câu đối óng ánh xà cừ ngũ sắc như cẩn khắc lên cuộc đời nét vẻ vang nghề nghiệp. Ông nội anh có tiếng là người khéo tay nhất trong đám thợ cẩn xà cừ thời bấy giờ, nhưng nổi tiếng hơn cả có lẽ là tính chiêu hiền đãi sĩ. Khi anh bắt đầu hiểu biết, anh còn nhớ không bao giờ nhà anh thiếu khách trừ những khi ông nội anh vắng nhà. Ông kết bạn trên những dặm đường làm việc và phiêu bạt của mình.

Thuở ấy, nghề cẩn khắc không ở cố định một nơi vì phương tiện giao thông vận chuyển khó khăn và nghèo nàn. Khó có thể giao thứ hàng nặng nề như liễn, hoành, câu đối làm bằng gỗ quý dễ dàng. Thế nên người đặt hàng phải mời người thợ về nhà nuôi ăn ở, mua tất cả mọi vật liệu cần thiết theo yêu cầu và thường một đôi liễn hoàn tất ít nhất hai cho đến bốn tháng tùy theo nội dung và hình thức của nó. Do tính chất phức tạp đòi hỏi nên tiền công một đôi liễn thường rất cao và những người đặt hàng cũng thường là những kẻ có vai vế và giàu có trong xã hội.

Ông anh đã kể lại, làm một đôi liễn gia đình có thể sống một năm và số vật liệu còn dư có thể làm được một đôi liễn khác. Ông nội anh lưu lạc làm việc khắp nơi, khi miền trong, khi miền ngoài và mỗi lần về nhà lại có thêm bạn mới. Năm ông ba mươi tuổi, trong một chuyến làm liễn ở Ninh Hòa, ông đã gặp một cô hàng nước mồ côi cha mẹ như ông, ông phải lòng và mang về nhà. Người ấy là bà nội anh. Bà hiền thục, chịu đựng cũng như giỏi quán xuyến đã lèo lái đưa gia đình đến chỗ thịnh vượng sau khi đẻ hai người con là bác anh và cha anh. Bà nuôi gia đình bằng cửa hàng xén trên chợ quận, còn tiền bạc ông nội anh mang về chỉ đủ chiêu đãi bạn bè quanh năm suốt tháng.

Năm ông nội anh bốn mươi lăm tuổi, ông làm lại nhà. Căn nhà mới ba gian hai chái được xây bằng gạch, lợp ngói và bề thế nhất làng lúc

bấy giờ. Bốn dôi cột mun đen bóng mang bốn dôi liễn làm bằng loại ốc đặc biệt trong đêm tối óng ánh màu ngọc bích, ban ngày thì phản chiếu ngũ sắc rực rỡ khắp nhà. Ngay chính diện, bức hoành phi "Chính Khí đường" phản ánh trung thực cá tính của ông và hôm treo nó lên là ngày bạn bè ông tứ hải hội tụ về để ăn mừng nhà mới. Bà anh kể lại bạn bè của ông anh đủ loại thành phần xã hội, từ miền trong cho đến miền ngoài, cả võ lẫn văn đến hai mươi người hiện diện trong ngày trọng đại ấy. Họ là những tay trọng nghĩa khinh tài, không câu nệ tiểu tiết, suốt ba ngày đêm khi uống rượu, ngâm thơ khi đi quyền, múa kiếm dưới gốc mai già giữa sân và ông anh đã chiêu đãi tận tình như Mạnh Thường Quân thời chiến quốc. Hôm ấy ông anh cũng chính thức tuyên bố giải nghệ và dành thời gian còn lại dời mình dạy dỗ hai người con cùng chăm sóc vườn hoa cây cảnh chung quanh nhà.

Bác anh và cha anh là hai thái cực. Bà anh kể rằng, bác anh từ thuở bé đã ham mê võ nghệ, bao người bạn của ông nội giỏi võ là thầy của bác anh, chỉ trong một thời gian ngắn đều chịu thua trước tài ba và năng khiếu đặc biệt của cậu bé mười hai tuổi. Ông nội anh không quản ngại xa xôi tốn kém ra tận miền ngoài rước thầy có tiếng về dạy cho con và đến năm hai mươi tuổi bác anh đã nổi tiếng là một thanh niên giỏi võ nhất vùng. Nếu bác anh hằng đêm miệt mài tập luyện trước sân nhà thì cha anh ngồi trong phòng đọc sách. Thầy của cha anh là sách vở, kinh điển. Bất kể ông anh dù khuyên bảo hay la rầy bắt buộc phải theo bác anh tập võ, cha anh cũng chỉ thuộc lầu các bài thiệu hơn là đi quyền múa kiếm. Tuy là người theo võ nhưng bác anh tính tình điềm đạm, hiền lành và ngoan ngoãn đã càng đáng hầu hết mọi công việc nặng nhọc trong nhà, trong khi đó kẻ theo văn là cha anh lại bướng bỉnh nóng tính và rất khó dạy. Ông nội anh thường bảo kẻ đọc sách quyền biến thiên hạ mà tâm không bình, tính không ổn thì tùng văn bất như tùng võ. Suy nghĩ sâu xa, hành động chín chắn, cái mưu lược có chỗ dùng đến thì tùng võ bất như tùng văn. Ông đã có tham vọng đào tạo được hai người con văn võ song toàn nhưng mưu sự tại nhân mà thành sự tại thiên. Cha anh đi ra ngoài vòng kiềm tỏa của gia đình rất sớm, tự ý chọn cho mình một hướng đi và thoát ly gia đình năm ông mười tám tuổi. Cả nhà chỉ còn kỳ vọng vào bác anh, nhưng dù bác anh văn võ tài trí thế nào cũng không thoát được số mệnh. Một trận dịch thương hàn quái ác đã quật ngã bác anh cùng hơn nửa số người trong làng. Năm ấy bác anh

hai mươi bốn tuổi và cha anh mười chín tuổi. Hôm đám ma bác anh, cha anh hứa trở về chăm sóc gia đình, từ đó cha anh thường xuyên có mặt ở nhà và thay thế hầu hết mọi công việc trước kia của bác anh.

Bác anh mất đi để lại bao đau buồn cho gia đình và tiếc thương của những người trong làng. Cây mai già trước sân do bác anh bứng gốc từ rừng đem về trồng năm năm trước mùa xuân năm ấy không ra hoa, qua tháng hai nó ủ rũ khác thường. Cha anh đề nghị với ông nội chặt bỏ để đào giếng nước nhưng ông đã phản đối như muốn lưu giữ một kỷ niệm cuối cùng của bác anh. Mãi một hôm cha anh bảo rằng nhiều đêm nằm mộng thấy bác anh về khuyên nên đốn bỏ gốc mai đi để đào giếng vì nơi ấy có một mạch nước ngầm rất tốt ông bà nội mới bằng lòng. Quả nhiên chỉ đào năm thước đã gặp một mạch nước lớn nằm ngay giữa đáy giếng, nó phun rất mạnh và chỉ chốc lát lòng giếng đã tràn ngập nước. Chiếc giếng giữa sân ấy sau đó đã cung cấp nước cho hơn hai mươi gia đình láng giềng suốt bao nhiêu năm trời mà không bao giờ cạn.

Anh bước ra sân đến bên bờ giếng, nắng đã lên cao quá nửa thân cau già. Anh nhìn xuống lòng giếng, nước trong vắt chỉ với tay là múc được. Nước vẫn ngọt mát như ngày xưa từ một cội nguồn mà ba thế hệ nhà anh đã uống. Bao kẻ lữ hành trên con đường vạn dặm trước nhà đã ghé vào đây múc gáo nước giải khát, ngồi dưới bóng mát của cây mít quỳ dầu ngõ để quên đi bao nhọc mệt. Dậu bạch hạc chen lẫn dâm bụt không người chăm sóc um tùm và hai cây ổi xá lị giờ chỉ còn là hai chiếc gốc trơ trọi cạnh hòn non bộ vỡ nát quá nửa. Không còn dấu vết những cây thủy tùng, trường sinh và hình ảnh sự tích Tây du ký một thời ông nội anh bận bịu chăm sóc. Mảnh đất trước sân nhà ngày ấy rực rỡ bao loại hoa khoe sắc, là mẫu mực của bao vườn hoa trong làng. Anh còn nhớ sáu thứ cúc, năm màu thược dược, rồi hồng nhung, thủy tiên, cẩm chướng cho đến hàng chục loại hoa vạn thọ, bươm bướm chập chờn trong nắng hè gay gắt, quây tròn quanh bốn bụi duối cắt tỉa hình long phụng tranh châu. Bây giờ trước mắt anh chỉ là khoảng đất trống, cây mai tứ quý thay thế cội mai già đứng dựa bờ giậu cô đơn giữa cái khoảng trống ấy như cái khoảng trống trong tâm hồn anh với dăm đóa hoa vàng lạc lõng.

Kỷ niệm về ông bà nội đối với anh như niềm an ủi, nỗi hi vọng thường xuyên tạo bao nghị lực cho anh phấn đấu như chịu đựng suốt những năm tháng tưởng dường như khó khăn nhất đời mình. Quãng đời

thơ ấu ấy ví như khúc giao hưởng đồng nội mà ông bà nội anh là những nốt nhạc, những trường canh dài vô tận trong cái ngắn ngủi của đời người mà anh đã trải qua. Cha anh đi làm xa vì nghề nghiệp, mỗi năm chỉ về nhà một lần vào dịp Tết. Mẹ buôn bán tảo tần chợ quận. Chị em anh là những cây con mềm yếu mỏng manh được ông bà vun trồng nâng niu trong tình thương yêu hạnh phúc nhất mà anh nghĩ không có gì sánh được. Anh nhớ đến tiếng trống chầu dồn dã của ông trong đêm hát bội, những chiếc thẻ tre thưởng tiền màu đỏ mà ông tung lên sân khấu khi Triệu Tử Long vượt bao hiểm nguy đem Á Đẩu về cho Lưu Bị. Anh được ông dạy cho biết nghĩa khí con người trong ngày đầu tiên tập võ và bao giềng mối phải có nơi người dàn ông. Những khi ấy ông thường bảo, giá chi bác con còn sống con mới hiểu được những lời ông bảo.

Bác anh vẫn là hình mẫu lý tưởng của gia đình dù ông mất đi đã lâu. Bên cạnh đó cha anh vẫn là chiếc bóng xa xăm không hề được nhắc đến. Sự quên lãng ấy lúc bấy giờ đối với anh là bất công và thật khó hiểu. Đến khi anh trưởng thành, anh mới hiểu được rằng bác anh là mẫu người tài hoa nhưng mệnh bạc và cha anh trước sau vẫn là con ngựa bất kham trong nhà dù sau này con ngựa ấy đã phải kéo chiếc xe gia đình đi khắp mọi nơi và cuối cùng ông đã đến tột đỉnh của sự vinh quang thành đạt.

Nắng lên khá cao và bắt đầu gay gắt. Vài chiếc xe chạy vụt qua và có tiếng trẻ con reo đùa lao xao dầu ngõ. Không khí tĩnh lặng trở lại chỉ còn tiếng trầm buồn của hàng trăm con ve sầu mà chú ý lắm mới nghe thấy. Anh bước vào nhà mặc quần áo rồi theo ngõ sau đi thăm gia đình người láng giềng bao năm chăm sóc nhà anh, khi anh trở về mặt trời đã đứng bóng. Anh mở cửa chính, lau sạch sàn nhà rồi nằm lên nền xi măng mát rượi. Trước mắt anh cây huyền dăng bám dầy mạng nhện, ngày xưa ông nội đã phân công anh lau chùi nó vào dịp tết và khi thắp lên trong đêm trừ tịch, cả nhà quây quần lại uống trà ăn mứt gừng để đón giao thừa dưới cái tán ánh sáng tròn dường bệ uy nghi của nó. Anh nhìn lên khung cửa sổ, khoảng trời xanh cao với bao cụm mây trắng nõn lặng lẽ trôi về một góc. Những cụm mây ấy đã từng chuyên chở biết bao ước mơ của anh ngày còn thơ dại đến những vùng đất xa xăm đầy huyền thoại lãng mạn để mình trở thành hiệp sĩ cứu khổn phò nguy hay là chàng nghệ sĩ tài hoa nghèo nàn được làm phò mã. Anh nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, cái khoảnh khắc nhanh chóng ấy là cả một đời người.

Đứa bé buổi sáng theo bà lên chợ quận, bà cháu ngồi trong sạp hàng xén của mẹ giữa hàng trăm mặt hàng chen chúc. Mẹ mua cho chén cơm rượu ăn chưa đã thèm, bà cho chén thứ hai rồi thứ ba. Buổi trưa về đến nhà là nằm lăn quay ra ngủ li bì vì say cơm rượu. Anh tưởng dường như mình là cậu bé ngày xưa ấy, mỗi trưa hè nằm giữa nhà nghe gió nồm mơn man giấc ngủ trong tiếng xào xạc của bờ tre sau nhà. Rồi có tiếng con Bi sủa khách, bóng ông nội lom khom trong vườn, bà nội hái rau dầu chái nhà, và cha anh treo bánh pháo trên cành mai vàng trước sân. Đâu đó xa xa mẹ anh đang gánh hàng lên chợ quận, chị anh bồng em trên tay đang cùng anh chạy theo lối mòn dọc bờ tre xanh sang nhà bác Chín để hái những quả bồ quân nếp đầu mùa chín mọng.

Anh đang đi, về trên lối cũ của đời mình và của đời người. Lối cũ ấy cũng là bao con đường mòn xưa mà ba thế hệ gia đình anh đã đi. Nó là con đường thiên lý trước nhà dẫn ông nội anh đến bến đò năm xưa, nơi ấy cũng đã là nơi dừng chân của bao thế hệ tiền nhân. Cha anh bảo Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt, quan Đại Thần Phan Thanh Giản bao lần dừng chân chờ đò ngang ở cái bến sông ấy những lần từ triều đình Huế trở về và văn miếu làng anh có thiếu gì những bài văn, câu thơ của những bậc tiên hiền, danh nho một thời vang bóng. Anh nghĩ người ta ai cũng muốn một lần trở về lối cũ để hiểu cái sức sống họ đang có xuất phát từ trăm vạn lối mòn đời người trước khi con đường họ đang đi tới trở thành xưa cũ. Anh đang ngủ, đang mơ, đang từng bước trên lối mòn hạnh phúc và có cả bất hạnh của đời mình. Nó giúp anh biết yêu thương và bảo vệ tình cảm của mình trước mọi sự lăm le tước đoạt của người khác. Nhưng nào ai có thể làm được điều đó khi chính bản thân họ cũng cần yêu thương thì việc giết chết những ước vọng của người khác chỉ là điều không tưởng, họ ngày càng xa cách cội nguồn gốc rễ và hạnh phúc của họ nếu có chỉ là thứ hạnh phúc què quặt mù lòa.

Anh sinh ra trên mảnh đất này, đã hít thở không khí đồng nội và được vun trồng khát vọng về một tương lai đẹp đẽ. Gia đình anh dạy cho anh biết đi biết chạy, và quê hương anh chỉ cho anh biết sống như một con người. Chính vì lẽ đó mà vạn nẻo đường đời cũng xuất phát từ một lối cũ. Trở về thăm quê nhà là tìm lại bản thân mình, tắm gội cái thân thể dầy bụi bặm thời gian và ô nhiễm bao thói hư tật xấu. Anh hôm nay trở về sống lại những kỷ niệm ấu thơ chính là muốn sống thêm nữa,

và củng cố thêm nữa cái niềm tin tưởng vào tương lai của mình trước khi tiếp tục cuộc hành trình dang dở.

Anh bước ra đầu ngõ, mặt trời đã xế bóng. Anh muốn nhìn thấy lại guồng xe nước đã múc nước sông lên con mương lớn trước nhà và dẫn đi tưới cánh đồng lúa chính trải dài đến chân núi của tứ thôn Đại Điền vào mùa hạ. Anh không thấy gì cả. Con đường trước nhà chắn che tầm mắt, anh phải leo lên mặt đường mới thấy được bao quát quang cảnh quê nhà. Quê hương anh thay đổi quá nhiều trong khi tâm hồn anh lại tưởng dường như ngày còn bé. Nhìn ngược về hướng đông cánh đồng lúa vàng bị những căn nhà rải rác cắt làm nhiều mảnh nhỏ. Xóm Dạo thấp thoáng sau mái nhà Thờ và rặng dừa xanh bao quanh. Lúc này anh mới thấy được guồng xe nước, trước kia nó có ba guồng bây giờ chỉ còn có một. Ngày trước nó ầm ì chạy suốt ngày đêm, bây giờ nó im lìm bất động và hoang phế. Người ta thay thế nó bằng cỗ máy bơm khổng lồ dưới chân cầu với hai đường ống như hai chiếc vòi bạch tuộc góp phần tích cực vào việc vét sạch nước sông và biến sông thành đồng rau muống. Có được máy bơm, người ta không buồn gỡ bỏ guồng xe nước, nó biến thành thứ mộ bia kỷ niệm nằm cuối nghĩa trang làng anh ở phía bên phải con đường. Nơi này là chỗ yên nghỉ của bao thế hệ dân làng, trong đó có mộ bà nội và bác anh. Hiện tại thì bà và bác anh cùng những người trong làng không còn được yên nghỉ. Nghĩa trang được sử dụng vào việc công ích, và bao nhiêu mộ phần phải được bốc đi trong thời hạn một năm. Quá thời hạn ấy, những nấm mộ không được bốc đi được xem là vô chủ và nghĩa trang sẽ bị san bằng bằng xe ủi đất.

Đứng trên mặt đường cao nhìn xuống, nghĩa địa làng bây giờ thật trống trải. Dân làng đã bốc mộ đi gần hết, những hố đất như những hố bom chen lẫn gạch đá, mộ bia cùng những tấm ván thiên chồng chơ chẳng khác chi một bãi chiến trường. Anh bước xuống cái vùng hỗn độn ấy để tìm mộ bà nội. Bà nằm đây khi anh lên chín tuổi và ông nội anh đã hứa sẽ nằm cạnh bà nhưng dòng đời xô đẩy, ông bây giờ nằm tận miền nam xa lơ xa lắc. Ước muốn của con người lắm lúc thật nhỏ nhoi nhưng không thực hiện được vì đời người tuy ngắn ngủi, chỉ từ a đến z nhưng lại là cả một dòng sông. Mỗi dòng sông có cái phức tạp của nó. Dã có bao tham vọng con người muốn kiểm soát từ a đến z, muốn bóp nắn đứa trẻ chỉ mới bắt đầu tượng hình trong bụng mẹ như bóp nắn một cục đất sét hoặc bắt người đã nằm xuống trong nghĩa trang phải ngồi

dậy theo sự phân công của tri giác diên rồ. Họ muốn kiểm soát cả trăm triệu dòng sông, nhưng dòng sông nào ai có thể kiểm soát được. Dòng sông nào cũng có cội nguồn và cũng đổ ra đại dương. Mỗi dòng sông tự nó có một cuộc sống riêng tư mãnh liệt mà không một quyền lực nào có thể chi phối được. Dòng sông phải được tôn trọng hơn là xem nó như công cụ để phục vụ cho dã tâm con người. Dẫu cho tham vọng con người có lớn lao bao chăng nữa cũng chỉ là dôi bàn tay, nào che lấp được mặt trời hay tát cạn được đại dương. Họ chỉ ngụy tín và vô vọng.

Trời về chiều không khí bớt dần oi bức. Anh cúi xuống nhổ những bụi cỏ chỉ đan chằng chịt trên mộ bà nội. Chỉ vì đau ốm mà trong hai năm mẹ anh không về chăm sóc, mộ bà và bác anh cỏ mọc um tùm. Anh bước sang trái, mộ bác anh cỏ dại cao phủ đến nửa người, tấm bia chân mộ chìm trong đám cây ngái, cây dành dành khiến anh phải đạp xuống mới nhìn thấy được. Anh bồi hồi nghĩ đến ngày nào tre đã khóc măng. Bà anh đau buồn ủ rũ từ khi bác anh mất đi dù cha anh tìm đủ mọi cách làm cho bà khuây khỏa. Mãi đến khi cha anh lập gia đình, và đám cháu nội ra đời bà mới phần nào quên đi cái chết của người con trai trưởng. Ngày mai anh bốc mộ bà và bác anh đưa về nam rồi bốc mộ ông nội, sau đó đưa tất cả ba lọ cốt vào chùa như ước mơ thuở sinh tiền của ông bà là lúc nào gia đình cũng đoàn tụ. Thực ra, gia đình anh nào đã đoàn tụ được khi mà cuộc sống và hoàn cảnh xã hội đẩy đưa người góc biển kẻ chân trời. Có muốn sống gần nhau cũng không thể nào thực hiện được. Trong sự ly tán đó điều tốt đẹp nhất theo anh nghĩ là cố gắng trở về quê cha đất tổ một lần dù rằng điều đó chỉ là hoài niệm. Bởi chính hành động và suy nghĩ ấy cũng là một thứ đoàn tụ vì theo anh, đoàn tụ mang ý nghĩa trở về. Ông bà nội và bác anh đoàn tụ là trở về cát bụi, hay những dòng sông trở về đại dương là đích điểm mà cũng là khởi điểm để dòng sống không bao giờ gián đoạn.

Những ngày sắp tới anh sẽ đi lại trên con đường làng, thăm cô Năm và Nguyện cùng ngôi trường xưa vì anh muốn nhìn hàng keo, gốc bàng ngày nào anh đã trồng trước khi anh lên đường theo cha mẹ lên cao nguyên. Anh sẽ thăm lại Văn miếu, Đình làng và đi dọc con đường ven sông dưới hàng tre xanh để được thấy hàng phượng vĩ bên kia sông đỏ rực, tai nghe tu hú gọi hè và bầu trời xanh muôn thuở của quê nhà trước lúc ra đi.

Lê Lạc Giao 12-1993

TRÚC CHI

viết thử bài thơ tuổi sáu mươi

Đã bạc vành râu trắng mái đầu
Mười phương tâm sự, chín phương dau
Còn giữ một phương: trời mộng đó
Chấp cả phong trần với bể dâu

Viết bài thơ cho tuổi sáu mươi
Chợt tiếc ngẩn ngơ bao chuỗi cười
Của bạn bè xưa, ân tình cũ
Giữa mùa vụng dại thuở đôi mươi

Buổi ấy lên đường vui thật vui
Bè bạn bàn chung chuyện vá trời
Thằng ruổi công danh chừng lỡ bước
Thằng theo sự nghiệp còn chơi vơi

Một chuyến khởi hành hăm hở ấy
Soát lại may ra còn dăm ba
Thằng rũ thân tù không nhắm mắt
Thằng phơi thân trắng bãi bình sa

Thằng kẹt ngất ngư đời viết lách
Cầm điếc làm ngơ dở khóc cười
Bút nhọn mực đầy mà gặp buổi
Cùm gông giam chất xám loài người

Thoát được đôi thằng [illegible] lận đận
Chiều đời cơm áo vẫn chưa tha
Sầu chôn đáy chén hồn nghiêng ngả
Chai rót từng chai cạn tuổi già

Bạn bè tản mác, ân tình lạc
Dâu bể riêng chi ở ngoài đời
Nắng nào đang xế trên đầu bạc
Hắt lại giùm cho ít sáng tươi

Của mùa thơ, thuở [illegible] khai hội
Có những vần gieo rất dại khờ
Có những điệu thầm không dám hát
Có chuyện vu vơ rất học trò

Buổi ấy này em có nhịp cười
Rộn rã bên đường bước sóng đôi
Vững chắc cả niềm tin thiết thạch
Trọn vẹn ngày mai của cuộc đời

Đã mấy mùa qua rồi em ơi
Nhìn lại "ngày mai" những ngậm ngùi
Hàn sĩ độc hành chiều viễn xứ
Lênh đênh khói thuốc lạnh vành môi

Chia tay một buổi mà xa thật
Có những con đường không giao nhau
Một lũ ước mơ tàn úa cả
Rồi bao nhiêu mộng... nước qua cầu

Xí xóa mấy mươi năm cười khóc
Viết thử bài thơ tuổi sáu mươi
Còn được những gì hay mất hết
Mà thôi, còn mất... chuyện mây trôi!
Trúc Chi

NGUYỄN CHÍ KHAM

cánh cửa

Hiền ngừng đan, nàng đưa tay vuốt mấy sợi tóc. Khuôn mặt gầy xanh, cặp mắt nâu, và cả vóc dáng dường như đã chịu đựng quá nhiều ngày mỏi mệt. Nàng vừa mới nở nụ cười sau câu nói của tôi về một dĩ vãng đẹp. Ngồi trông ra cửa sổ, cây cối ướt át trong mùa mưa, xanh hết tất cả màu lá. Nàng chợt hỏi tôi:

– Anh ghé thăm Hà chưa?

Tôi thở khói thuốc, lơ đãng ít giây trong màu mỏng tím đang bay tới chỗ nàng. Căn nhà bị tiếng gió dập, không mạnh, nhưng khoảng ánh sáng tình cờ bị đẩy lui, xê dịch từng bước ngắn.

– Cô hẳn còn nhớ người bạn cũ?

– Hà không thân lắm, nhưng em biết.

– Cô ấy rất sành âm nhạc, và gia đình cũng thuộc về lớp quý phái.

– Bởi thế nên anh không cố gắng tới gần.

– Không nên cố gắng, cái đó cũng thực tế, và chẳng có gì làm cho mình tự thấy mặc cảm.

– Ở thành phố này cái nề nếp của gia đình quan trọng quá phải không?

– Có lẽ đúng như cô nghĩ.

Hà thường hay mặc chiếc áo dài xanh. Dòng sông chảy qua thành phố này trong vắt và gợi cảm như tiếng hát của nàng. Tuổi hai mươi của tôi lúc đó quá lãng mạn. Nàng đi học, một nụ cười gặp gỡ trắng xóa trong mưa làm tôi khát thèm trên cặp mắt mình cái dư vị ngọt của chiếc lá. Suốt buổi sáng, mưa ngập đầy trong trí nhớ, và tôi cảm thấy hứng thú, lang thang không nghĩ đến giờ khắc phải có mặt ở trường. Trong một ngày đó quen nhau, mái tóc sũng ướt, Hà bước đi bên cạnh tôi một quãng rồi vẫy tay, qua bên kia đường từ giã. Hà có giọng nói vui hơi nhanh, những lúc nghe tiếng cười dừng lại, tôi mới bắt kịp được sự hồn nhiên của thiếu nữ quá nhiều mộng ước. Ngày tháng ấy, bỗng dưng tôi hiểu được rằng mình sẽ vì tình yêu không có tương lai mà trở nên buồn

chán. Nàng như vậy đó mà không buông thả, khoảng cách cũng rất ngắn, rất gần, nhưng khi đếm bước thì mình lại nhầm lẫn con số, mãi hoài không tính được. Hà đã yêu một người con trai khác quen biết với gia đình nàng. Đôi khi nhớ tiếng hát, tôi lại muốn trở về. Và trong lần trở về này, nàng đã thay đổi cuộc sống đi tới một nơi khác. Đà Lạt là một vùng sương mù diễm ảo, một thành phố của âm nhạc vây quanh những ngọn đồi trồng hoa. Người trong khu phố cũ, nay họ lại nhớ đến những cái bóng dáng xa cách của nàng.

– Không hiểu sao, lần này trở về tôi lại có cảm tưởng như mình đang ở đây quá lâu.

Hiền nhích cánh tay gần sát chỗ dựa, nửa mái tóc nghiêng qua một bên, phảng phất cái cảm giác mát lạnh như lúc này đang ở vào cuối thu.

– Anh nghĩ như vậy là xa xôi quá.

– Ở Đà Lạt, cô lên đó lần nào chưa?

– Em chưa đi.

– Bây giờ Hà đang ở đó.

– Ngày trước, anh quen với Hà như thế nào?

Ở sau lưng Hiền, trên mặt bàn có tấm gương soi, hụ phấn và lọ nước hoa đã vơi gần một nửa. Sau ngày Thịnh mất, Hiền đã sống như thế nào. Cái dẹp bằng sự trang điểm của Hiền tôi chưa thấy. Nhưng vẻ mặt bây giờ, mặc dù có dôi chút tiều tụy, tôi vẫn nhận ra Hiền hãy còn đẹp.

– Cô được nghe Hà hát bao giờ chưa?

– Em chưa nghe Hà hát.

– Cô Hà hát hay lắm. Nhưng năm ấy, đám cưới xong sao hai người không đi Đà Lạt?

– Năm đó ít ngày quá em không đi được.

– Tôi ở thành phố đó gần hai năm. Nhưng buồn chán lắm, vì lúc ấy mình còn nhỏ, chẳng có kỷ niệm nào để đáng nhớ.

Người thiếu phụ mỉm cười nói với tôi:

– Anh thích sống với hoài niệm mà không có một nơi nào là đích thực cả.

– Đôi khi, những cảm như vậy, tôi cứ tưởng mình đang sống thực.

Hiền cũng có một cách nói gần như xa lạ. Vào buổi chiều, ngồi bên khung cửa, nàng lại liên tưởng đến một thành phố khác, không có gì

mang theo, nhưng đi bộ một mình dưới buổi sáng dưới cơn mưa. Đứa bé vẫn còn ngủ yên giấc trong chiếc nôi. Hình ảnh của nàng, dưới mưa ướt át, xõa hết mái tóc để thấy vẻ đẹp man dại. Người thiếu phụ bỗng dưng sợ hãi, vì biết mình sắp già nua, hương phấn thời gian phai nhiều trong cặp mắt. Búp len màu trắng sữa, bất chợt đánh thức tiếng khóc oe oe, và nỗi buồn riêng tư, chiếc áo ấm cũng không có gì đẹp, nhưng nó đã âm thầm bằng lòng, mỗi lúc trở nên đều đặn hai que đan tréo nhau như kim đồng hồ đang chạy quanh các hạt cườm nhỏ dưới những ngón tay duyên dáng của nàng.

Tôi có ý định, muốn đứng dậy ra về thì trời lại đổ mưa. Khuôn mặt thằng bé quá giống Thịnh. Những chiếc cầu, con sông, mái trường cũ, cuộc chiến tranh dổ nát, mọi thứ đều lụi tàn, khắc khoải trong trí nhớ. Hắn ra đơn vị, đóng quân nay đây mai đó, ở nhiều nơi trên các vùng có chiến trận. Nhưng chưa đầy hai năm, nửa đêm chống giữ đồn, người hắn bị trúng đạn lết bết máu và ngã gục. Hiền không hề nói với tôi một lời nào về cái chết đó cả. Khi ngày tang tóc đã qua, yên lặng rồi, tôi trở về, cuộc gặp gỡ bóng dáng cả hai người thì đã quá muộn. Bao nhiêu chuỗi thời gian ở đây, nàng sống một mình, cố gắng để làm vơi cạn những ngày thê thảm.

– Cô đan mấy ngày nữa thì xong áo?

– Đâu nhiều vậy, đến ngày mai thôi.

– Không biết tôi còn phải đi xa nữa không.

– Chừng nào anh hết lãng mạn?

– Cháu được mấy tháng tuổi rồi?

– Mới hơn bốn tháng.

– Sang năm tôi về phép, cháu chập chững đi được.

Hiền ngừng đan, nàng cười nói với tôi:

– Sang năm anh đi xa nữa mà.

– Ừ, thì cứ coi như tôi đi xa.

Tôi cảm thấy tự nhiên thú vị với lòng mình, đưa ta đẩy nhẹ chiếc nôi. Những tiếng mưa bên ngoài lọt vào ấm áp, gần gũi. Chuông đồng hồ ngã xuống, nửa buổi chiều. Hiền bỏ tay áo sang một bên, nàng đứng dậy.

– Anh coi cháu giùm em. Nó sắp đói rồi.

Ngang qua chỗ tôi, Hiền rẽ xuống nhà dưới. Nàng mở phích nước sôi pha sữa. Trong lúc cúi xuống, mái tóc nàng xõa che kín mặt. Tôi lơ đãng nhìn ra ngoài, trời đang mưa. Ít giây sau, bất chợt đứa nhỏ cựa mình, nhè nhẹ khóc. Tôi đưa tay dẩy chiếc nôi, miệng hát ru một vài câu, bâng quơ nghĩ đến những ngày thơ ấu và hình ảnh của mẹ tôi. Tôi hát, trở nên âm thanh của chính mình, nỗi nhớ ai đó lúc xa, lúc gần, giữa buổi chiều yên lặng bỗng đưng cảm thấy ngậm ngùi, mất mát. Người thiếu phụ có lẽ biết mình rồi phải quên đi một mối tình với người chồng cũ. Nhưng tôi nghĩ, nàng có sự can đảm để mãi mãi dợi chờ kẻ vắng mặt. Hai ngày nữa, dù ít hay nhiều, thành phố này chẳng muốn giữ tôi lại. Rồi đây, sẽ ra sao nữa, tôi chưa biết. Nhưng ra đi, là sẵn sàng bỏ lại, và quên đến cả bản thân của mình. Những ngày trở về, gặp lại Hiền, chúng tôi muốn chắp nối lại nhiều kỷ niệm đã mất, trong sự an ủi, nghe được những lẻ loi góp lại một sum vầy.

– Anh hát ru con giọng buồn lắm.

Hiền lên tới, nàng đứng sau lưng tôi nhìn đứa bé đang mở mắt.

– Cô làm xong rồi à?

Tôi thấy cặp mắt Hiền đã hoen đỏ. Nàng đứng bên cạnh tôi, hai người cùng nhìn cặp mắt thằng bé đen tròn, đầy nụ cười và nguyên vẹn. Lúc này, Thịnh cũng đang có mặt. Hẳn biết tôi đã đột ngột trở về -không cần nói, hẳn cũng biết là tôi rất vui mừng nhớ lại ngày đám cưới- và vẻ đẹp của Hiền, là sự hẹn ước của một gia đình đang sống nẩy nở giữa niềm tin. Tôi chợt đứng dậy.

– Bồng đi chơi nhé -thằng bé nghe tôi nói nhe miệng cười.

Tôi cúi xuống đưa hai tay nâng đứa bé. Tôi có ý nói Hiền đừng khóc nữa. Một chút sau, nàng giao bình sữa cho tôi, nàng trở lại ngồi dan. Quay lưng, bước lui tới trong căn nhà, thằng bé nhìn tôi cầm bình sữa giẽu cợt rồi cho nó uống, vừa đi, vừa hát cho nó nghe. Chừng như nó đang đói. Ngoài khu vườn, đám mưa ngập tràn trên các ngọn lá. Hiền đang nghe những tiếng mưa lớn ào ạt dổ. Nàng vui một mình, lúc này, có thể nàng đã hết sợ hãi. Từ nay, căn nhà này sẽ không còn ảm đạm, nó được hồi sinh bằng ánh nắng, tiếng chim hót, hạt gạo mùa, tiếng gà trống gáy lúc sáng, lúc chiều, và bầy gà con lúc nào cũng hí hửng lúc thúc chung quanh mẹ. Có những tiếng nói, mới đầu nghe tưởng xa lạ, về sau, dần dà trở nên quen thuộc, bao trùm dầy hơn. Khi nào tới mùa

xuân, khu vườn sẽ nở thêm nhiều bông hoa quý, trong hương thơm người ta hái lộc bằng những lời mời mọc, chào đón, đến lúc mùa xuân đi hết rồi, sau một năm thì thiếu phụ biết được đứa con trai mình đã lớn. Đừng bao giờ nghĩ nàng là một góa phụ, vì có những lúc nàng phải chăm chút nhan sắc, ao ước vẻ đẹp của mình là một sự sống sót. Khá lâu, trong cánh tay giữ đứa bé, nhắc nhở tôi nghĩ tới nàng, tới một bàn tay đang lạnh lẽo bỗng nắm lấy nhau, thắm hồng trên bếp lửa trong buổi chiều mùa đông.

Cơn mưa bắt đầu thôi thúc, đang chìm chìm nhỏ hạt. Tôi bồng đứa bé trở lại với Hiền, ánh sáng ngoài những khung cửa hẳn còn mù xám và thấp. Nàng chợt hỏi tôi:

– Anh ở trên miền núi mùa này chắc rét lắm.

– Ở đây cũng đang rét không thua gì miền núi.

– Hôm nào anh mới đi?

– Còn được ngày mai, ngày mốt trở lại đơn vị rồi.

– Mỗi năm anh có được về phép một lần không?

– Không biết nữa -tôi và thằng bé tự nhiên nhìn nhau cười- khi nào nhớ thằng bé này thì tôi về.

Nàng nói:

– Cho anh mang nó đi theo luôn.

– Bao giờ tôi có vợ sẽ giữ nó thay cho cô.

Nàng gật đầu cười:

– Vậy thì anh cố gắng nhanh lên.

– Cũng phải từ từ. Mỗi năm cũng phải dợi đến mùa.

– Bao giờ mới lấy vợ, anh K.?

Nàng chợt ngừng tay, yên lặng.

– Cô đặt cháu tên gì?

– Vinh.

– Cũng hay. Không có tên ở nhà?

– Có, em đặt tên Voi.

– Ghê quá, nó nặng được bao nhiêu?

Nàng chỉ cười. Bất chợt, tôi nghe những tiếng hú ngọn gió đang rút lui. Chiếc nôi bỏ trống, tay tôi gần mỏi. Tôi bảo Hiền:

– Cháu cần nằm trở lại không?

– Anh đặt cho cháu nằm nghỉ đi.

Tôi tới gần chiếc nôi, đặt thằng bé nằm xong sau đó quay lại. Không hiểu sao, vẻ mặt Hiền tự nhiên tái hẳn. Nàng có vẻ run sợ. Nỗi xúc động của nàng, thoáng chốc, bằng tất cả cái tên đó gọi tôi. Ở trong đầu óc tôi, một đám tóc hoang dại như mây mù, một khuôn mặt ngây thơ của ngày nào đang trẻ dại. Giữa chúng tôi có những tình cảm mông lung, những ý nghĩ vừa mộng, vừa thực. Không ai ngờ được, những ngày đó lại qua mau, tuổi thơ ấu bỗng lớn nhưng mỗi kẻ bị sự chia lìa ném đi. Năm ấy là mùa thu, tôi qua hết tuổi hai mươi, Hiền chẳng còn là một thiếu nữ nữa, nhưng lòng tôi muốn giữ mãi vẻ đẹp của nàng.

– Anh đứng đây đợi em.

Nàng biết tôi sắp sửa ra về. Tôi quay sang nhìn xuống cặp mắt thằng bé. Hiền bỏ chiếc ghế trống, nhưng tôi không có cảm tưởng mình đang chờ đợi. Một lúc hơi lâu, tôi nghe tiếng bước chân của nàng trở ra. Tôi quay lại, nhìn nàng đi tới, vẻ mặt cố gắng bình thản, trên tay cầm một cái gói bọc bằng giấy báo.

– Cô định gởi quà cho ai vậy? -tôi hỏi.

Cầm gói đồ đưa cho tôi, nàng nói:

– Của bạn anh. Hãy giữ lấy để làm kỷ niệm.

– Cô nói rõ hơn đi.

– Em tặng anh chiếc áo len và cái khăn quàng. Ngày trước đây là của Thịnh. Bây giờ, bạn cũ của anh không còn nữa. Anh giữ đi, nhớ vợ chồng em, đến lúc nào chiếc áo nó tàu tạ thì thôi.

– Hiền có ý muốn quên hẳn Thịnh hay sao?

– Không, anh ấy lúc nào cũng là bạn của anh.

– Còn đối với Hiền anh sẽ như thế nào?

– Hãy đối xử với em như ngày xưa. Ngày xưa, anh đã có ở trong cuộc.

Gói áo Hiền vẫn cầm trên tay. Tôi lơ đãng một chút và cố gắng suy nghĩ. Ngoài căn vườn rạng rỡ lên vài tia nắng nhắc nhở tôi ra về. Tôi quay lại hỏi Hiền:

– Anh phải nói với em như thế nào?

– Tùy anh, nhưng anh cứ đi. Cuộc sống dù đã khác, em vẫn ở đây một mình.

Tôi cầm lấy gói áo, nói với nàng:

– Đây cũng là vết thương của Thịnh, em biết không?

– Đã muốn là kỷ niệm, thì em cũng muốn nó thuộc về anh. Rồi anh coi nó như là tất cả cũng được.

Tôi ngồi xuống ghế, chiếc nôi cách xa một chút thằng bé đã nằm ngủ.

– Anh thực sự cũng phải từ giã em. Giữa chúng ta, chẳng có gì bẽ bàng cả. Nhưng sau khi Thịnh đã mất, anh vẫn nghĩ Hiền còn bao nhiêu thứ khác mữa trong cuộc sống. Tại sao chúng ta không cần thiết đặt bên cạnh mình những người thân thích, và không có một lúc nào đó nghĩ rằng cuộc chiến tranh này sắp sửa kết thúc.

Hiền bước sang, đứng gần kệ sách. Nàng nhìn về phía tôi, một chút hơi lâu rồi nói:

– Em không nghĩ là anh trở về.

– Anh trở về cũng là muốn gặp lại em.

– Đáng lẽ, nó không còn với em nữa. Nhưng hôm nay, nhắc em nhớ lại ngày đám cưới của mình. Ngày đó tại sao không có anh?

– Anh cũng không hiểu nữa. Nhưng mà thôi, hạnh phúc ngày đó của em đã qua. Buổi chiều khi mặt trời sắp lặn thì đừng nhắc đến nữa.

*

Trong đám mây mù buổi sáng sớm, chuyến xe đi rời bến, chạy dưới mưa qua những chiếc cầu, những hàng cây xanh hút để rời xa thành phố. Buổi chiều ở nơi đó, vị nóng ngọt rất dầy trên cặp môi hôn, và mỗi lúc nỗi trống lạnh vùn vụt trôi qua giữa tiếng gió dập vào thành xe trên con đường di chuyển. Tôi ra đi một mình, Hiền vẫn cứ ở lại. Chúng tôi đã san sẻ cuộc ái ân, nhưng vẫn bằng lòng với sự xa cách. Không còn có sự trở về nhưng tôi hiểu được rằng mình đã tới một nơi khác, và còn mang theo hết tất cả một thành phố vắng mặt đến đặt ngay ở nơi đó. Người con trai, cặp mắt của thiếu nữ, những năm tháng vừa chín đỏ trong tuổi hai mươi mộng ước, thì cuộc chiến tranh, đã không tránh cho những người này và những kẻ kia bao nhiêu mối hận thù. Điều tệ hại mà chiến tranh gây ra là như thế, nhưng người ta vẫn thương nhớ chiến tranh. Tôi lúc nào cũng có một cảm tưởng là cuộc chiến tranh mãi mãi

kéo dài để người ta yêu nhau, sống với nhau, rồi trở nên hận thù, ly cách, sau đó lại ao ước có được một ngày thanh bình để tái ngộ. Chiến tranh đã chọn lựa một số hình ảnh vị tha, một góc cạnh thiên nhiên trữ tình, một đời sống rất tàn bạo, và một nỗi sợ hãi rất khủng khiếp để con người tự do lường niềm tin của mình với một tảng đá.

Khi tôi ra đi hoặc rồi đây không còn nữa, thì Hiền cũng ở rất xa, có thể nơi cuối gió của dòng sông, nơi chân trời tuổi cũ thuyền ai còn đậu bến sông trăng đó, có chở trăng về kịp tối nay. Nàng ngồi xõa tóc không lời. Ai đó ngày xưa nói nàng là cô phụ. Ai đó, đã đem nàng ra đi, cả hai đứa ở một bên trời lận đận.

Vào buổi chiều, nơi mái hiên ngập đầy lá rụng, tiếng đàn cũ đã vang lên một ám hiệu, nhắc nhở những kẻ đi xa không nên trở về, vì có một cuộc tình đêm qua đã chết lúc trăng hãy còn thơ ấu.

– Anh có điều gì nói hết với em đi.

Tôi im lặng không muốn trả lời. Nàng hỏi tôi:

– Tại sao anh trở về đây tìm em?

– Anh cũng biết em đã chờ đợi. Trong mùa đông, em không thể sống riêng lẻ một mình.

– Như vậy nên anh ao ước trở về.

– Anh trở về không có gì để sợ hãi.

– Anh có sợ ánh đèn không?

– Không.

– Em hơi cảm thấy sợ.

– Tại sao vậy?

– Em muốn anh tắt ngọn đèn.

– Không, đừng tắt. Cứ để vậy anh nhìn thấy em nguyên vẹn.

Nàng trở mình, đột ngột cười khúc khích, chồm lên người tôi hai tay đè nặng.

– Tắt đèn đi, anh đừng có bướng.

Tôi cười:

– Tắt đèn làm gì. Hão huyền, có ai chung quanh đâu.

– Nhưng em lại không thích buổi chiều có ánh đèn. Em cũng không cần đắp chăn nữa.

– Sao em lạ vậy?

– Em thích nằm trong hơi lạnh.

– Thôi cô đừng xạo, nằm xuống dắp chăn ngủ đi.

Nàng cười, giấu mặt xõa tóc dài xuống hai vai. Nàng nhắm mắt nghe mưa, đợi tôi vỗ về giấc ngủ. Nàng đã ngầy ngật, và toàn thân tôi cũng đã mỏi. Khi nghe hơi thở, tôi quay sang, cúi xuống hôn lên cổ nàng và biết nàng đang say ngủ. Tôi bật đèn ngồi dậy. Buổi chiều đã hết. Người đàn bà ngủ trên chiếc giường không có dắp chăn. Tôi với hộp diêm trên bàn, nhưng bao thuốc chẳng còn điếu nào cả. Tôi gắng gượng đứng lên, bước đi, bực tức nhìn ra những cánh cửa sổ. Khi nghe tiếng thằng bé cựa mình, tôi trở lại gần chiếc nôi. Tôi nhìn xuống, đứa bé đã chết cóng. Khuôn mặt của Thịnh bị vùi lấp, nơi buổi chiều vắng mặt, hắn chỉ để lộ ra mái tóc. Bỗng dưng tôi cảm thấy sự chán ngán khi nhìn thấy nỗi khổ đau của hắn. Hắn cười gằn:

– Mày là một thằng khốn nạn.

– Vợ mày đang ngủ. Đừng khuấy động nữa.

– Vợ tau chẳng cần thiết có mày, -hắn hét lên.

– Mày không để cho con mày yên ngủ được hay sao?

Tôi đẩy nhẹ chiếc nôi. Cái áo len màu trắng sữa, người đàn bà còn ngủ, nàng đan dở chưa xong. Chiếc ghế bị bỏ trống. Bàn ghế tự nhiên ngăn các lối đi. Tôi lục lọi tìm kiếm được một tấm chăn nhà binh cũ. Thằng bé là một thảm họa, nó bất động, tôi đặt tấm chăn nhẹ lên nửa người. Bỗng dưng, nó hiện ra hình ảnh đứa con của tôi.

Ngày tôi còn đi học, tiếng trống trường vang dội ở xa nghe rất dồn dập. Hà chạy trong cơn thảng thốt và lên tiếng gọi. Người tình của nàng đã bỏ trốn. Nàng chạy dưới mưa. Ở ngay dưới chân tôi có một mẩu thuốc lá. Tôi nhặt lên, đốt lửa châm hút. Không hiểu sao, từ vị cay đắng, sợi khói lại bay đi một màu lam hồng. Những chuyến phi cơ trực thăng vào buổi chiều trở về quân y viện, màu khói đỏ lúc nào cũng tang tóc. Ngoài vườn, trong ánh nắng, bất chợt có một cánh hoa nở. Khuôn mặt của Hiền rất ngây thơ, những câu nói lúc ban nãy nàng đã kể cho tôi nghe một câu chuyện về ngày đám cưới.

Quê ngoại của Hiền ở cách bên tôi một con sông. Nàng thường hay đi buôn vải ở các phiên chợ. Cô gái đẹp nết, sớm lấy chồng. Khi nàng lấy chồng, người ta mở ra một ngày hội đua ghe. Những năm tháng cũ trong thời thơ ấu tôi đã yêu nàng, nhìn nàng mặc áo cưới, tôi ao ước có

một vầng trăng diễm ảo nhìn nàng bay lượn như một cánh diều qua cõi mây xanh. Hình như, dạo đó nàng thường hay chế giễu tôi khờ khạo, ngốc nghếch. Tôi lại thích cuộc chiến tranh, vì nhờ cuộc chiến tranh mà tôi biết được mình đã lớn, có một chút tình thân với sự thù hận để nói với cỏ cây, biển xanh, và những ngày thơm ngát gạo mùa. Tôi thích cái chết của một con chim bị trúng dạn, sau mỗi buổi chiều, lúc đến tuổi già mẹ tôi không còn nữa, sẽ có một chuyến tàu kéo dài các toa xe chở những kẻ đi tha phương trở về ngừng lại nhìn một chiếc cầu nằm ở sau lưng thị trấn.

Khi đã ngớt cơn mưa, tôi thực sự ra về. Người đàn bà nằm chỗ đó, không có tôi ở bên cạnh. Nàng thích giấc ngủ, lúc này tấm thân của nàng đang buông thả bằng một vẻ đẹp, trong lúc bên ngoài, buổi chiều đang màu xám rất lạnh. Hãy tóm gọn một nỗi nhớ bâng quơ rồi đứng nhìn nàng ngủ. Người thiếu phụ mãn nguyện với giấc mơ, với một lời ru của ai đó, và trong lúc hai người đang yêu nhau, nàng nghe được tất cả các mùi hương của loài thảo mộc đang trở về rất êm ái. Nàng sợ hãi ánh đèn, nói với tôi, ánh sáng rất dơ bẩn khiến con người trở nên đê tiện. Bóng tối thâm u quá, tuy là sự thật, nhưng có một sự dẫn độn, gian ác. Không có gì quyến rũ vẻ đẹp bằng sương mù, và nhan sắc của nàng ẩm hẳn lên từ một nguồn hơi lạnh. Khi ấy, sau cuộc làm tình, tôi chán ngán, dửng dưng như có ý nghĩ trách nàng. Nhưng nàng đã vô tư lự, không nói nữa, không cười nữa. Tấm chăn như một vật hoang tàn đã bỏ phế. Không phải đây là lần đầu tiên, trên con đường trở về nhà, tôi nghĩ đến sự ra đi. Nhưng nghĩ đến một người đàn bà bị phế bỏ, tổn thương, tôi hiểu thấu được rằng, nàng cũng đang ao ước, có một ngày kia nàng sẽ tìm thấy lại được kẻ vắng mặt.

Ngày hôm sau, lúc buổi chiều tôi lên tới đơn vị. Nỗi nhớ đầu tiên của tôi là vẻ đẹp trên khuôn mặt của Hiền. Tôi đi ăn bữa cơm ở câu lạc bộ, làm quen với hai người bạn ở quân trường mới ra đơn vị. Không còn ai ở đó nữa, chúng tôi chia tay. Nửa đêm, thức giấc không nghe tiếng súng. Trời mưa lớn, tôi kéo tấm chăn của mình đem theo đắp lên ngực. Tự nhiên tôi nhớ có một lọ nước hoa, trong cảm giác dờn dợn ứa ra mùi vị sữa chua. Tôi nghĩ đến Hiền, nàng ở xa, rất xa.

Nguyễn Chí Kham
21-4-94

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI BẢY
NHỮNG THẾ GIỚI RIÊNG

38. Cô không tin được mọi việc sau cùng lại dễ dàng đến thế. Từ hôm cô gọi cảnh sát đuổi Thoại đi, từ hôm hai chị em ôm nhau khóc rồi cô ở luôn lại nhà Lương, mọi chuyện cứ như đoán ý cô mà chiều. Lương được giáo hội cho biết chẩn y viện dưới Ba Tây trang bị đã gần xong, tháng tới có thể bắt đầu nhận bệnh và họ rất mừng khi Lương dứt khoát nhận lời xuống trông coi. Họ lại cần y tá lành nghề để giúp Lương cũng như trông coi nhà giữ trẻ, và cô được được giao phó công việc ấy.

Thời gian hơn hai tháng còn lại ở quận Cam, Lương và cô bận rộn với những thủ tục thông hành, y tế, cũng như sắm sửa cho chuyến đi. Rảnh việc là Lương ra tiệm sách kiếm những tài liệu liên hệ đến nhiệm sở mới, từ thổ ngơi cho đến ngôn ngữ, phong tục. Cô bận rộn sắm sửa những đồ gia dụng để mang đi. Ở một làng sơn cước Ba Tây, món gì sẽ chẳng khó kiếm, từ bàn chải đánh răng, xà-phòng giặt, vải thô, thuốc men y cụ, cho tới kẹo và đồ chơi cho trẻ con...

Giáo hội cử cha Cortes, một linh mục gốc Ba Tây thông thạo Pháp ngữ, hằng ngày tới giúp hai người học tiếng Bồ Đào Nha và làm quen với văn hóa mới. Tiếng Bồ gần tiếng Pháp về ngữ vựng và văn phạm. Cách bỏ dấu và phát âm mơ hồ giống tiếng Việt làm cô nhớ tới bài học lịch sử về các giáo sĩ Bồ ngày xưa đã đóng góp nhiều cho việc hình thành chữ Quốc Ngữ. Có nhiều thì giờ hơn Lương, cô tiến tới trông thấy. Cha bảo cô, "Rồi bà coi, chẳng bao lâu bà sẽ nói thạo như người bản xứ..."

Thỉnh thoảng cha ở lại dùng cơm tối. Cha cho xem những bức ảnh về làng São Allande, nhiệm sở mới của Lương và cô. Làng thuộc miền bắc Ba Tây, trên triền sông Amazone, sát bên rừng già. Dân làng nguyên gốc da đỏ, đã lai Bồ nhiều đời. Hai thế kỷ trước, một đám nô

lệ da đen thoát li trốn tới làng lập nghiệp. Giỏi canh tác, họ giúp dân làng phát triển canh nông. Họ lấy người địa phương, và chẳng ít lâu, màu đen của họ nhạt đi, màu nâu của dân làng đậm ra, và mọi người đều có ba dòng máu trong huyết quản. Như mọi nơi khác ở Ba Tây, các chủng tộc hòa trộn với nhau và sự kỳ thị nhẹ hơn so với bắc Mỹ.

Xa cách thành đô, dân làng São Allende sống bên lề xã hội lớn, gần đây mới bắt đầu sát nhập với đời sống chung của quốc gia. Cha Cortes bảo họ rất tốt rất chất phác, nhưng lạc hậu lắm. Họ tin thuốc tây nhưng cũng tin chữa bệnh bằng lá cây rễ cây hay bùa chú. Ảnh hưởng từ ngoài đến, họ chấp nhận, nhưng dưới dạng thức pha chế với yếu tố địa phương. Kể cả tôn giáo. Họ ngoan đạo, nhưng Lương và cô dừng ngạc nhiên nếu cùng một lúc họ vừa tin Chúa Ki-Tô vừa tin dủ loại thần linh nơi cây cỏ thú vật. Ngược lại đạo Voodoo huyền bí của họ từ bao giờ đã thu nhận đức bà Maria như một nữ thần bản xứ...

Cô náo nức với chuyến đi. Cô gắng hình dung cuộc sống tại nhiệm sở mới, nơi cô sẽ cùng Lương săn sóc cho những người nghèo khó cuộc sống văn minh đã bỏ quên. Mới đầu cô nghĩ, chắc cũng như Long Khánh ngày xưa, công việc vất vả nhưng thù lao cũng ê hề, nếu tính bằng tình thương và quý mến người nghèo dành cho cô.

Rồi cô lại nghĩ, cuộc sống trước mặt còn bội phần đẹp hơn hồi ở Long Khánh. Thuở ấy, lúc còn khá giả cô làm việc thiện để quên nỗi bất hạnh bản thân. Về sau khánh kiệt, cô làm việc thiện để có hộ khẩu, để lãnh ngày hai bữa cơm trộn bo-bo cho bản thân... Hiện tại sự việc đẹp hơn nhiều lắm. Cô làm việc thiện không phải để quên hay để kiếm sống, mà để xứng đáng với hạnh phúc cuối đời bên Lương.

Cha Cortes lại bảo nam bán cầu có nhiều chuyện khác với trên này. Nằm phía dưới quả đất, ngắm nửa dưới của vũ trụ, họ có một trời sao riêng. Mùa của họ cũng ngược với trên này. Bây giờ Cali là đông thì Ba Tây là hè. Tới đầu thu khi cô và Lương dọn xuống, dưới ấy vừa mới lập xuân. Cha kết luận:

"Năm nay Chúa thưởng cho ông bà một mùa xuân thứ hai."

Cô hiểu ẩn dụ của cha. Đời cô cũng được hai mùa xuân, và cuộc sống bỗng dưng cho cô một cơ hội mới. Cô sung sướng nghĩ tới hạnh phúc mới tìm lại được với Lương, được chung sống với nhau nơi miền đất hứa, làm lại từ đầu mọi chuyện dưới một trời sao mới. Cuộc sống

đẹp như tiểu thuyết. Cả đến công việc cũng dẹp như ý cô muốn. Sống giữa thiên nhiên, xa cách những phàm tục của thị thành, vui trong niềm vui phục vụ những người bất hạnh. Cái ân sủng dành cho cô với Lương rộng rãi bao la.

Cô bỗng sợ hãi, mọi chuyện sao tốt lành quá, như Trời Phật đón ý cô mà chiều. Như một đứa bé ở với dì ghẻ khắc nghiệt, cô nghi ngờ cái ngọt bùi vừa đến với cô. Nhưng mà không, cô không tìm ra được cái gì xấu xa tiêu cực đang ẩn náu để phục kích hạnh phúc của cô và Lương.

*

Một tối thứ bẩy, cơm nước xong nhân lúc vui chuyện, cha Cortes nói:

"Chưa bao giờ tôi thấy một cặp vợ chồng ý hợp tâm đầu như hai người."

Hai chữ 'vợ chồng' làm câu chuyện khựng lại. Cha đã vượt quá cái xa cách của sơ giao để đề cập đến liên hệ giữa cô và Lương. Nhưng không khó chịu, cô chỉ thấy thiện tâm của cha dành cho cô và Lương. Qua văn phòng giáo hội, cha tất hiểu rõ từ đầu tình trạng chưa chính thức của hai người. Cha đã nhìn liên hệ ấy với trang trọng và quý mến. Cha lại nói:

"Tôi nghĩ ngày vui của ông bà cũng sắp tới. Khi ấy, nếu được yêu cầu, tôi sẽ sẵn sàng đứng ra làm lễ."

Biết cha vốn bảo thủ so với các linh mục Mỹ, việc cha nhận làm phép cưới cho một người đã ly dị như Lương là chuyện đặc biệt, phản ảnh cảm tình đặc biệt cha dành cho cô và Lương. Cô vô cùng cảm động. Nhìn Lương, thấy anh nhìn lại cô như dò ý, cô mạnh dạn nói:

"Mọi chuyện tùy Lương thôi, còn con thì bao giờ cũng sẵn sàng."

Cô đợi Lương phụ họa theo nhưng anh lặng yên. Đang chìm đắm trong hạnh phúc, cô chỉ thoáng ngạc nhiên.

Đêm hôm ấy nằm bên Lương, cô sung sướng ôn lại những lời cha nói, đến chữ vợ chồng cha dùng để chỉ định hai người... Cô bỗng khám phá ra tại sao cô quý cha. Một linh mục khác sẽ phê phán sự chung sống của cô với anh, tuy không đến nỗi nói ra miệng như Tâm. Vậy mà không, đuổi mất cha, cô là vợ của anh, và tình cô dành cho anh là tình thánh thiện nhất giữa một người đàn ông với một người đàn bà...

Cha thấy nơi cô những chuyện tốt lành phản ảnh trung thực tâm hồn

cô. Tất nhiên cô cũng có những phần xấu. Có lúc cô cũng cứng, cũng ác, như lúc cô dối phó với thằng Thoại... Nhưng cha làm cô cảm thấy cái cứng cái xấu là những ô nhiễm từ ngoài vào, có thể chữa được, tẩy được... Bên cha, cô là một người đàn bà tốt và hạnh phúc, và cô vững tâm để thấy đời sống cô chọn có nghĩa lý. Cao hứng cô nói thành lời:

"Em nghĩ cha nói đúng, hai đứa mình xứng đáng nên vợ nên chồng..."

Như chủ tâm không chịu vào đề, anh nói:

"Cha Cortes làm anh nhớ tới cha xứ cũ của Hố Bò. Dễ thương, khả kính, nhưng... nói làm sao đây... Cha hơi sấn sổ... Anh đồng ý là cha một linh mục tốt. Nhưng anh rất bực vì cha xía vào chuyện riêng tư của tụi mình. Các cha Bồ ngày xưa sang xứ mình truyền giáo chắc cũng chỉ vụng về đến thế..."

Chưa bao giờ anh nói về một linh mục như vậy. Rõ ràng là giận cá chém thớt. Nhưng cá nào thớt nào và anh giận ai. Không nhẽ công việc sở trong những tuần bàn giao cuối cùng lại vất vả đến thế. Cô gắng đùa cho nhẹ câu chuyện:

"Em mừng là cha sấn sổ, vì cha sấn sổ thay em... Anh, em muốn đề nghị với anh chuyện này cả tháng nay rồi."

Thấy anh không sốt sắng hưởng ứng, cô vớt vát:

"Anh, cha Cortes thánh thiện, thấy cái tốt lành dù cái tốt lành có bị vất vả gian truân che khuất."

Cô quay sang ôm anh, như tìm trong cái ôm sự che chở cho niềm lo sợ mơ hồ đang đe dọa đâu đây. Anh ôm lại cô, nhưng cô nghe một phần giây chậm trễ trong cái ôm đáp ứng của anh.

"Chuyện gì vậy anh?" cô hỏi.

"Có chuyện gì đâu," anh nói.

Tựa hồ như chính anh cũng thấy mình gắng gượng, anh nhẹ buông cô ra. Trong đêm tối yên lặng cô nghe hụt hẫng. Tim cô đập mạnh, từng nhịp từng nhịp chấn động như từ lồng ngực lan ra bóng đêm căng thẳng nặng nề xung quanh. Sau cùng anh bảo:

"Thật ra anh không muốn nói với em về chuyện cha Cortes. Anh muốn nói với em về chuyện chúng mình...

Mà thật ra là anh sợ... Tại vì mỗi khi hy vọng lên cao bao nhiêu thì

đằng sau hy vọng, thất vọng sẽ nhiều thương tổn bấy nhiêu. Nhiều khi để sống an toàn, những người như anh phải tập nhịn yêu, nhịn hạnh phúc, nhịn hy vọng đi một chút... Lấy được em là một hạnh phúc quá lớn, nếu thất vọng cái đau sẽ quá lớn cho hai đứa mình... Chuyện anh với em, yêu nhau được bao nhiêu thì quý hóa bấy nhiêu... Còn cái trường cửu của hôn nhân, anh nghĩ..."

Cô nhỏm dậy. Trong ánh đèn đường từ cửa sổ chiếu vào, cặp lông mày anh cau lại như một vạch đen liên tục dưới trán. Bàng hoàng, cô nghe nước mắt chạy quanh. Rõ ràng là anh không muốn làm phép cưới với cô... Nhưng tại sao? Cô biết anh không chai sạn như Tâm, mổ xẻ hoàn cảnh thành những cái gì lấy được thì lấy, cái gì phải bỏ thì bỏ. Nhưng cách Lương nói lại giống Tâm, và sự giống nhau ấy làm cô nổi giận. Anh giải thích:

"Hoàng, đừng hiểu lầm anh. Anh chỉ muốn nói là anh sợ bản thân anh trở thành gánh nặng cho em. Em biết không, số anh là không được phép tính chuyện lâu dài..."

Với tay lên đầu giường vặn nút đèn trần, cô ngồi thẳng dậy:

"Em hiểu anh muốn nói gì rồi. Anh sợ anh sẽ chán em. Chán nhân tình thì dễ hơn chán vợ phải không?"

Anh tái mặt, lặng đi như người bị trúng thương... Rồi anh ngần ngại như có điều muốn nói, nhưng khó khăn không thể nói ra. Nhưng cô nghĩ cô mới là người bị thương tổn, thương anh với cả cuộc đời để san cùng bị anh rẻ rúng. Anh không muốn nói, thì để cô nói thay cho anh:

"Em biết giá đuổi được em đi bây giờ thì nhẹ gánh cho anh. Nhưng mà anh khỏi cần đuổi, em sẽ đi ngay tức thì. Em sẽ lấy chuyến bay đêm để về lại Hoa Thịnh Đốn với chị Quỳ."

Không để cho anh kịp trả lời, cô vùng dậy gọi điện thoại cho hãng máy bay giữ chỗ, rồi vào tủ áo làm va-li. Anh cũng nhào ra khỏi giường. Anh xin lỗi, anh năn nỉ.

"Em không muốn làm nhân tình của anh. Anh buông em ra..."

Anh nắm tay cô, và hơi ấm như lòng thành thật như từ tay anh truyền sang cô. Anh lại nói hôm trước cô nói về chuyện cơm chuyện gạo. Nhưng tình cô cho anh mới thật là cơm gạo của anh. Làm sao anh chán cơm chán gạo được. Nếu có gan, nếu có thể đổ cơm đổ gạo đi để cam phận chết đói, anh sẽ lấy hết can đảm để ngồi nhìn cô đi. Vì anh sẽ làm

cô khổ, anh đi để che chở cô khỏi cái khổ ấy. Cô sẽ giận anh nhất thời rồi sẽ hiểu anh. Nhưng mà anh không đủ vị tha để làm chuyện ấy... Và như quá khứ, tự ái, ngôn ngữ, hờn giận thật ra không có chỗ trong liên hệ giữa cô và anh. Anh kết luận:

"Anh đắn đo vì anh bệnh tật. Anh không biết anh sống được bao lâu..."

Đang còn giận mà cô cũng phải tức cười. Lương thật quá lắm, đem cả cái bệnh cái chết ra để dọa cô.

"Tật nguyền của anh có quan trọng gì. Nhắc làm gì chuyện ấy. Thật là giản dị thôi, bao giờ anh chết thì em chết theo, em nói thật đấy."

Rồi cô ra điều kiện:

"Nếu anh muốn em ở lại với anh thì anh phải hứa với em một điều."

"Anh sẵn sàng."

"Là anh không bao giờ được nói đến chuyện chết chóc để hành hạ em."

"Anh hứa."

*

Cuộc cãi vã như cơn mưa giông, ầm ĩ nhưng mau tạnh, để lại một thế giới mát mẻ trong sáng. Cuộc sống với Lương tiếp tục trong niềm vui rộn ràng sửa soạn cho hôn nhân sắp tới và đời sống mới đang chờ hai người dưới nam Mỹ.

Chẳng mấy chốc, cô học xong lớp sinh ngữ cấp tốc với cha Cortes, và anh hoàn tất việc bàn giao ở sở. Mọi sắm sửa cũng đã xong, và giấy phép để ra tòa thị chính làm hôn thú cũng đã sẵn sàng.

Buổi tối trước hôm đám cưới, cha Cortes đến ăn cơm tối. Vui câu chuyện, cha bàn rộng ra về những phép lạ của Chúa. Cha nói tới Lộ Đức, tới những người tật nguyền được ban ơn sủng, đang mù lòa bỗng thấy lại ánh sáng mặt trời, tới những người bại xuội bỗng vứt nạng chạy tới quỳ dưới chân tượng đức mẹ. Còn lòng tin là còn hy vọng, là còn cơ hội tìm được hạnh phúc. Chứng cớ nhãn tiền là Lương và cô, nếu không có lòng tin làm sao có sự xum họp hôm nay...

Dùng bánh tráng miệng xong, cha cáo từ để ra về. Lý do là cha phải ngủ sớm để sáng mai còn đi làm phép cưới của một cặp uyên ương. Cô nhìn theo cha với lòng biết ơn sâu xa, sung sướng nghĩ tới hạnh phúc

mỗi ngày mỗi sung mãn. Cô bỗng thấy tin tưởng ở tương lai, và cả phép lạ ở Lộ Đức cha Cortes nói cũng như ở trong tầm tay.

39. Khi Lương bảo cô, "Móng tay em sắc quá," cô nghĩ chẳng qua là Lương tưởng tượng. Cô không dám tin sự việc. Trong tối cô bắt Lương đoán xem cô chạm vào Lương với mấy ngón tay. Ba lần thử ba lần Lương đoán đúng, tuy phải suy nghĩ và định thần để nghe ngóng. Cô bật đèn, đưa tay lên đầu ngắt sợi mấy sợi tóc chắp lại thành cây bút lông nhỏ để quét nhẹ vào da thịt anh. Sự va chạm tế vi đó anh cũng bắt được. Phép lạ đã xảy đến, xúc giác được phục hồi nơi những vùng thân thể bấy lâu tê liệt của Lương. Cô quỳ xuống bên giường tạ ơn trời Phật.

"Mình phải ăn mừng," cô nói.

Cô ngạc nhiên khi thấy Lương ngượng ngùng hơn là sung sướng. Nhưng mà tính Lương vẫn hay thẹn thùng mỗi khi nhắc đến thân thể, ngay cả với cô cũng vậy... Cô lại nói:

"Em gọi bác sĩ của Lương nhé. Khuya thì khuya, phải cho anh ấy hay... Chỗ đồng nghiệp, anh ấy không phiền đâu..."

Lương dơ tay lên cản:

"Đừng em, anh ấy không có nhà đâu. Thứ hai vừa rồi, thư ký bảo anh ấy lấy ba tuần nghỉ hè. Sang tháng mới trở lại làm việc..."

"Ai coi phòng mạch cho anh ấy?"

"Một đồng nghiệp khác. Người mới không nắm vững được hồ sơ anh, không bàn được gì chính xác... Anh ta chỉ biết mừng cho mình thôi..."

Vậy là Lương biết xúc giác trở lại từ lâu rồi, từ tuần trước hay còn lâu hơn nữa... Hèn gì anh không ngạc nhiên, không bột phát vui mừng như cô. Cô trách:

"Chuyện tốt lành như vậy sao bây giờ mới cho em hay?"

"Tại chưa chắc, bệnh khi thuyên khi giảm. Anh sợ rồi không đâu vào đâu, chỉ làm em thất vọng."

"Anh coi em như người ngoài."

Cô òa khóc. Anh ôm cô dỗ dành. Úp mặt vào ngực anh, cô nghe nước mắt cô nóng hổi trên má cô ướt nhòe trên da thịt anh, hờn giận lẫn với yêu đương vui mừng. Cô nghe tim anh dập, và cô nghe anh nhẹ nhàng khoan thai dỗ dành khuyên nhủ cô. Anh nói với cô những điều

êm ả, về hạnh phúc hiện tại, về viễn ảnh tương lai tươi đẹp trong cảnh sống dưới nam bán cầu, về niềm hoan lạc của đời sống mới đang làm lại từ đầu... Cô nguôi ngoai dần. Rồi bất ngờ cô nghe đương tính trở lại nơi anh.

"Thật không anh? Em có lầm không?"

Không trả lời, anh vuốt nhẹ tóc cô. Ôm chặt lấy chồng sắp cưới, cô chìm ngập trong ân sủng cuộc sống đã đền bù lại cho hai người...

40. Tâm đi ăn cưới chị một cách miễn cưỡng. Hôm qua nó còn khuyên cô nên nghĩ lại. Nó viện dủ cớ. Làm gì mà lụp chụp đến thế, chưa đầy hai tháng trước thằng Thoại còn hành hung bố đến nỗi Lương phải đi bệnh viện. Một tháng trước vợ cũ của Lương còn gởi thơ xin tiền.

Khi những lý do chính đã cạn, Tâm nói mẹ cô và bác Lan đi Âu châu chưa về. Cả Hải nữa, hai vợ chồng đều đi làm, không bất thần nghỉ được để sang ăn cưới. Cô nửa đùa nửa thật bảo Tâm:

"Em thật khó tính, thế nào cũng không bằng lòng. Chị làm vợ theo dân luật em cũng phản đối, chị làm vợ có giá thú em cũng phản đối. Biết làm sao đây."

Chính Hoài đã thuyết phục Tâm. Mặc dầu vợ chồng đã ly thân và ly dị sắp hoàn tất, Hoài bao giờ cũng quý mến cô. Hơn nữa, Hoài đã có cảm tình nhiều với Lương sau khi gặp anh một vài lần, và tình sơ giao nẩy nở thành liên hệ gia đình thân thiết.

"Vậy mà mọi việc dâu cũng vào đấy," cô nghĩ thầm khi xe hoa dừng lại trước nhà thờ. Cô nhìn quanh, thấy chị Quỳ, thấy cha Cortes, thấy Hoài và Tâm, thấy bà thư ký già của Lương cùng với những đồng nghiệp khác trong sở. Một đám cưới thật nhỏ, chỉ mời toàn bạn thật thân, không bị ô nhiễm bởi những thị phi hay giả dối thường lệ của những đám cưới lớn mà khách khứa có nhiều người tới dự chỉ vì công việc hay xã giao.

Lúc lễ xong, cô thấy chị Quỳ mắt đỏ hoe và bà thư ký già của Lương cũng dơm dớm nước mắt. Một nữ đồng nghiệp của Lương bảo cô là những gì đẹp lắm cũng làm cho người ta khóc... Cô biết có xót thương cho hoàn cảnh tật nguyền của Lương, cho mối tình bấy lâu lỡ làng của hai người, bản chất những giọt nước mắt ấy là âu cầu chung vui và chân thành mừng cho cô và Lương được hạnh phúc...

*

Nhưng niềm vui của mọi người không làm Tâm thư giãn. Suốt buổi sáng, Tâm có cười cũng chỉ là cười cho phải phép. Tới tiệm ăn, Tâm chau mày khi Lương loay hoay xe lăn dụng vào chân ghế của một thực khách.

Tâm đảo mắt nhìn bàn tiệc khiêm tốn giữa những bàn ăn bình thường của tiệm. Biết chị bắt được cái nhăn mặt của mình, Tâm nói chữa, "Kể cũng gọn, đám cưới em ngày xưa lấy cả nhà hàng Đồng Khánh mà vẫn không đủ chỗ." Nhận xét của Tâm như gáo nước lạnh dội vào niềm vui của cô. Tuy cảnh giác trước, cô vẫn thấy đám cưới cô quá giản tiện, quá nhỏ. Kể cả vợ chồng Tâm, chủ khách tất cả chỉ chiếm một bàn dài trong góc nhà hàng cơm tấu. Cô thấy thương Lương và tủi thân cho chính mình. Cũng may là chị Quỳ qua kịp và cũng may đám bạn cùng sở của Lương phần đông có mặt, vừa để dự đám cưới, vừa để tiễn Lương nghỉ việc.

Không khí bàn tiệc chưa kịp ấm đã bị gián đoạn bởi tiếng nấc bất thần của Tâm. Trong khi mọi mắt đổ dồn lại, Tâm vùng đứng dậy nhìn chị và khóc thành tiếng:

"Chị ơi chị, hết người lấy rồi sao mà chị khổ thân đến thế này."

Hoài vội vã đứng dậy theo vợ. Ôm vai Tâm, anh dỗ vợ với một chút sẵng trong giọng:

"Em xúc động quá mà thành ra thất lễ với mọi người."

Hoài xin lỗi mọi người rồi dưa vợ rời khỏi bàn tiệc. Cô đứng dậy tiễn Hoài, và Lương cũng nhờm người quay xe lăn ra theo. Không chút oán giận, Lương hứa với Tâm, "Anh sẽ hết sức săn sóc chị Hoàng và không bao giờ để chị em phải khổ."

Trở lại bàn tiệc, Lương gắng cải thiện lại bầu không khí. Nhờ anh lịch lãm mà cũng may Tâm phê phán anh bằng tiếng Việt nên không ai hiểu. Mọi người nghĩ sự xúc động của Tâm tuy quá mạnh nhưng chắc cũng bình thường với phong tục Á Đông. Họ hồn nhiên chúc phúc cho cặp vợ chồng mới cưới. Phần đông vắn tắt, một vài người soạn sẵn một bài văn nhỏ. Nhưng dài hay ngắn đều chân thành, phản ảnh tình cảm tốt của họ dành cho Lương và cô.

Phút chốc niềm vui trở lại và mọi người như không còn nhớ cái vụng về của Tâm và cái ngượng ngùng của Hoài. Ông bác sĩ già góa vợ, trưởng khu bệnh truyền nhiễm, tuyên bố Lương là người đàn ông may

mấn nhất trên đời. Trong khi đồng bạn ngồi chờ già, chờ hưu, Lương được làm công việc đúng ý thích, được đoàn tụ với người yêu từ thuở thanh xuân. Ấy là chưa kể được đổi đi Ba Tây, cảnh sống mới, ngôn ngữ mới, văn hóa mới... Một người khác gốc Nam Mỹ, khi được biết nhiệm sở mới của Lương, bảo anh khung cảnh ở đấy hùng vĩ lắm. Cà phê mấy đồn điền gần đấy ngon lắm, và không xa trong rừng già có nhiều di tích kiến trúc từ thời vàng son của dân da đỏ.

Tan tiệc, mọi người lâng lâng như lây cái vui cái hạnh phúc của cặp vợ chồng mới cưới. Lúc tạ từ các bạn ở bãi đậu, cô nhìn từng cặp lên xe ra về, tưởng tượng như họ âu yếm nhau hơn, và đám cưới đơn sơ của cô với Lương làm yêu thương vợ chồng nơi họ có vì tháng năm hao mòn cũng ấm lại tối nay. Cả ông bác sĩ già góa vợ cũng hồ hởi như đám cưới của chính mình. Quá chén, ông phải nhờ chị Quỳ chở về nhà. Mặc dầu cô ái ngại chị ở xa tới không biết đường, chị Quỳ tự tin vui vẻ nhận lời.

*

Trên đường về nhà, cô hạ kính cho gió đêm thổi vào xe. Cô nghe mùi hoa cam và trăng thượng tuần cao vời vợi, tròn xoe như chiếc bánh. Bánh cưới của cô, cô nghĩ. Cao hứng, cô thấy tình yêu làm đời sống đẹp hơn, không những đời sống của cô với Lương, mà đời sống của tất cả đám bạn. Cái huyền diệu của tiệc cưới đã lây sang mọi người và đêm nay những người đàn bà sẽ được chồng chiều như những cô dâu mới.

Cô chạnh buồn khi nghĩ chỉ có Tâm và Hoài là khốn khổ. Nhất là Tâm. Hai vợ chồng đi xe riêng tới, và sau cái ân cần với vợ trước mặt mọi người, Hoài đã để Tâm lái xe một mình trở về căn nhà vắng lạnh.

Nhưng cô biết Tâm sẽ không một mình tối nay, và có lẽ giờ này đã gọi bạn trai tới. Tâm sẽ gọi ai nhỉ, cô tò mò tự hỏi. Hồi cô mới sang Cali lại, Tâm đang học Karaoke với một người nhạc sĩ già. Nhưng đó là chuyện cũ người cũ. Gần đây Tâm xoay qua tennis, và cô nhớ tới anh chàng huấn luyện viên cô gặp một hai lần khi anh ta tới đón Tâm ra hội quán. Anh ta cao ráo, nước da rám nắng đỏ như đồng mắt cua, thân hình gân chắc không một lạng mỡ thừa. Và đặc biệt là nụ cười gần như thường xuyên trên mặt anh ta luôn luôn khoe hàm răng trắng ởn.

Cô rùng mình nghĩ đến cái nhìn luôn luôn đi kèm cái cười ấy. Cái nhìn quá sỗ lá cho tuổi tác chưa đầy ba mươi của anh ta, cái nhìn lột quần lột áo đàn bà, cái nhìn như xâm phạm đến tiết hạnh, tựa hồ anh ta

chỉ thấy ở phụ nữ những yếu đuối hay khát thèm thể xác. Và với cái nhìn như vậy, anh ta nhìn Tâm, nhìn cô, những người nếu không đáng tuổi mẹ thì cũng đáng tuổi dì.

"Nào có khác gì thú vật," cô nhẩm lại lời Tâm mắng cô tuần trước... Xót xa cho em, cô thấy ân hận, như chính cô chứ không phải Tâm đã nghĩ ra câu mắng độc ác ấy...

41. Hoàng sửa soạn đi ngủ. Còn một mình với chồng, cô chợt thấy bứt rứt. Cô rán tìm một chuyện gì vui để nghĩ. Cô nhớ câu nói lỡ lời của ông bác sĩ già bạn Lương là tình yêu của Lương và cô là tình yêu đẹp nhất vì không còn lụy đến hình hài. Cô mỉm cười nghĩ ông đã lầm lớn, đời sống vợ chồng của cô không thiếu thốn một thứ gì.

Nhưng cô vẫn không thoải mái. Cô gắng nhớ lại để thấy chung chung mọi việc hôm nay an lành, và ngay cả cơn khóc của Tâm ở bàn tiệc cũng không thể làm cô bất an thế này...

Cô nghĩ đến đêm qua... Nhất định là chuyện gì đã xảy ra đêm qua, mà dư âm đến giờ vẫn còn ám ảnh cô... Chuyện gì nhỉ, cô tự hỏi. Cô chỉ nhớ đêm qua lần đầu tiên đương tính trở lại với Lương, và lúc hai người buông nhau ra thì cơn mưa lớn ào ào đổ xuống và trời đất tối đen như mực...

Một chiếc xe quay đầu ngoài dường, đèn pha hắt bóng cây lá ngoài vườn lên bức tường đối diện với cửa sổ. Hình chiếc lá phong năm cánh in rành mạch trên tường vôi như một chiếc chìa khóa vô lý mở cửa trí nhớ và làm cô thấy lại tất cả. Đêm qua vừa khi cô mê mệt thiếp đi, một ánh đèn pha ô tô tương tự đã chiếu sáng căn phòng và trong một giây ngắn ngủi làm cô thấy nét mặt nhăn nhó của Lương. Phải rồi chính cái mặt nhăn nhó ấy đã ám ảnh cô... Cô nhớ anh không than một tiếng, nhưng rõ ràng là đau đớn mà anh cắn răng giấu cô... Tự trách mình vô tâm, ân hận cô hỏi:

"Đêm qua..."

"Anh biết thế nào em cũng hỏi anh câu này... Lúc đèn pha xe hơi chiếu vào phòng phải không?"

"Đúng. Anh đau ở đâu, anh đau nhiều không?"

"Hơi hơi thôi, vẫn chỗ bụng dưới... Ở những vùng xúc giác đang trở lại..."

Lương bảo xúc giác mới trở lại thường chưa được thuần thục và đã

trở lại quá trớn. Cảm giác nào đẩy đến chỗ tột cùng cũng trở thành đau. Anh lại giảng cho cô là khi cố tật thuyên giảm, cái đau là triệu chứng đáng mừng, là dấu hiệu những sợi thần kinh trước kia bị bệnh tật làm cho te tướt đang mọc dần lại. Phục hồi có cái giá phải trả. Những vết thương muốn lành phải đau trước dã, dù cái đau ấy chỉ tạm một thời gian. Như bàn về cái đau của người khác, anh cho thí dụ chung chung:

"Em ạ, những người bị lạc trong băng giá được cứu rỗi, những ngón tay ngón chân chết lạnh khi được sưởi ấm, nếu sống lại tất phải trải qua cái đau ấy. Và những nạn nhân ấy vui mừng khi nghe đớn đau..."

Lương lạc quan và tự tín quá làm cô yên lòng. Khi anh đổi đề tài, chuyện đau không còn ám ảnh cô. Anh nói đến căn nhà gỗ của hai người giữa rừng già Nam Mỹ, đến con sông Amazone hùng vĩ, đến những giáo đường cổ kính những người lính Bồ xây dựng cả mấy thế kỷ trước giữa hoang vu để thờ phượng Chúa. Anh bảo anh sẽ trồng cho cô một vườn hồng phía trước căn nhà gỗ ấy. Lời hứa cố tình cải lương của anh làm cô tức cười. Cô nghe lòng cô như mềm lại, và cô nghĩ dù đùa dù thật, dù cải lương hay thô bạo, dù lạc quan dù bi quan, không ngôn ngữ nào có thể làm thay đổi tình anh với cô.

"Thế là nói xong chuyện đau chuyện đau chuyện bệnh," Lương vui vẻ ôm cô vào lòng. Không cho cô có dịp trở lại lo lắng cũ, anh hôn cô, vuốt ve cô. Anh dưa cô theo anh tới những đỉnh hoan lạc chưa bao giờ cô tưởng có thể có trên đời. Và buông thả trong cơn lốc ấy, chơi vơi trên những đỉnh cao của cảm quan, cô bắt được những tri giác cô chưa hề bắt được trong quá khứ, trong đời con gái trướng rũ màn che, trong lúc tỉnh hay trong cơn hôn mê năm xưa sau tai nạn xe hơi, trong nghề y, trong thiền viện, và biết đâu trong cả kiếp trước.

Nhưng khi cơn lốc của yêu thương qua đi, cô nhớ lại cái nhăn mặt của Lương thoáng thấy đêm qua. Bật ngọn đèn nhỏ đầu giường, cô nằm canh Lương. Cô không phải canh lâu. Năm phút sau Lương bắt đầu thấy đau. Vẫn cái đau cũ, chỗ cũ. Mới đầu, gượng cười không chịu uống thuốc chống đau, Lương bảo muốn hưởng cái đau, vì dã lâu lắm anh đánh mất cảm giác của vùng cơ thể ấy. Anh nói:

"Em ạ, anh khám phá ra cái đau cũng cần thiết cho cuộc sống... Hạnh phúc hay hoan lạc phải đối chiếu với cái đau cái khổ mới có ý

nghĩa. Nếu không có cái đau cái khổ, lấy gì để làm chuẩn mà quý trọng cái hoan lạc cái hạnh phúc..."

Cô xót xa thấy Lương vất vả chứng minh cho cô là đau đớn là điều đáng mừng. Những hình ảnh anh gợi lên cho cô, lạc quan đấy mà sao phải lẫn lộn với tàn khốc. Cô gắng hình dung tâm trạng anh, rán ước lượng cái đau của anh như thế nào để đưa anh tới suy tư ấy...

Cái đau tăng dần, phút chốc đạt tới một cao độ bất ngờ. Trong kinh nghiệm già nửa đời của người y tá cô chưa thấy ai đau như thế. Khi cơn đau lên đến tột đỉnh, anh lăn lộn trên giường, chiếc gối quấn nhỏ lại nhét dưới bụng cũng không đem lại bao nhiêu thuyên giảm. Cái đau như ma làm. Mỗi khi cơn đau tới, anh tưởng như cả phần dưới thắt lưng, cả những vùng mà xúc giác chưa trở về... Những vùng anh đau, cô sờ anh không biết, và nửa hình hài đau đớn không ăn nhằm với nửa hình hài bại xuội của anh... Tựa hồ như hệ thần kinh từ tủy sống bệnh tật tạo ra một nửa cơ thể không tưởng với cái mình ma cùng hai cặp chân ma để có chỗ đặt cái đau chẻ xương lóc thịt xuống mà hành hạ anh... Cô có linh tính là Lương giấu cô sự thật, là cái đau không phải là điều đáng vui mừng, không phải là điềm báo hiệu anh sắp lành bệnh...

Bây giờ thì anh chịu uống thuốc. Bây giờ thì không còn gì để đóng kịch nữa, anh nói thật với vợ:

"Em ạ, nói rộng ra, anh nghĩ cái chết cũng cần cho cái sống... Không có chết, mấy ai hiểu được sống là gì. Sống như vậy kể như là không sống..."

Câu chuyện nặng nề quá, anh phải đau lắm khổ lắm mới tự an ủi bằng những hình ảnh như vậy. Nhưng đã bắt đầu, anh như không thể dừng lại giữa chừng. Anh như phải nói hết những gì ám ảnh anh. Anh thú nhận cái đau đã hành hạ anh từ lâu nhưng chưa bao giờ phũ phàng như đêm nay. Nhưng anh không tiếc, và anh nghĩ cái đau dậy cho anh nhiều điều mà đến bây giờ anh mới hiểu. Cô bảo:

"Chuyện anh nói khó khăn như kinh sách trong thiền viện, em không muốn nghe đâu... Anh kể chuyện vui cho em đi."

Anh bảo anh có chuyện kể, nhưng không phải chuyện vui. Cô bảo thật ra chuyện gì của anh cô cũng thích nghe. Chuyện buồn thì cô sẽ buồn với anh, anh cứ kể.

"Ngày xửa ngày xưa", anh mở đầu câu chuyện. Và anh kể ngày

xưa có người tráng sĩ đem quân lên núi dẹp giặc. Chẳng may bại trận, hàng ngũ tan tác, đồng đội phần đông đã gục, tráng sĩ một mình thoát thân, trốn được vào trong rừng. Nhiều ngày đói khát mệt nhọc, anh vẫn không tìm được lối về khu an toàn.

Anh theo sát một con suối, tin tưởng suối con sẽ dẫn tới suối lớn, suối lớn sẽ dẫn tới sông, sau cùng sẽ đưa anh về lại đồng bằng. Ngày nghỉ đêm đi, anh cứ đi như thế, quần áo rách rưới, đôi giầy tả tơi, đôi chân nhức nhối vì gai đá... Anh cứ đi như thế nhiều ngày mà vẫn chưa ra khỏi rừng, trên đầu vẫn rợp bóng cây cổ thụ, bên cạnh vẫn là con suối róc rách chẩy... Đói mệt hành hạ dầy vò anh, đỉa rừng muỗi rừng hút máu anh... Anh cắn răng chịu đau chịu khổ, cho đến một hôm cả thể xác lẫn tinh thần kiệt quệ đến chỗ anh không còn thấy đau thấy khổ nữa. Chỉ còn bản năng bắt anh tiếp tục đi... Anh đi cả ban ngày, lết từng bước nặng nề... Anh đi mà không thấy nắng chiếu qua tàn lá, không nghe tiếng suối chẩy, tiếng chim hót, không cảm thấy mặt trời rát bỏng ban trưa hay ngọn gió mát mẻ khi ngày sắp tàn... Vô tri vô giác, anh đi như một hình nộm biết đi, như hạt nước suối đi chuyển về biển cả...

Ngang qua một quãng rừng thưa, người lính bại trận bị một toán kỵ binh tuần tiễu của giặc phát hiện. Chúng phi ngựa tới vây kín lấy anh... Một tên ghìm cương tiến lại... Tự tín và khinh địch, cây gươm chĩa vào anh, tên giặc để lộ một khoảng ngực trống. Cái võ công nhuần nhuyễn của anh tự nó thấy nhược điểm của đối phương, và cũng cái võ công nhuần nhuyễn ấy ném đao găm vào ngực kẻ thù. Nhưng sức anh quá yếu, cây đao tuy trúng đích vẫn không xuyên nổi lớp áo ngoài của giặc.

Tên giặc nhấm vai anh chém mạnh xuống. Tay không bắt lấy lưỡi gươm... Anh nghe tiếng thép chạm xương khô khốc. Anh nghe đau nhói nơi bàn tay tưởng đã chết đã lâu. Cái đau như một dòng điện chuyển lên cánh tay, lên vai, lên cổ, lên tim, lên tận não thùy, để đánh thức dậy đời sống nơi anh... Trong một giây anh sống lại, thấy vòm trời xanh thật cao thật trong, thấy con suối bạc róc rách, thấy cỏ dại ven bờ đầy hoa, thấy tiếng chim hót líu lo trong tàn lá... Một giây mà lâu như một đời, anh thấy tất cả những kỷ niệm êm ả của quá khứ trở về... Anh thấy nụ cười hiếm hoi trên gương mặt nghiêm nghị của cha khi anh trúng tuyển kỳ thi võ và được đức vua thưởng cây gươm báu...

Tên giặc xoay lưỡi kiếm, bàn tay nhiều ngón đứt gần lìa vẫn còn nắm chặt võ khí của giặc, và máu đỏ chẩy xuống thép xanh như một

nhị nguyên vừa thô bạo vừa huyền bí vừa dẹp thấm thía... Máu đỏ tươi chảy xuống cổ tay anh, và anh nhớ đến những người đàn bà yêu quý nhất trên đời anh... Anh thấy vết máu kín đáo của trinh tiết trên tấm thân ngà ngọc của vợ đêm tân hôn khi tình yêu phu thê vừa bóc đi cái kiêu sa thẹn thùng cuối cùng của tiểu thư khuê các... Anh thấy vũng máu xối xả của tình mẫu tử trên giường sanh và anh thấy nụ cười thiên thần trên mặt mẹ anh khi bà vừa sanh anh xong và được cô mụ bảo con trai bà khôi ngô kháu khỉnh...

Tên giặc đã gỡ được lưỡi kiếm khỏi bàn tay anh, và những ngón tay anh rơi xuống đất... Bây giờ thì hắn nhắm cổ anh... Anh bỗng thấy cảnh vật chao đảo, trời đất cây cối, người ngựa núi rừng lộn tung như một mớ đồ chơi bị hất xuống đất... nhưng dù chao đảo cuộc sống vẫn rõ nét, vẫn đẹp, và trong khung cảnh ấy, anh thấy anh tách rời khỏi anh, tấm thân cụt đầu của anh nằm xấp trên cỏ... Anh thấy tên giặc cúi xuống nhìn anh... Rồi anh không thấy nó nữa, tầm mắt anh xuyên qua nó, quá nó, để thấy tít tận trời xa một con diều dang lượn, cánh giang thẳng, thăm thẳm trên nền thiên thanh vô cùng vô tận...

*

Lương ngưng kể chuyện. Nước mắt dầm đìa, cô hỏi anh:

"Bệnh nặng lắm phải không anh?"

Anh khẽ gật đầu.

"Hết cách chữa rồi phải không anh?"

Anh lại khẽ gật đầu.

"Nhưng tại sao mọi chuyện lại như tốt hơn?"

Anh dìu cô nằm lại xuống giường. Từ tốn như với một đồng nghiệp ít kinh nghiệm hơn mình, anh cắt nghĩa những biến chuyển tưởng như vô lý của bệnh. Cô không hiểu mà không muốn hiểu những chân lý y khoa phức tạp ấy. Cô chỉ hiểu một điều là bệnh anh đã đến thời kỳ chót. Cô xót xa ôm lấy chồng.

"Nhưng làm sao lại giấu em?" cô khẽ hỏi.

"Tại đã hứa với em là không nói đến cái chết."

Cô ân hận nhớ lại hôm cô giận toan bỏ về lại Hoa Thịnh Đốn. Hôm ấy anh nói với cô về cái chết của anh đã gần kề mà cô không để tâm. Hèn gì Lương không muốn làm đám cưới với cô. Tang tóc như những làn sóng vỡ bờ lay động thân xác, cô nằm ôm Lương khóc. Rồi cô quyết

định. Cô sẽ không để Lương nhận đi Ba Tây nữa. Ngày mai cô sẽ nói sự thật với cha Cortes, sẽ trả lại việc cho tòa giám mục. Và cô biết Lương sẽ chiều cô và anh cũng sẽ trả lại việc của anh.

Cô và Lương sẽ ở với nhau tại căn nhà này, và sẽ sống với nhau qua thời kỳ chót của bệnh tật. Bao nhiêu lâu nữa? Một năm, nửa năm, vài tháng? Nhưng ngắn ngủi vẫn còn hơn không.

Cô ao ước giá cô còn trẻ, để có thể có một đứa con với Lương. Chưa bao giờ cô thấy thời gian khắc nghiệt thế này. Lòng cô tan nát, cái chết của Lương gần quá, và chẳng bao lâu nữa cô sẽ vĩnh biệt Lương...

42. "Em thú thật với Hoàng, em vẫn không thể hiểu được..."

Giọng Tâm cao quá, như phá vỡ cái yên tĩnh trong lòng cô. Cô đưa ngón tay lên miệng làm dấu nhắc Tâm yên lặng. Tâm nhìn về phía buồng ngủ, xuống thấp giọng:

"Em biết, em sẽ không làm ồn đánh thức anh ấy dậy đâu. Nhưng mà em vẫn không hiểu tại sao..."

Cô không trả lời, lặng ngồi nhìn tách trà đã nguội. Cô nghĩ Tâm không thể nào Tâm hiểu được liên hệ của cô với Lương. Cô đã cắt nghĩa cho em từ nãy đến giờ, và có cắt nghĩa thêm cũng vô ích. Sau cùng Tâm nói:

"Thôi em về. Em mừng là chị em mình sau cùng hết giận nhau... Sáng mai em tới sớm..."

"Thế nào cũng tới nhé, ngày mai chị có việc phải nhờ em..."

Tiễn Tâm ra cửa xong, cô trở lại buồng ngủ. Cô ngắm Lương nằm ngay ngắn trên giường. Lúc gần sáng, cô đã thay chăn, ra giường, đã mặc quần áo mới, đã chải đầu, đã thắt cà vạt cho Lương. Cô cầm tay anh, cảm thấy bàn tay anh đã cứng. Cô cúi xuống hôn anh, nghe nơi môi cái lạnh toát ra từ vừng trán gỗ quen thuộc. Cô ngắm một giây vẻ mặt bình thản của chồng rồi trở ra bàn giấy ngồi viết thơ cho Tâm:

"Tâm thân yêu của chị:

Chị sẽ vĩnh viễn không gặp em nữa. Câu hỏi cuối cùng của em, chị đã gắng hết sức trả lời em mà em vẫn không hiểu. Chị đã bảo em là tình yêu không có lý giải, rằng con tim có những lý do mà lý trí không hiểu được... Có lẽ những lý lẽ viện ra tuy đúng nhưng đã trở thành khuôn sáo, không còn khả năng cắt nghĩa gì cho ai nữa...

Nhưng chị vẫn muốn em hiểu hạnh phúc của chị với Lương, vì chị

mong em cũng tìm được hạnh phúc cho chính em. Tâm ạ, chị nghĩ nó như thế này... Chị nghĩ với mỗi người thân, người ta dựng lên một thế giới riêng bằng những kỷ niệm vui buồn, bằng những liên hệ đã xây đắp trong quá khứ. Nhưng quan trọng nhất vẫn là cách hai người trong liên hệ ấy nhìn nhau.

Cái thế giới chị chung với mẹ là một cái thế giới nặng nề. Nó bao gồm những chống đối, những thất vọng, những chê trách, và cái mầu u tối tích lũy phủ lên cả mọi chuyện... Không có hài hòa, không có êm dịu ở đây. Chị lúc nào cũng phải phấn đấu để khỏi bị mẹ biến chị thành mẫu người mẹ muốn... Chị đã phấn đấu và đã thành công, nhưng mẹ cũng không chịu thua... Mẹ đã bóp méo cái thế giới chị chia sẻ với mẹ, và trong cái thế giới ấy chị là đứa con gái dại trai mất nết, rắn mày rắn mặt. Là người dàn bà khờ dại, dám từ bỏ cơ hội ngàn vàng khi hoàng tử Bảo ngỏ lời cầu hôn, để tiếp tục dem thân cho Lương lợi dụng.

Chị thương mẹ nhiều lắm, nhưng chị không sống được trong bầu không khí ngột ngạt ấy... Thật vậy, chỉ cần một phút bên mẹ, chỉ cần vài câu trao đổi với mẹ là cái thế giới căng thẳng và đối kháng ấy hiện ra nhuộm đen cả cuộc sống...

À, để chị nói về cái thế giới Bảo tạo ra cho anh ta, cái thế giới mà anh ta muốn rủ chị vào. Bảo là người tật nguyền. Em đừng ngạc nhiên, chị không nói Bảo tật nguyền vì thiếu chân thiếu tay hay bại xuội như Lương... Cái tàn tật của Bảo bội phần nặng nề hơn. Bảo thiếu nhiều lắm. Thiếu hẳn cái cảm quan để bắt được rất nhiều diện của đời sống, để hiểu được gần được nhiều người, tốt cũng như xấu. Mới trông, ai cũng tưởng Bảo thành công, đạt được sự nghiệp quan trọng, nhà to cửa rộng, phẩm hàm này nọ... Và Bảo ước mơ có một người vợ đẹp, biết làm bà chủ nhà lịch thiệp, biết cắm những bình hoa sang trọng, biết đãi khách bằng những bữa tiệc mọi người phải trầm trồ... Không có gì xấu xa những chuyện Bảo thích, và chị cũng thích đóng vai một người vợ như vậy, nếu Bảo không phải là Bảo...

Nhưng Bảo là Bảo nên cái thế giới của Bảo nó chỉ có hình tướng mà không có thực chất, hơn nữa nó không có linh hồn... Mọi thứ trong cái thế giới ấy như đồ giả bằng nhựa, kể cả Bảo, kể cả chị nếu chị nhận lời làm vợ anh ta. Chị sẽ bị biến thành người đàn bà theo mơ ước của Bảo, sẽ sống một đời tàn tật. Bảo sống như hình nộm, lấy Bảo chị cũng thành

một hình nộm như anh ta... Nhưng chị còn khổ cực hơn Bảo bội phần vì chị không thể như Bảo, tàn tật mà không biết mình tàn tật...

Lấy Bảo, ngày xưa cũng như bây giờ, với chị chẳng khác gì lấy một thây ma. Chị nhất định không lấy thây ma làm chồng, dù một thây ma bảnh bao có chức phận có sự nghiệp....

Còn với Lương, chị có tất cả. Lương tạo ra cho chị một thế giới tốt lành xinh đẹp. Em biết không, chỉ cần gặp nhau, chỉ cần một cái nhìn, một nụ cười, một câu chuyện, chỉ cần nghe chung với nhau một bản nhạc, chỉ cần rót cho nhau tách cà phê trên bàn điểm tâm, chỉ cần một cái nhỏ nhặt vậy thôi là khoảnh khắc cái thế giới thần tiên của Lương và chị hiện ra, trong đó mọi chuyện được vinh hiển, chị được vinh hiển, Lương được vinh hiển, cuộc sống thật và đúng được vinh hiển.

Chắc em sẽ hỏi về những cái xấu trong thiên đường của vợ chồng chị. Chị biết em sẽ nhắc chị những cái xấu không chối cãi được của Lương, như hồi ở nhà mình, anh đã khoét vách nhà tắm để ngắm trộm chị... như chuyện Lương lem nhem với con ở... như tin dồn này tin đồn nọ về anh...

Những cái xấu đó không phiền hà chị. Chúng trở thành thân mật như những vết sẹo trên ngay thân thể chị, và chị hoàn toàn thoải mái với chúng... Chị chấp nhận những cái xấu ấy, vì con người có ai toàn hảo... Chị chỉ sợ những cái xấu của tâm địa ác độc muốn làm thương tổn đến người khác, muốn bôi nhọ cuộc sống... Những cái xấu ấy chị khẳng định là Lương không có...

Chị biết em sẽ cãi chị đó chỉ là chuyện chấp nhận cái xấu, mà chấp nhận khác vinh hiển. Em sẽ cãi là làm sao mà vinh hiển cái xấu được?

Được chứ em... Trong thế giới với Lương, nhiều cái gọi là xấu của chị đã được vinh hiển. Vì nhiều khi xấu tốt là theo cái nhìn... Mà không được ân sủng như Lương và chị, cái đẹp cái tốt trước mắt mà nhiều người chỉ thấy dung tục xấu xí...

Nhiều chuyện chị làm rất xấu dưới mắt mẹ, mà phần nào dưới cả mắt em... chẳng hạn như chính chị đã khai mào liên hệ của chị với Lương, cho Lương ngắm chị khỏa thân ở bờ suối hôm đã lâu khi chúng mình về chơi Hố Bò lần đầu tiên, khi anh chưa dám mơ ước một ân huệ như vậy... Nếu biết chuyện ấy, mẹ tất đã mắng chị là chai lì sấn sổ không biết hổ thẹn. Lần bắt được chị trao thân cho Lương ở phòng nội trú, mẹ đã cho là chị làm điếm nhục gia đình... Em thương chị, không khe khắt với chị như mẹ,

nhưng chị biết em vẫn cho chị là dại trai và quá dễ dãi với Lương... Thật ra em cũng có lần nặng nề phê phán chị... 'Như vậy thì khác gì thú vật', chị còn nhớ lời em buột miệng khi biết tình chị với Lương không phải là mối tình chay, và đam mê nam nữ với Lương chị phải xây dựng xung quanh những giới hạn tật nguyền của thân xác chồng...

Vậy mà trong cái thế giới của Lương với chị, những chuyện mà em và mẹ mắng oan chị là 'chai lì', là 'điếm nhục', là 'thú vật' ấy lại hiện nguyên hình để đẹp như hoa như gấm, chỉ nhớ lại cũng làm chị thấy tươi mát êm dịu trong lòng. Chúng là những bảo vật chung của hai vợ chồng chị... Chúng chính là tin yêu, khi hai chữ tin yêu chưa trở thành sáo ngữ. Chúng là rường cột cho cuộc sống của chị với Lương.

Không phải vì vị tha mà chị ở với Lương. Yêu Lương không phải là hy sinh, và yêu Lương chị khám phá ra mình là một người đàn bà xinh đẹp biết yêu biết sống và được cuốc sống dãi ngộ ê hề...

Em yêu, chị viết mỏi tay rồi, không phải để khoe với em hạnh phúc của chị... Chị viết để gợi ý với em về một con đường đi tìm hạnh phúc cho em...

Em không có hạnh phúc. Lần chót viết thư cho em, chị phải trung thực. Chị rất xót xa vì thấy em khổ quá. Tâm em tốt, và nếu cuộc sống chỉ dành cho em những chai sạn hay thô bạo thì quá bất công.

Em ạ, chị nghĩ em chưa có một thế giới riêng trong đó em thật là em, trong đó con người trung thực của em không cần tự vệ mà vẫn được thương yêu. Chỉ trong một thế giới như vậy cuộc sống mới ra cuộc sống.

Hạnh phúc là có một người đàn ông chung sức với mình để tạo một thế giới như vậy. Chị không thấy những người đàn ông đang ở quanh em có khả năng giúp em chuyện ấy... Từ ông thầy dàn dậy em Karaoke cho đến anh chàng huấn luyện viên quần vợt của em... Tất nhiên là chị chưa gặp hết bạn trai của em, nhưng chị vẫn tin rằng chị đoán đúng, vì chị không thấy nơi em cái hoan lạc của những người đã tìm được cái thế giới riêng tư lý tưởng cho mình...

Có thể lỗi không hẳn ở người ta mà ở chính em... Có thể vấn đề là ở cách em nhìn họ đã tước đoạt khỏi họ khả năng làm đàn ông để cùng người đàn bà tạo ra một thế giới riêng tư xứng đáng. Và em đã tự em khước từ hạnh phúc của chính em...

Nếu vấn đề quả là như vậy thì em phải thay đổi, vì không ai được tự khước từ hạnh phúc của chính mình...

Chị sắp dừng bút và vĩnh biệt em. Chị đã thu xếp mọi chuyện của chị và của Lương trong chúc thư, em cứ theo vậy mà làm cho chị... Chị đã gởi điện tín cho chị Quỳ, và khi em đọc hàng chữ này, chắc chị ấy đã có mặt ở đây...

Cha Cortes cũng sẽ tới, em tiếp cha giùm chị... Cha biết Lương mất vì bệnh. Còn về chị, em cứ nói thật là chị tự chọn cách ra đi khỏi cõi đời... Chị ngoại đạo với cha, và chị biết cha sẽ không buồn việc chị làm... Cũng như chị Quỳ, cha là một trong những bạn thân của vợ chồng chị, một trong những người hiếm hoi thấy được vào được cái thế giới riêng tư của chị và Lương..."

Cô ký tên, dể bì và đặt lá thư trên bàn. Xong suôi, cô ra bàn phấn trang điểm. Cô mở tủ soạn đống thuốc chống đau của Lương dồn lại thành một bát nhỏ. Cô rót một ly nước cam uống tất cả số thuốc còn lại rồi lên giường nằm bên Lương.

Giấc ngủ chóng đến, và lát sau cô thấy cùng Lương đang trồng hoa trong vườn trước căn nhà gỗ của chẩn y viện dưới Ba Tây. Lương đã hoàn toàn hồi phục. Anh đã đào xong mấy lỗ thật sâu, đã đổ đầy phân bón và bắt đầu giúp cô hạ mấy bụi hoa hồng xuống...

43. Đọc xong lá thư của Hoàng, Tâm cúi đầu suy nghĩ. Tâm hiểu nghĩa đen của những hàng chữ nắn nót mà không thực sự hiểu chị muốn nói gì. Tâm chỉ nghe tự ái bị chạm khi thấy chị nghĩ Tâm là người đàn bà khổ sở. Hoài hay đàn ông nói chung không quan trọng cho đời sống đến như vậy.

Tâm cau mày gắng hình dung cái thế giới tốt đẹp Hoàng nói tới trong thơ, cái thế giới Tâm cần có mà chưa có được. Tâm điểm trong đầu những người có diễm phúc được chị chia sẻ cái thế giới riêng tư đẹp đẽ ấy. Nơi chị Quỳ, Tâm chỉ thấy một người đàn bà gốc gác tầm thường, tóm lại vẫn là cô thư ký ngày xưa hay tới nhà chép văn thơ cho bố. Cha Cortes chỉ là một linh mục như trăm ngàn linh mục khác, tầm thường với những phương tiện tầm thường của một người không có chức phận đặc biệt trong giáo hội. Cha không có cái duyên do quyền hành đem lại cho những linh mục thường tới thăm ông Thuần dưới thời đệ nhất cộng hòa ngày xưa. Câu chuyện của cha, Tâm được nghe một hôm gần

đây tại nhà chị, cũng không phản ảnh một tâm hồn đặc biệt sâu sắc gì. Trong giới hạn những cái gì được phép làm, cha khai thác cuộc sống bằng cách thưởng lãm chuyện ẩm thực một cách cầu kỳ và tự mê hoặc bằng những diện trừu tượng hay tâm hồn của cuộc sống... Còn Lương, cái cột trụ của thế giới của chị, Tâm cùng lắm chỉ thấy nể... Cái mà Hoàng có lần nửa đùa nửa thật gọi là *centerpiece* của đời chị, Tâm chỉ thấy một dáng mạo thô thiển còn quá nặng vết tích nông dân...

Những con người của miền đất hứa của chị tầm thường quá. Chỉ có một điều không tầm thường là cái rạng rỡ trên mặt chị Hoàng và Lương khi họ nhìn nhau. Đúng, họ thấy những cái mà Tâm không thấy được...

*

Nhưng chết là hết, Tâm kết luận. Tâm nhìn bình tro của vợ chồng chị đặt ngay ngắn trên bàn giấy. Tết này Tâm sẽ về Việt Nam mang tro trải xuống con suối Hố Bò như lời trối trăn của người quá cố. Tâm cũng sẽ mang tài sản của anh chị về xây chẩn y viện cũng như trùng tu giáo đường cho họ đạo.

Nhưng chuyện ấy là chuyện mấy tháng nữa mới cần lo. Tâm nghĩ đến những việc lặt vặt phải giải quyết ngay trước mắt. Dược phòng đã có nhân viên coi và ngày mai ghé lại cũng được. Chuyện quan trọng nhất là chiếc xe BMW bỏ mui mà Mark đòi từ mấy tuần nay. Chiều nay, thế nào anh chàng cũng sẽ nhắc lại thỉnh cầu ấy. Tâm biết liên hệ với anh chàng huấn luyện viên quần vợt đã chuyển sang giai đoạn mới. Đã đến lúc dịch vụ của y không hẳn chỉ là những bài dậy trên sân, và cái thú vui bầu bạn y đem lại cho Tâm cũng cần phải được đền bù... Tất nhiên là Tâm không để cho ai thiệt, nhưng Tâm biết sự đền bù trong đầu Mark bây giờ trở thành nghiêm túc hơn là chi phí ăn uống hay khách sạn, hay những món quà quý giá như cái ví da cá sấu hay cái kính mát Rayban hay cái bật lửa Dupont, tuy đắt tiền nhưng vẫn còn là quá tượng trưng...

Tâm thoáng nghĩ đến những kinh nghiệm quá khứ với đàn ông, đến tương lai của liên hệ hiện tại với Mark. Tâm không biết còn thích anh chàng huấn luyện viên quần vợt này bao lâu nữa. Lần trước với ông thầy đàn dậy Karaoke, khi ước mơ của ông trở thành cây dương cầm để đàn dệm cho Tâm hát, thì chán chường đã len lén đi vào liên hệ của

Tâm với ông ta. Tâm tặng ông cây dàn bóng bẩy như để trả món nợ vì những dịch vụ đã tích lũy, rồi sơ dần, và sau cùng bỏ hát...

Nhưng hiện tại Tâm chưa có ý định thay đổi. Mark làm phận sự của Mark chu đáo, và Tâm chưa có người đàn ông nào sẵn sàng để thay thế y. Vả lại ông thầy đàn già quá, duyên dáng chính nằm trong ngón đàn. Với Mark, câu chuyện khác lắm. Mark đang tuổi hoa niên, lại là thể tháo gia, lại có nhiều ngón vặt ông thầy dàn không thể có... Tâm đỏ mặt nghĩ đến một con ngựa đua, bắp thịt thon dài linh hoạt dưới làn da mỏng không một lạng mỡ thừa...

Chắc rồi cũng phải chiều y, Tâm nghĩ, nhưng xe BMW bỏ mui thì sang quá... Cân nhắc sự phục dịch bấy lâu của Mark, chiếc Jeep Safari có lẽ phải chăng hơn... Tưởng tượng đến hình ảnh hợp thời trang của người thanh niên phơi tấm thân cân đối rám nắng trên chiếc xe Jeep đỏ bỏ mui, Tâm nhìn lên chiếc gương treo trên bức tường đối diện, mỉm cười với mình như đứa trẻ sắp được món đồ chơi đắc ý...

Nhưng Tâm chợt nghĩ đến một nụ cười khác, nụ cười của Mark mà chị Hoàng cho là sỏ lá mất dậy. Tâm cho là chị khe khắt, nhưng phải ghi nhận là chưa bao giờ Mark cười với Tâm cái nụ cười rạng rỡ của Lương mỗi khi nhìn vợ, cái nụ cười làm cả một thế giới không tưởng như hiện ra trước mặt hai người...

Tư duy của Tâm dừng lại với cách cười của Mark... Với Tâm, Mark chỉ có hai nụ cười. Một là nụ cười cầu tài khi hắn muốn Tâm mua cho một tặng phẩm gì... Còn nụ cười kia hắn cười với Tâm trong những lúc thân mật suồng sã cũng như trước mặt mọi người. Nụ cười rất hồn nhiên, có lẽ khi cười hắn cũng không biết mình đang cười nữa... Và Tâm phân tích để thấy nụ cười ấy không khác gì khi nụ cười thèm ăn khi hắn nhìn miếng bí-tết thăn nõn cắt dầy rán lòng đào thật vừa ý mỗi khi Tâm đãi hắn ăn tại tiệm cơm Tây sang trọng...

Tâm tò mò không biết Mark nghĩ gì về mình. Hắn biết rất nhiều về Tâm, về thị hiếu, về sở thích, biết đủ để chiều Tâm trong cũng như ngoài sân quần vợt. Rồi Tâm lại thấy hắn biết Tâm quá ít. Dưới mắt Mark, Tâm chỉ là một người đàn bà nhà giầu luống tuổi với những đói khát thể xác và những tập quán tình dục đã thành nếp... Tâm bỗng thấy hình ảnh của mình quá thảm thương trong đầu người bạn tình vong niên...

"Như vậy thì khác gì thú vật," Tâm lẩm nhẩm. Tâm nghe rát bên má, không phải là vì hồi tưởng cái tát của chị, mà tựa hồ như câu Tâm phê phán chị nặng nề hôm nào bỗng trở về áp dụng cho chính bản thân...

Tâm lại nghĩ đến hình ảnh của Mark trong đầu nàng. Ngoài chuyện Mark khỏe mạnh như một con vật trẻ, với bắp thịt, với bền bỉ trong cũng như ngoài sân quần vợt, Tâm không biết gì hơn về anh ta... Tâm áng chừng Mark đã có hồi là một cậu học trò ngây thơ trong trắng, có lẽ con nhà trung lưu, ham thể thao, được mẹ một tuần mấy lần chở đi học quần vợt với thầy giáo tư... Rồi không đủ tài để đoạt giải vô địch, học hành lại lỡ dở, Mark trở thành huấn luyện viên tennis tại hội quán sang trọng...

Nhưng mà những chi tiết ấy hoàn toàn chung chung, phổ thông như tiểu sử của bất kỳ huấn luyện viên quần vợt nào trong một cuốn phim hạng nhì... Tâm không hề nghĩ đến tìm hiểu Mark, người thanh niên chắc có hồi đã có những giấc mộng lớn, những mơ ước trong sáng, những cái nhìn tử tế về đàn bà cũng như về bản thân... Nông nỗi nào đã đưa đẩy anh ta đến chỗ chai sạn này, Tâm chưa bao giờ bận tâm... Với Tâm, anh ta chỉ là người có những dịch vụ tiện lợi và giá cả phải chăng. Cái thế giới Tâm tạo cho Mark cũng thê thảm không kém cái thế giới anh ta chắc đã tạo cho nàng.

Tâm vội vã nghĩ đến những người đàn ông khác dã gặp trong đời. Đến Quân ngày xưa, đến Hoài, đến ông thầy dàn Karaoke, đến những liên hệ ngắn hạn và soàng xĩnh hơn... Với bất cứ ai, Tâm chỉ lạnh lùng ước lượng những cái mình có, những cái người có, và tìm cách trao đổi sòng phẳng công bình với họ... Chưa bao giờ Tâm biết họ như chị Hoàng biết Lương. Chưa bao giờ sự hiện diện của Tâm tạo nơi họ nụ cười rạng rỡ của Lương khi anh nhìn vợ. Nàng hoàn toàn xa lạ với cái thế giới huyền diệu Hoàng tả trong thơ...

Tâm thèm số phận chị. Hoàng như có một cảm quan bất thường để bắt được những cái mà Tâm không bắt được. Rồi nghĩ ngược lại mệnh đề vừa nghĩ, Tâm hốt hoảng sợ chính nàng thiếu cái cảm quan bình thường để bắt được những cái đẹp bình thường của đời sống, của liên hệ giữa người với người.

*

Tâm nghe như chính mình tàn tật, và Tâm rùng mình kinh hãi.

Choáng váng, Tâm nhắm mắt ôm lấy đầu không muốn nghĩ tiếp. Tâm bỗng thấy quá bơ vơ. Tâm ân hận ngày xưa đã bỏ Quân vì những chuyện không đâu... Rồi ân hận đã quá cứng rắn với Hoài. Nhưng với Quân hay với Hoài, mọi việc cũng đã quá trễ. Hiện tại Tâm chỉ còn có Mark...

Tâm ân hận đã coi Mark như một món đồ tiện dụng ngắn hạn. Tâm tự trấn an là trong liên hệ với Mark, thật ra cũng có những lúc nghe như có cái gì nhiều hơn là xác thịt thuần túy... Có cái gì sẵn đấy để xây dựng thành một liên hệ đáng kể... Mọi chuyện không tuyệt vọng...

Tâm sẽ đối đãi với y có tình hơn... Tâm sẽ mua cho Mark cái xe BMW bỏ mui như Mark mong ước... Tâm sẽ thực tình thương Mark, và người ta bảo tình thương sẽ đem lại tình thương... Mark còn trẻ lắm, còn thay đổi được, và Tâm sẽ đem kinh nghiệm sống của người đàn bà trưởng thành để dậy Mark, để giúp Mark không rơi vào lối sống chai sạn của Tâm bấy lâu, để cho Mark có thể thấy nơi người đàn bà mình yêu nhiều hơn là cái khoái lạc của một miếng bí-tết cắt dầy vừa chín lòng đào... Và biết đâu, Tâm sẽ đem lại cho Mark một thế giới tốt lành, sẽ làm cho Mark mỗi khi nhìn Tâm có thể cười cái nụ cười rạng rỡ của Lương mỗi khi Lương cười với vợ...

Nhưng Mark còn quá trẻ làm Tâm lo sợ... Đám con gái choai choai trên sân quần vợt quá nhiều, quá nhí nhảnh, quá quyến rũ... Chúng mới đích thực là những miếng bí-tết cắt dầy vừa chín lòng đào... Lần đầu tiên Tâm cảm thấy bị đe dọa...

Người đàn bà tuyệt vọng nhìn bâng quơ ra ngoài cửa sổ... Nắng rực rỡ trên rặng cây phong trồng dọc lối đi và trời thiệt trong, thiệt xanh. Một áng mây trôi tít trên tầng cao, và bất giác Tâm nghĩ hương hồn vợ chồng chị đang tiêu giao những nơi thanh thoát ấy...

Nhưng Tâm không muốn lạc đề sang chuyện của chị. "Mình phải chú tâm tìm giải pháp cho mình thôi," Tâm tự nhủ. Tâm mọi óc tìm cách đối phó... Không chịu thụ động, Tâm nhất định phải nắm phần chuôi... Tâm sẽ mua cho Mark chiếc xe BMW bỏ mui, dầu dà sẽ tậu thêm cho y một căn chung cư mới đầy đủ tiện nghi... Nhưng nhà cũng như xe, Tâm sẽ trả dài hạn từng tháng một...

Mai-Kim Ngọc
May 23 1994

THẠCH HÃN
giới thiệu và dịch

con tim chưa rộn niềm vui

Nguyên tác: David Remnick (Lenin's Tomb)

Đầu tháng này, các báo đưa tin văn hào Nga Aleksandr Solzhenytsyn hồi hương vào ngày 27 tháng Năm, chấm dứt cuộc đời lưu vong hai mươi năm sau khi ông cho xuất bản bộ Quần Đảo Ngục Tù ở nước ngoài, vào năm 1974. Thực hiện đúng lời loan báo của mình một năm trước đây, đại văn hào đã hoàn tất tác phẩm trường thiên Bánh Xe Đỏ, viết về những biến động ở nước Nga từ cách mạng 1917, và chuẩn bị về nước. Từ lâu, các quốc gia Tây phương đã xem ông như ngọn hải đăng của lương tâm nhân loại, một người đã phơi bày cho thế giới bên ngoài biết những tội ác của chế độ cộng sản ở Liên Bang Sô Viết cũng như đã đóng góp rất nhiều vào tiến trình dân chủ hóa nước Nga và các quốc gia thuộc liên bang trước đây.

Trở về Nga lần này, ông mang một tâm trạng buồn vui lẫn lộn. Từ ngày đảng Cộng Sản bị giải thể và Liên Bang Sô Viết tan rã để trả lại độc lập cho các quốc gia thành viên, nước Nga đang trải qua nhiều cơn khủng hoảng kinh tế, xã hội và chính trị. Đời sống vật chất của người dân Nga ngày càng khốn khó, xã hội băng hoại và đang bị tội ác cũng như tham nhũng hoành hành. Trong lúc những cải dổi về mặt chính trị để tiến đến một thể chế dân chủ còn gặp nhiều khó khăn, chắc chắn Solzhenitsyn thấy trước những cam go của những ngày còn lại trong đời. Khó khăn đầu tiên ông đang gặp phải là việc xây dựng căn nhà hai tầng ở Troitse-Lykovo, ngoại ô Moscow, trên một diện tích mười mẫu đất do chính phủ cấp. Nhà xây chưa xong thì mái đã dột, nền đã nứt, và khi ông về, căn nhà chỉ có bốn bức tường vây quanh. Theo lời vợ ông thuật lại với Richard Boudreaux, đăng trên Los Angeles Times số ra ngày 21 tháng Năm, 1994, gia đình sẽ cư ngụ tại căn nhà năm phòng ngủ mua hai năm trước ở đường Plyushchika, Moscow

"Tuy nhà xây chưa xong, chúng tôi vẫn phải về để trông coi việc xây cất, không để người ta lợi dụng," bà Natalia thố lộ.

Trong lúc chính phủ dự định tổ chức tiếp đón nồng hậu, chuyến trở về lần này của Solzhenitsyn cũng sẽ gặp nhiều phản ứng trái ngược nhau về phía quần chúng. Một mặt, có nhiều người hân hoan chào đón ông như một vị anh hùng, một người làm mẫu mực đạo lý; mặt khác, có người tỏ vẻ bi quan sự hiện diện của ông ở nước Nga lúc nầy chẳng những không giúp được gì cho công việc cải thiện đời sống tinh thần của nước Nga, trái lại có thể gây nhiều sự ngộ nhận. Số người này cho rằng tình thế nước Nga hiện giờ đã khác hẳn, và riêng đối với Solzhenitsyn, dân chúng không còn ái mộ ông nhiều bằng những năm trước, lúc còn đảng Cộng Sản và chế độ độc tài. Những năm trước đây, người ta tranh nhau đọc sách của ông, ngày nay, có những nơi bán hết sách mà chẳng hề quan tâm đến chuyện mua thêm để bán. Thế hệ đồng thời với ông nay đã lớn tuổi, họ chỉ mong ông đứng trên mọi tranh giành về mặt chính trị, và nên dùng khả năng đóng góp vào việc xây dựng một xã hội tiến bộ là hơn, trong khi thế hệ trẻ lại không biết hoặc chỉ biết rất ít, mặc dù cũng đã có những tranh luận về việc ông hồi hương. Ngày nay tác phẩm của ông được giảng dạy trong các học đường, bên cạnh những danh tác của nền văn chương cổ điển Nga. Học sinh lớp 11 trường Trung học số 1289 ở Moscow cho rằng nhắc đến tên của Solzhenitsyn là một việc làm hợp thời, mặc dù họ không thực sự đọc sách của ông, và cũng không nhớ chữ gulag có nghĩa gì. Một cuộc tranh luận sôi nổi đã diễn ra giữa hai học sinh 17 tuổi Timofei Kiselev và Yelena Sayenko, cũng theo lời thuật của Boudreaux trong bài báo trên:

Timofei: "Tại sao Solzhenitsyn trở về? Ông ta làm được gì?"

Yelena: "Chúng ta phải chào đón ông. Ông là một thiên tài."

Timofei: "Dĩ nhiên, nhưng liệu ông làm được gì cho nền kinh tế của chúng ta?"

Yelena: "Ông sẽ giúp chúng ta hiểu được nhau, sống hòa bình với nhau."

Timofei: "Nhưng đâu phải lúc này. Tương lai thì được."

Yelena: "Lúc đó ông ấy chết rồi còn đâu!"

Timofei: "Sách của ông vẫn còn. Điều chúng ta cần đầu tiên không phải là một nhà văn, mà là một chính phủ tốt, một nền kinh tế ổn định."

Đối với những người sống cạnh căn nhà ông mới xây, sự trở về của ông có nghĩa là đời sống họ may ra dễ thở hơn. Nhờ có ông ở trong vùng, biết đâu người ta sẽ sửa sang lại đường sá, lập hệ thống suối hay hệ thống ống cống.

Không ai mô tả lại bức tranh nước Nga ngày Solzhenitsyn về nước một cách linh hoạt cho bằng David Remnick, tác giả cuốn Lenin's Tomb (Giải Pulitzer lịch sử 1994), mà Văn Học giới thiệu cùng bạn đọc sau đây, qua bản dịch của Thạch Hãn. Dây là lời Bạt tác giả viết đầu năm 1994 cho ấn bản Vintage, bìa mỏng, do nhà Random House xuất bản vào tháng 5- 1994. Nguyên tác "The Heart is Not Yet Joyful," trang 533-542.

"Kể từ giây phút đầu tiên Mikhail Gorbachev lụp chụp sửa sai thể chế Sô Viết, thời gian, và sự cảm nhận thời gian, dã mất đi nhịp độ bình thường của nó. Mỗi một năm dường như dài bằng một niên đại. Có quá nhiều thắng lợi, nhiều cơn hấp hối, cùng với những nỗi ngạc nhiên đầy chua xót hằn đấu lên cảnh trí của đế quốc cũ khiến người ta khó có thể tập trung vào một biến cố nào xảy ra lâu quá một tuần trước, chứ đừng nói đến đêm Giáng Sinh năm đó, 1991, khi Gorbachev ký giấy từ chức và lá cờ đỏ ở điện Cẩm Linh được hạ xuống lần chót. Nhưng ngay cả vào lúc này, tôi không thể nào quên được giờ khắc đó. Trong lúc Grobachev đang sửa soạn ra đi, tôi dã đến điện Cẩm Linh để gặp một cộng sự viên thân cận nhất của ông, Giorgi Shakhnazarov. Giống như Gorbachev, Shakhnazarov hy vọng cải tổ được chủ nghĩa cộng sản, tìm cách cứu vãn để đưa chế độ bước vào một thời dại mới. Kế hoạch đó, sự thoi thóp cuối cùng của giấc mơ xã hội chủ nghĩa, đã trở thành không tưởng. Giờ đây, chế độ đã sụp đổ, đế quốc chia lìa. Những điều người ta bàn tán đến là một nền dân chủ và kinh tế tự do; Gorbachev đã đi vào lịch sử, và những người lo di chuyển đến dọn dẹp chuyên chở các thùng đồ ra khỏi điện.

"Làm sao các nước cộng hòa có thể sống còn nếu không có Moscow?" Shakhnazarov nói. Ông là một người nhỏ nhắn, -vừa thông thái, vừa quan liêu cửa quyền-, và lúc này ông trông có vẻ buông tay, tàn tạ. "Những nước đó rồi sẽ ra sao? Một nước cộng hòa như Georgia sẽ làm gì đây? Ông có nghĩ là họ có thể đem quít đổi lấy dầu hỏa của Saudi Arabia được không? Còn Armenia và Azerbaijan: ông có nghĩ là rồi họ sẽ xâu xé nhau không?"

Bàn giấy của Shakhnazarov trơ trụi, ngoại trừ một mảnh giấy ông để lại cho người đến sau, "bất cứ người nào..."

"Tôi chỉ muốn cho họ biết là tôi chúc họ gặp nhiều may mắn," Shakhnazarov nói. "Họ cần rất nhiều may mắn."

Trong hơn hai năm kể từ ngày đó, nước Nga và những nước cộng hòa trong khối Sô Viết trước đây rõ ràng là đã không có được nhiều may mắn đến mức họ cần. Họ lại không có được sự khôn khéo cũng như phương tiện để tránh những thảm họa về chính trị và kinh tế. Người ta có thể bắt đầu đếm những thảm hoạ ngày càng gia tăng ở Liên Bang Sô Viết ngày trước: kinh tế suy sụp, những vùng định cư của hai mươi lăm triệu người Nga gốc Do Thái đang gặp rắc rối trong những nước "ngoài"; hiểm họa tai nạn nguyên tử và hủy hoại môi sinh; sự bộc phát các phong trào quốc gia cực đoan của người Nga cùng với sự dai dẳng đến độ ngạc nhiên của các đảng cộng sản. Nhìn ngược trở lại, Boris Yeltsin ước gì mình đã hành động nhanh nhẹn hơn và dứt khoát hơn trong vụ đảo chánh Tháng Tám. Trong khi đang còn có lợi thế chính trị, lẽ ra ông nên giải tán quốc hội, tổ chức bầu cử, từ đó tránh được hai năm dài đối đầu với quốc hội cũng như không cần phải ồ ạt tấn công tòa Nhà Trắng vào tháng Mười 1993. Nhưng lịch sử không dễ tha thứ; lịch sử không dung nạp hai tiếng "giả như."

Trong chuyến đi Moscow sau cùng của tôi, khoảng cuối năm 1993, ở tất cả những nơi tôi đến, từ khu thị tứ cho đến những làng mạc nhỏ ven đô, từ những tòa báo cho đến những sảnh đường ở điện Cẩm Linh, đâu đâu tôi cũng nhìn thấy những khuôn mặt chán nản, tụm năm tụm ba nghe nhạc, xem phim, và dường như đã có một không khí vật vờ, có khi còn thấy cả một nỗi tuyệt vọng về đời sống chính trị. "Biến cố tháng Mười" và cuộc bầu cử không lấy gì khích lệ vào tháng Mười Hai, đã đưa vào quốc hội hơn một chục người quốc gia cực đoan cũng như cộng sản, đã xóa tan hết khí thế thắng lợi do việc dập tan cuộc đảo chánh năm 1991 để lại. Những biện giải dễ thấy của cuộc đấu tranh chính trị ngày trước: tốt chống xấu, cải tổ chống phản động, dân chủ chống cộng sản - nay tan loãng thành một tình trạng bất trắc chua cay. Cuộc bầu cử tháng Mười Hai xác nhận lại một lần nữa nỗi ê chề của người Nga, vì đã có gần 25 phần trăm số phiếu bầu dành cho một nhân vật quốc gia cực đoan là Vladimir Zhirinovsky, được xem như là một sự phản kháng lại nguyên trạng (status quo) hơn là bày tỏ sự chấp nhận của dân chúng

đối với những kế hoạch điên rồ của ông ta: quá rộng rãi về mặt đối ngoại mà lại bóp chẹt về mặt đối nội. Gần một nửa cử tri đoàn chẳng hề bỏ phiếu.

Phần lớn những sự chống đối Yeltsin bắt nguồn từ một hình thức này hay một hình thức khác của một nỗi hoài niệm có tính cách huyền hoặc: sự lưu luyến của người Cộng sản về một trật tự của thời Stalin và hoài niệm về một đời sống mà người ta cho là ổn định thời Brezhnev, luyến tiếc nỗi sợ hãi mà trước đây kho vũ khí Sô Viết từng gieo vào lòng kẻ địch phương Tây; nỗi lưu luyến của những người có tinh thần quốc gia về đế quốc cũ và những mục đích tinh thần cao cả hơn. Nếu lòng hoài niệm đó nay trở thành một sức mạnh chính trị ở Nga thì cũng chỉ là một điều tự nhiên "rất nhân bản" cũng giống như trước đây khi đế quốc Ottoman và đế quốc Anh mất hết thuộc địa của mình. Mất đế quốc là một điều không thể vui được. Enoch Powell chẳng đã phải dùng thi ca để tiếc thương khi Anh trả độc lập cho Ấn Độ đó sao, và ngày nay, những người tân-Ottoman lại là những thế lực chính trị ở Thổ Nhĩ Kỳ kia.

Đối với hàng chục triệu người dân Nga, câu chuyện của quốc gia họ kể từ ngày Gorbachev nắm quyền năm 1985 chỉ gồm những mất mát khôn ngoi và một niềm kiêu hãnh bị tổn thương. Trong khi người dân Constantinople và Luân Đôn có hàng chục năm để ngậm đắng nuốt cay, người Nga chỉ có được một tích tắc. Đế quốc tan biến. Một người du khách từ phương Tây sẽ thấy ngay là kinh tế đang suy sụp, nhưng lại khó nhận ra nỗi bứt rứt của người Nga về vị thế của họ trên thế giới. Tinh hoa của đế quốc không còn: còn đâu những bãi biển xinh đẹp vùng Crimea, những ruộng nho bát ngát vùng Moldova, những mỏ dầu dày đặc ở Khazakhstan, những bến cảng tấp nập miền Odessa. Chưa nói đến Prague, Budapest và Warsaw. Tất cả giờ đây nằm trong lãnh thổ của các nước ngoài. Quân đội lại đầy dẫy đào binh và đang mục nát. Chính sách đối ngoại lại chỉ có những con đường tháo chạy. Một nhà xã hội học nổi tiếng ở Moscow, Yuri Levada, mới đây cho công bố một bản thăm dò ý kiến trên nhật báo Izvestia cho thấy chỉ có 11 phần trăm dân chúng hiện vẫn còn coi nước Nga là một cường quốc, trong khi hai phần ba những người trả lời bảng trưng cầu cho rằng quốc gia cần phải giành lại uy thế mà họ đã đánh mất trên thế giới. Ở giữa hai con số thống kê đó là một sự mong mỏi thiết tha, một cảm giác mất nước và

một nỗi khắc khoải. Và sự mong mỏi đó, cùng với một nền kinh tế suy sụp, lại là thứ vũ khí hiểm nghèo nằm trong tay những người chống đối Yeltsin. Trong khi Yeltsin và những người ủng hộ ông tìm cách vừa tạo ra một nền kinh tế thị trường vừa xây dựng một hệ thống chính trị dân chủ, một xã hội tiến bộ, những người chống đối ông lại lao mình vào một đường lối chính trị thua thiệt, một thứ chủ nghĩa dân tộc mới.

Nhiều người có khuynh hướng tự do về mặt chính trị và là những người có ảnh hưởng lớn như Galina Staravoitova, cựu cố vấn của Yeltsin, bày tỏ ý kiến rằng sự suy sụp kinh tế trầm trọng và sự tổn thương về thế giá của nước Nga sẽ khơi ngòi cho một phong trào chủ trương độc đoán nhưng lại có sức thu hút quần chúng bùng nổ, và là một điều không thể tránh được. "Người ta không thể tránh được một thời kỳ phát xít sẽ xảy ra ở Nga," Staravoitova đã phát biểu như thế trên Đài Tiếng Vọng Moscow. "Chúng ta nhìn thấy nhiều sự tương song giữa tình trạng hiện thời của nước Nga và tình trạng của nước Đức sau hiệp định Versailles. Một cường quốc bị sỉ nhục, trong khi công dân của quốc gia đó lại phải sống bên ngoài biên giới quốc gia mình. Sự tan rã của một đế quốc xảy ra vào lúc mà mọi người dân vẫn còn mang nặng tâm thức đế quốc... Và tất cả những biến cố này lại xảy ra vào thời kinh tế khủng hoảng."

Trong cuộc vận động bầu cử vào quốc hội, Vladimir Zhirinovsky đánh vào tâm lý người dân cảm thấy họ bị sỉ nhục trong thời hậu-Đại cường và đã phát phiểu bằng một thứ ngôn ngữ đơn giản nhưng lại mang tính cách khôi hài đen. Người Do Thái, người Trung Á, người Armenian và Azerbaijan phải bị tống ra khỏi các trung tâm quyền lực, và chỉ có "người Nga đôn hậu" mới được phép xuất hiện trên màn ảnh truyền hình. Ông tuyên bố sẵn sàng "dội bom cho nát mấy hải cảng ở Kuwait, bắn tan các máy bay và một vài tàu chiến Mỹ" để bảo vệ đồng minh cũ là Iraq... Và nếu người Nhật có khăng khăng đòi lại quần đảo Kurile, "Tôi cũng sẽ xách bom đội lên đầu họ. Tôi sẽ cho hạm đội hùng mạnh của chúng ta bao vây các hòn đảo của họ, và nếu họ kêu ca, tôi sẽ dội bom nguyên tử." Nghĩ rằng vẫn chưa đủ, ông còn hứa sẽ kết thúc sự suy sụp về kinh tế bằng chiếc dũa thần, và lại còn hứa hẹn một đời sống "tình tứ và lãng mạn" cho những kẻ cô đơn. Những người chủ trương dân chủ và ủng hộ việc cải tổ chính lại là những người đã mở đường cho Zhirinovsky. Họ phân hóa, tự cao tự đại, và hầu như chẳng mảy may

bứt rứt trước sự thể là họ chẳng làm gì để yểm trợ cho những nỗ lực cải tổ sâu rộng một nền kinh tế đang gieo tai họa cho hàng triệu người. Thắng lợi của Zhirinovsky còn là một lời cảnh cáo. Nước Nga cũng như thế giới không thể nào kham nổi một lãnh tụ như chủ tịch quốc hội Zhirinovsky.

*

Nếu nước Nga có bao giờ mang một ảo tưởng rằng mình là một quốc gia dân chủ, thì ảo tưởng đó giờ cũng đã mất. Trong các cuộc đàm luận với các phụ tá của Yeltsin, tất cả đều công nhận rằng nếu có ảo tưởng sẽ có được một sự chuyển tiếp trơn tru và nhanh chóng từ một chế độ độc tài cộng sản sang một chế độ dân chủ, với một nền kinh tế thị trường, ảo tưởng đó nay không còn. Kết quả việc sụp đổ đế quốc, tuy làm hài lòng nhiều người về phương diện luân lý, nhưng lại tạo ra cho chế độ mới những vấn đề luân lý hầu như không thể vượt qua được. Sự chọn lựa trở nên quá khắc nghiệt: Hành động theo sinh hoạt của một quốc gia dân chủ Tây phương và để cho tình trạng hỗn loạn bao trùm lên nước Nga, hay phải dùng "những biện pháp cứng rắn" để rồi đập tan đi cái bóng dáng của một xã hội tiến bộ? Hiện nay người ta bàn tán đến nhu cầu một chế độ chuyển tiếp "chuyên chế được khai sáng," hay "dân chủ có hướng dẫn," hay một hình thức lai giống nào khác mà chẳng cần phải che đậy việc tập trung quyền hành vào chức vị tổng thống. "Bàn tay cầm quyền không thể là bàn tay yếu đuối," Cố vấn luật pháp của Yeltsin, Yuri Baturin, đã nói với tôi như thế vào một buổi chiều trong điện Cẩm Linh. "Khi việc sử dụng quyền lực trở thành cần thiết như trong biến cố tháng Mười, người ta đã không hành xử quyền lực đó một cách nhanh chóng được vì các bộ thực sự nắm quyền lực 'quốc phòng, an ninh, công an' lại tỏ ra ngần ngại. Nếu họ sử dụng quyền lực một cách nhanh chóng hơn ắt mọi việc đã hoàn tất sớm hơn và ít đổ máu hơn."

Nhưng cố vấn của Yeltsin cũng công nhận là trong khi tìm cách tái lập trật tự, luôn luôn có một hiểm họa đưa quyền lực ngả dần theo chiều hướng của một nền cai trị sắt máu vốn đã có từ trước. "Cũng giống như chính sách perestroika của Gorbachev, mọi công việc xây dựng dân chủ bây giờ chỉ phó thác cho trời." Giorgi Satarov, thành viên của hội đồng cố vấn tổng thống phủ đã nói như thế. "Thật quá dễ dàng để cho người ta ngả dần vào con đường độc tài. Hiện không có những hệ thống kiểm

soát. Một nền cai trị độc đoán thường phải tự kiểm soát lấy mình, và sự tự chế này phải được duy trì cho đến khi có được những hệ thống kiểm soát và cân bằng. Rồi sẽ có những bước đi tiến về phía độc tài, mỗi một bước tự nó nhỏ nhoi, nhưng khuynh hướng đó có thể đưa ta đi vào con đường độc tài. Điều này có thể xảy ra. Nhưng theo sự hiểu biết của tôi về tổng thống và những động lực thúc đẩy hành động của ông, tôi không nghĩ là ông ấy có chủ tâm làm một nhà độc tài."

Đã có quá nhiều người đòi hỏi Yeltsin trở thành một nhà cai trị độc đoán, không nương tay. Một cuộc thăm dò ý kiến dăng mới đây trên Izvestia cho thấy ba phần tư thị dân Moscow hoan nghênh việc ban bố tình trạng khẩn cấp ngay sau các biến cố tháng Mười và muốn tình trạng khẩn cấp đó được kéo dài vô hạn định. Nhưng cho dù Yeltsin có khuynh hướng trở thành vị lãnh tụ của một chính thể độc tài toàn diện "sự thật không phải thế" ông ta cũng sẽ không điều hành nổi một guồng máy như thế. Mặc dù có nhiều vị cố vấn của ông trưng dẫn trường hợp của Nam Hàn và các nước thuộc Châu Mỹ La Tinh là những nơi đã xây dựng được dân chủ qua hình thức của những chính thể độc tài, sự so sánh đó khó đứng vững so với thực tại của nước Nga. Cho dù quân đội có đóng vai trò quyết định trong biến cố tháng Mười 1993, quân lực vẫn không có đủ nhân vật có tham vọng cai trị bằng các hội đồng quân nhân như ở các nước Châu Mỹ La Tinh. Mấy ông tướng thích được hưởng lương cao bổng hậu và những bảo đảm khác về mặt xã hội hơn là nắm được ưu thế về mặt chính trị. Vả lại, nước Nga cũng không thể trông cậy vào thứ luân lý chức nghiệp và hiệu năng sản xuất của người Á châu, chưa nói đến việc cần phải có một không khí sinh hoạt chính trị dân chủ, như trường hợp của Chile trước thời Pinochet. Nước Nga phải thực hiện dân chủ với chính người Nga.

Sự thật là Yeltsin, hay bất cứ một lãnh tụ nào xuất hiện sau này để kế vị ông, vẫn phải dương đầu với một trọng trách hầu như bất khả thi như việc xây dựng một nền dân chủ trong tình trạng hỗn loạn về xã hội và kinh tế. Aleksandr Rutskoi và Ruslan Khasbulativ có thể là đã ngồi tù sau khi thất bại trong âm mưu cướp chính quyền tháng Mười 1993, nhưng những hành động của họ không thể là những hành động cuối cùng nhằm gây phiến loạn hay bạo động. Ngay cả những người chấp nhận, hay ít ra cũng đã nhường bước, trước quan niệm về thời kỳ chuyển tiếp của Yeltsin cũng hiểu rằng bất mãn và tức giận đang gia tăng càng ngày

càng trầm trọng trong xã hội Nga. Những thực tại ê chề của xã hội Nga như "bình đẳng trong sự nghèo đói, những sự áp chế dai dẳng" giờ cũng đang thư dãn dần, và nước Nga bây giờ trở thành nơi chốn của một sự phân hóa tận gốc rễ. Ước muốn thiết tha nhất của những người chủ trương cải tổ nước Nga vào năm 1992 là sau những thay đổi về kinh tế, người ta sẽ thấy xuất hiện một giai cấp trung lưu, và một đội ngũ những nhà kinh doanh tài giỏi làm nền tảng cho những cải tổ sâu xa hơn về sau. Chưa thấy có dấu hiệu là việc này đang xảy ra. Thay vào đó, người Nga phải chứng kiến, với lòng tức giận và ganh tị, sự xuất hiện của một thiểu số thủ đắc tài sản kếch xù trong khi xã hội hỗn loạn và tan hoang vì tội ác. Tư bản ở nước Nga chỉ sinh ra được nhiều Al Capone hơn là Henry Ford. Cải cách không phải là một thời kỳ thoái bộ.

Không thể nào tìm ra được một, dù chỉ một, sinh hoạt hay định chế nào mà thoát khỏi tình trạng tham nhũng thô bạo nhất. Nước Nga đã đẻ ra một loại ma-phi-a tầm cỡ quốc tế. Theo Luciano Violante, chủ tịch ủy ban điều tra tội ác của quốc hội Ý, nước Nga hiện giờ là "một thủ đô chiến lược của các tổ chức ma-phi-a, là nơi phát sinh ra rất nhiều công tác quan trọng của bọn này." Ông còn nói thêm là các tay cầm đầu các tổ chức tội ác đó đã họp thượng đỉnh với ba tổ chức tội ác lớn của Ý từ các thành phố Sicily, Calabria và Naples để bàn thảo chuyện hợp thức hóa tiền bạc, buôn bán ma túy, và ngay cả việc buôn bán vũ khí nguyên tử. Ông nói rằng "Nước Nga đã trở thành một nhà kho và là nơi tháo khoán các vụ buôn bán ma túy."

Giới cầm đầu các tổ chức tội ác của Nga đã nhúng tay vào mọi sinh hoạt, từ việc buôn bán vũ khí cho đến các hoạt động kinh tài, và cũng đã tìm ra cách để làm ăn với các viên chức cao cấp của đảng Cộng sản và KGB cũng như những tay trùm khác trên thế giới. Chẳng ai còn ngờ vực gì chuyện các bộ của chính phủ Yeltsin, nhất là các bộ ngoại thương, quan thuế, thuế vụ và các cơ quan có nhiệm vụ thi hành luật pháp cũng đã dầy dẫy tham nhũng. Theo Yuri Boldyrev, Tổng Giám Sát của chính phủ cho đến thời gian gần đây, tham nhũng trong các cơ cấu chính quyền "hiện đã vượt ra ngoài mức tưởng tượng." Một bản phúc trình dài 10 trang do các bộ an ninh và cảnh sát đệ trình lên Yeltsin năm 1993 tường trình phương thức các sĩ quan cao cấp trong quân đội đóng ở Đông Đức từ nhiều năm nay đã tham dự vào những vụ biển thủ lớn lao. Các sĩ quan này lập ra những công ty của họ để mua thực phẩm và rượu, dùng

phương tiện của quân đội chuyên chở số hàng hóa này đem bán chợ đen ở Ba Lan và Nga Sô. Trị giá các thương vụ lên đến hàng trăm triệu đồng Đức Mã (khoảng 58 triệu dollars Mỹ). Trong một vụ khác, Trung tướng Không Quân Vladimir Rodionov và viên sĩ quan phụ tá của ông, Đại tá Giorgi Iskrov, bị kết án dùng phi cơ quân sự chở khách lấy tiền bỏ túi.

Yeltsin cũng chẳng ngần ngại chấp nhận những gì đang xảy ra trước mắt mọi người. Theo một bản tường trình của Victor Yasman của đài Phát Thanh Tự Do, Yeltsin thông báo cho các cấp chỉ huy cảnh sát trung ương cũng như địa phương rằng hai phần ba những hoạt động kinh doanh và thương mãi ở Nga "và 40 phần trăm các cơ sở kinh doanh của tư nhân" có liên hệ đến tham nhũng. Ông nói trong năm 1992 hai tỉ dollars bỗng nhiên "biến mất" khỏi ngân sách của Bộ Ngoại thương. Ngay cả những người có nhiệm vụ điều tra chống ma-phi-a cũng bị nghi ngờ có tham nhũng. Một trong những cấp chỉ huy của bộ Nội Vụ đã bị bắt năm 1993 về tội nhận hối lộ một triệu đồng rúp. Khi khám xét nhà, người ta còn tìm thấy thêm 805,000 đồng rúp tiền tươi.

Người ngoại quốc kinh doanh ở Nga đã trở thành những con mồi dễ ăn. Một người bạn cho tôi biết là có một người Tây phương bị kẹt trong dòng xe cộ bị ứ đọng ở Moscow, và trong khi nhích từng chút một, xe ông đụng nhẹ vào cản chiếc xe trước. Một người đàn ông mặc toàn áo quần da, mang đầy kim hoàn, nhảy xuống xe tiến đến bên cửa sổ của người Tây phương đó, kê súng lục vào đầu ông ta và bảo: "Ông phải mua lại chiếc xe của tôi ngay tức khắc, nếu không tôi giết ông." Người ngoại quốc đó, vốn quen sống ở Moscow, biết đó không phải là lời nói dùa, ông về nhà, thu góp hết tiền bạc để mua lại chiếc xe kia. Tuần sau, người đàn ông không may này có việc lại phải đáp xe lửa đi St. Petersburg. Một kẻ nào đó thuốc ông, và sáng hôm sau khi ông tỉnh dậy, mọi đồ vật đáng giá của ông biến mất. Có lẽ những tội ác như vậy không khiến ai ở các quốc gia Tây phương phải ngạc nhiên, nhưng ở nước Nga đó lại là những hành động tội ác tân thời.

Việc thi hành luật pháp ở Nga cũng là một chuyện cười ra nước mắt. Các tay trùm ở các cấp có lẽ còn có đông người và vũ khí tối tân hơn cả cảnh sát. Sĩ quan cũng như binh lính, vì quá cần tiền nên sẵn sàng bán súng đạn, hỏa tiễn, lựu đạn, cho bất cứ ai trả giá cao. Ai cũng biết chuyện các tay trùm ở miền nam nước Nga còn dùng đến cả xe tăng uy

hiếp một số mối nợ không chịu thanh toán. Và lúc mà mọi người đang sống trong nghèo đói "kể cả cảnh sát, cai ngục cũng như quan tòa" nên số tội phạm bị truy tố và kết án chỉ là một con số rất nhỏ. Vladimir Rushailo, Chỉ huy trưởng cảnh sát Moscow nói, "Ngay cả nếu chúng tôi có bỏ tù được một tay anh chị trong giới ma-phi-a, mấy tên đồng bọn của hắn sẽ ngay tức khắc áp đảo nạn nhân, chứng nhân, quan tòa, công tố. Và chúng hành động một cách rất sỗ sàng. Rõ ràng là những tên tội phạm có sáng tạo hơn cả những nhà làm luật."

*

Có lẽ thành phần cảm thấy sững sờ nhiều nhất trước chiều hướng của nước Nga ngay sau khi chế độ cũ sụp đổ là giới trí thức có khuynh hướng tự do văn sĩ, thi sĩ, học giả, ký giả, những người đã đứng hàng đầu trong thời kỳ perestroika. Suốt nhiều thế kỷ, giới trí thức Nga đã là một thứ chính phủ ma, một thứ gai nhọn đạo đức chống lại các chế độ Nga hoàng và Cộng sản. Khi Pushkin đứng lên chống đối Nga hoàng, hay Sakharov chống lại ông Tổng bí thư, họ xác nhận niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của chân lý, và sức mạnh của một cá nhân chống lại một hệ thống bạo tàn. Trong nhiều năm, những nhà văn Mỹ như Philip Roth chẳng hạn, sau khi từ Nga hay các quốc gia Đông Âu trở về, đã tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tầm quan trọng của văn chương trong các xứ đó. Có lần Roth bình phẩm rằng ở các quốc gia phương Tây, vì không có gì bị cấm đoán nên chẳng có gì khiến người ta phải tranh đấu, và ở phương Đông, cái gì cũng bị cấm đoán cho nên thứ gì cũng gây thành chuyện được. Bây giờ, ở phương Đông, chẳng còn cấm đoán gì, nên giới trí thức lại càng có ít ảnh hưởng hơn nữa.

Một buổi chiều tôi đến viếng văn phòng ngổn ngang của nguyệt san Znamya (Biểu Ngữ), một trong những tạp chí văn học và chính trị hàng đầu thời Gorbachev để gặp phó biên tập Natalya Ivanova. Tôi quen biết Ivanova cũng đã sáu năm, nhưng chưa bao giờ thấy cô bi quan như thế. Ban đầu tôi tưởng là vì những khó khăn tờ Znamya và các tạp chí văn học khác gặp phải. Những tạp chí này vào những thập niên 1980 đã có số phát hành hơn một triệu bản, nay chỉ còn không đầy 80,000. Những bản danh sách các tác phẩm bán chạy hàng đầu trước đây lúc nào cũng đầy những đề sách của Solzhenitsyn, Orwell, Brodsky, bây giờ chỉ thấy một loạt tên các tác giả viết sách đại chúng: Dale Carnegie, John Grisham, sách tình dục của người Latvia... Larissa Vasilieva, một

nhà viết sử đại chúng của Nga đã tạo cho mình một gia tài kếch xù với tác phẩm *Mệnh Phụ Điện Cẩm Linh*, mô tả những chuyện hậu trường và khuê phòng trong thời Cộng sản. Rex Stout có lẽ là tác giả ăn khách nhất hiện nay ở Nga. "Độc giả cần đọc những gì thú vị," một nhà văn đã nói với tôi như thế. "Nếu họ phải đọc thêm một chuyện viết về các trại tập trung chắc họ chết mất."

Nhưng điều Ivanova lo lắng vượt xa hơn những con số thống kê về sinh hoạt văn hóa đó. Cô nhận ra rằng một khi chế độ sụp đổ thì ảnh hưởng và tầm quan trọng của một nền văn chương nghiêm túc cũng phai nhạt dần. "Chúng ta có thể chấp nhận ý kiến cho rằng những người đọc sách bây giờ là những người không ham thích chính trị." Ivanova nói, "Lúc này bạn thấy các mục tâm sự hay thắc mắc trên báo ngày càng nhiều, các mục rao vặt, và sự thịnh hành của các sách truyện diễm tình loại Harlequins. Thế cũng được đi. Nhưng điều người ta không ngờ là sự thoái hóa trầm trọng của đời sống văn hóa và của giới trí thức. Vai trò quan trọng của họ ngày nay đã thuộc về tay những người gọi là doanh nhân, mà họ lại là những người không có trình độ. Giai cấp trưởng giả mới này phần lớn là những kẻ mánh mung, ăn cắp tài nguyên của quốc gia." Ivanova cho tôi xem bản vỗ của bài báo cô viết có nhan "Hai lần tự tử." Đó là một bài viết dầy thịnh nộ trong đó cô tố cáo các văn nghệ sĩ đương thời "chạy theo dollars để bỏ rơi những vấn đề đạo lý," đã nhục nhã cúi đầu trước một hình ảnh mới nhưng thô lỗ của cái mà có thời Lenin đã gọi là "tương lai sáng lạn."

Nếu trước đây nước Nga không thiếu những loại tuyên truyền "Tiến lên Chủ Nghĩa Lenin" v.v... thì ngày nay truyền hình, báo chí, sách vở lại dầy dẫy một thứ tuyên truyền khác: quảng cáo cho một đời sống xa xỉ nhưng ngoài tầm tay, những lời quảng cáo thật mời gọi nhắm đến một đời sống xa hoa chẳng bao giờ có. Phút trước bạn là một Homo Sovieticus đang bị chủ nghĩa cộng sản trống rỗng và thô bạo vây bủa, phút sau bạn đang ngắm một cô gái người Slav nhởn nhơ liếm mút một trái cherry rồi chỉ cho bạn nên đến sòng bạc nào. Dã có điều gì trái khuấy trong các quảng cáo về đầu tư, (và cũng rất là Mỹ), hay các quảng cáo thức ăn "hảo hạng" cho mèo trong một nước mà đa số dân chúng lại không có ăn. Một hai năm tràn ngập những quảng cáo kiểu Mỹ như thế đã tạo được những gì mà bộ máy tuyên truyền Cộng sản không thể nào làm được trong hàng chục năm: sự khinh miệt thật sự của người dân

lương thiện trước những thừa mứa của chủ nghĩa tư bản. Nhưng giới trí thức lại cũng bị những thứ đó làm hoa mắt, làm sao họ hướng dẫn được người khác về mặt đạo lý... "Họ tranh dấu cho được một đời sống mới, nhưng rốt cuộc đời sống mới này đã lừa bịp họ." Ivanova buồn bã nói.

Đối với giới trẻ, việc theo duổi một đời sống trí tuệ không còn có ý nghĩa và cũng chẳng mang lại cho họ một uy danh nào. Tại Đại Học Quốc Gia Moscow, đột nhiên ai muốn vào học các ngành nhân văn cũng được chấp nhận dễ dàng, vì mọi người dổ xô theo học ngành tài chánh. Những câu chuyện bất tận quanh các bàn ăn, thành tích các giáo sư ở các đại học luôn luôn có mặt để giảng dạy, các buổi đọc thơ, đều đang giảm dần. "Những gì chúng ta có dưới thời Gorbachev và những năm trước cũng giống như hệ thống môi sinh của người Úc trước khi người Anh mang chó và thỏ của họ đến," một người bạn khác, nhà chính trị học Andrei Kortunov, nói. "Chúng tôi đã có một nền văn hóa thật sự, nguyên thủy và lạ lùng. Giới trí thức là một giới được trọng vọng. Nhưng khi người Anh mang chó và thỏ của họ đến, môi sinh càng ngày càng rữa mục. Tôi e rằng chúng ta phải trải qua một thời kỳ của giới tiêu thụ, của một thứ văn hóa đại chúng, giống như dân Ba Lan và Tiệp Khắc. Vấn đề là liệu nước Nga có bảo tồn được chút nào môi sinh cũ hay không, chút nào nét độc đáo trong đời sống trí tuệ của họ hay không."

Một tối nọ tôi đưa Leonid Radzikhovasky, một ký giả, đến ăn tối ở một tiệm ăn Ý sang trọng ở Kempinski, một khách sạn mới của người Đức đối diện điện Cẩm Linh. Khi tôi thắc mắc về sự biệt dạng của trí thức Nga, ông đã chẳng lộ ra được một sự hối tiếc nào. "Tôi là một kẻ khuyển nho, hay cứ cho tôi là một kẻ có dầu óc thực tiễn đi," ông nói, "nhưng bây giờ làm gì còn có ai chủ chốt về đạo lý ở Nga nữa. Nước Nga là một nước đang ở trong giai đoạn đầu tiên của việc thủ đắc tài sản. Hãy nhìn quanh ông, trong tiệm ăn này. Bữa ăn tối nay sẽ tốn bao nhiêu? Ít ra cũng một trăm dollars, đúng không? Lương trung bình của người dân Moscow một tháng. Vào thế kỷ 19, có địa chủ và nông dân, và không ai nghĩ đến chuyện trộn lẫn họ. Nhưng bây giờ bất cứ ai cũng có thể cho mình có quyền ngồi ăn ở khách sạn Kempinsky. Và ai cũng muốn thế. Người ta chỉ nghĩ tới bấy nhiêu đó. Họ không còn nghĩ đến những cuốn tiểu thuyết, những vở kịch hay thi ca nữa. Nếu nói rằng ở Mỹ mọi thứ đều do dollars, điều đó bây giờ lại càng đúng cho nước Nga. Đây là một nước đang đói ăn và muốn được ăn."

Một thời gian ngắn sau khi từ Moscow trở về, tôi lên Cavendish, một thị trấn nhỏ ở Vermont nơi Aleksandr Solzhenitsyn sống đời lưu dày trong suốt mười tám năm qua. Khi tôi đến thăm, ông vừa hoàn tất tác phẩm mà ông đã dành suốt đời để viết: tác phẩm trường thiên Bánh Xe Đỏ, và đang chuẩn bị hồi hương vào tháng Năm 1994. Căn nhà ngổn ngang thùng chứa. Vợ ông, Natalia đang cuống cuồng tìm cho ra một công ty chuyển vận nào có thể chở sách vở và giấy tờ của ông về Nga mà không bị mất mát. Một điện thư từ Moscow gởi sang mang theo nhiều tin không vui: mái của căn nhà mới xây bên ngoài thủ đô đã bị hư hại, và phải sửa chữa rất tốn kém.

"Cũng thế thôi, chúng tôi không thể chần chờ được nữa," Natalia Solzhenitsyn nói lúc ăn trưa ở trong bếp, "Đầu óc chúng tôi đã về Nga rồi. Dường như chúng tôi không còn ở trong căn nhà này, nơi mà chúng tôi đã sống một thời gian dài."

Trên lô đất có hai căn nhà xây sát nhau, và Natalia dẫn tôi đến căn nhà nhỏ hơn nơi Solzhenytsin làm việc, mỗi ngày từ mười bốn đến mười sáu tiếng, ngày này qua ngày khác, không nghỉ một ngày nào, kể từ khi gia đình dọn về Cavendish năm 1976. Ông ngồi trước một bàn giấy nhỏ trong phòng sách, khuôn mặt ông trông giống như một bức ảnh sống của một con người thế kỷ mười chín. Nhưng trong lúc bộ râu và đôi mắt Á châu của ông gợi lại hình bóng của Dostoevsky, Solzhenitsyn lại là một con người của nước Nga thế kỷ hai mươi. Hơn ai hết, hơn hẳn cả Sakharov, ông là người đã khiến cho các quốc gia Tây phương không còn làm ngơ trước bản chất thật sự của chế độ Sô Viết. Nếu văn chương thay đổi được cuộc thế, thì những tác phẩm của ông chắc chắn đã làm thay đổi rất nhiều. Vào đầu thập niên 60, *Một ngày trong đời của Ivan Denisovich* phơi bày cho người dân Liên Bang Sô Viết thấy rõ những trại tập trung, và vào thập niên 70, bộ ba cuốn *Quần đảo ngục tù* đã xóa tan hết những nghi hoặc về sự thật các trại tập trung đó.

Chúng tôi đàm luận với nhau trong suốt ngày hôm ấy, và Solzhenitsyn chỉ trích Gorbachev rất nhiều. Ông cho là Gorbachev "dậm chân tại chỗ suốt mấy năm," và than phiền Yeltsin, người mà ông ngưỡng mộ, là đã để cho hàng triệu người Nga phải sống dưới mức nghèo đói. Nhưng điều làm cho tôi ngạc nhiên là Solzhenitsyn không bao giờ tỏ ra hân hoan trước thắng lợi mà chính ông đã đóng góp rất nhiều: sự sụp đổ của Cộng sản. "Tháng Tám 1991, nhà tôi và tôi cùng nhau theo dõi

một cách say mê trên truyền hình khi người ta giựt sập tượng Dzerhinsky trước mặt trụ sở KGB. Dĩ nhiên đó là giây phút trọng đại đối với chúng tôi," ông nói, "Nhưng trong thâm tâm, tôi cũng biết rằng đây chưa phải là thắng lợi chân chính. Tôi biết chủ nghĩa Cộng sản đã ăn sâu vào tận cốt lõi của đời sống như thế nào. Và chúng ta đang làm gì đây? Yeltsin đang làm gì đây? Chúng ta bỏ quên hết mọi chuyện, chỉ lo chống đối nhau. Bây giờ cũng vẫn thế. Tất cả đều mục nát. Còn sớm quá, chưa mừng được. Tại sao tôi đã giữ im lặng lâu như thế về Gorbachev? Cám ơn thượng đế là đã có những khởi đầu, nhưng đều khởi đầu một cách sai trái. Vậy thì ta phải làm gì, chào mừng hay là khóc đây? Còn sớm quá, chưa mừng được. Tôi chẳng thể nào trở về Moscow hồi 1991 để nâng ly cùng Yeltsin trước tòa Bạch Ốc. Con tim chưa rộn niềm vui."

Điều ông mong xảy ra bây giờ, theo lời ông, không phải là một đế quốc, cũng chẳng phải là việc hồi sinh một đại cường, nhưng giản dị chỉ là việc phát triển một "quốc gia bình thường." Đã đến lúc phải tham gia vào việc phát triển đó. Sau một đời chỉ biết đến những khổ đau của chế độ cũ "thời thanh niên hoạt động cho Cộng sản, chiến tranh, tù tội, giam đày, chống đối với điện Cẩm Linh, rồi bị bó buộc lưu đày" bây giờ, vào tuổi bảy mươi lăm, ông đang khép lại vòng đời. Ông đã có vé tàu hồi hương. "Ngay cả trong những lúc khó khăn nhất, tôi biết là tôi sẽ về," ông nói, "Thật điên rồ. Không ai tin điều đó. Nhưng tôi biết là tôi sẽ về để được chết trên đất Nga."

Tháng Giêng 1994

VĂN HỌC
tòa soạn với bạn đọc

Bài nhận được trong tháng: *Lời nguyền của gã tình si* gửi từ Vancover Canada; *Với San Jose, đã ba mùa, Thu, Đông, Xuân, Dáng xuân, Đào Tấn, cuộc đời và Sự nghiệp*, gửi từ San Jose; *Ngày làm việc cuối cùng* gửi từ San Francisco; *Những chiều nắng nhẹ mà hiu* gửi từ Houston TX; *Tưởng niệm Lê Bá Lăng* gửi từ Midway City; *Thư gửi cho con, Nhớ trăng quê hương gửi* từ Winnipeg Canada; *Thử viết bài thơ tuổi sáu mươi* gửi từ Alambra CA; *Tự nhủ, Bóng mây* gửi từ Orange CA; *Cổng trường đợi em, Biết hay không biết em, Chiều thu, Tiếng đàn đêm* gửi từ Salk Lake City Utah; *Người đào mả* gửi từ Chelles France.

Sách mới nhận được trong tháng: *Cố Hương*, tập truyện ngắn của Hà Thúc Sinh, Tú Quỳnh xuất bản, sách dày 190 trang, giá 12 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ năm xuất bản tại hải ngoại của Hà Thúc Sinh, sau hồi ký cải tạo Đại Học Máu (1985), thi tập Thơ Viết Giữa Đường (1988), truyện dài Chị Em (1988), và tập truyện Ông H.O. (1993). Cố Hương gồm 9 truyện ngắn Hà Thúc Sinh viết trong vòng hai năm nay, khung cảnh và nhân vật là những người Việt sống cuộc đời tha hương, và hầu hết những mảng đời Hà Thúc Sinh ghi lại đều là những mảng đời bất như ý. Lối viết truyện của Hà Thúc Sinh rất gần với những mẫu ký họa, đơn giản và tiêu biểu.

Nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam, biên khảo về hội họa dân tộc của Huỳnh Hữu Ủy, Tựa của họa sĩ Thái Tuấn, Hồng Lĩnh xuất bản, sách dày 292 trang, giá 18 Mỹ kim. Đúng như nhận xét của Thái Tuấn trong lời tựa: "Qua những tài liệu hiếm hoi khiêm nhượng, tác giả đã sắp xếp cho độc giả một hành trình kỳ thú. Hành trình được soi chiếu từ nhiều khía cạnh: lịch sử, xã hội, văn hóa, và đáng nói hơn cả là từ khía cạnh mỹ học. Cuộc hành hương ngược dòng về chốn cội nguồn may ra có thể giúp cho chúng ta nhìn rõ lại những giá trị tinh thần, mà cuộc sống vội vã xô bồ và vô cùng phức tạp của xã hội văn minh ngày nay đã chẳng dành cho con người một chút thanh thản". Phần phụ lục sách có in lại những tranh tượng dân gian quí hiếm của cả các miền Bắc,

ĐẶNG HIỀN

nhớ

Chừng như mắt biếc mờ khơi
Dáng nghiêng nghiêng đổ
Bên đời nhớ em
Sóng tình những đợt chơi vơi
Sầu vương vấn tới
Sầu lên mắt người
Mái hồn
Nghe lạnh thênh thang
Về theo trăng vỡ
Buồn...
Man dại buồn
Đặng Hiền

Trung, Nam và Miền Núi Việt Nam. Một cuốn sách cần có trong mọi tủ sách gia đình.

Đường thi Việt dịch trích diễn, bản thảo sưu tập các bài thơ dịch Đường thi của Yên Đằng Đàm Quang Hậu, đặc biệt chú trọng thơ Lý Bạch và Đỗ Phủ.

Communication on A New Presentation & Classification of Parts of Speech in Grammar, bản thảo nghiên cứu ngữ học Việt Nam của Đàm Quang Hậu.

Văn Học trân trọng cảm tạ các văn hữu đã gửi sách tặng, và xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

Cáo lỗi:

Trên Văn Học số 97, bài thơ *Ngã ba sỏi đá* của Trần Hồng Châu, trang 50, có một sai lầm nhỏ xin đính chính: câu *gió bay nhà bạt cát lầm cửa thưa*, tác giả lấy từ một câu thơ trong truyện Nôm Phan Trần, tòa soạn đã quên phần chú thích như trong bản thảo.

Bài điểm sách Dung thân của Trần Long Hồ xin hoãn sang số sau vì số trang hạn chế, cùng với các truyện ngắn của Trần Doãn Nho, Trương Nhân.

VĂN HỌC
ghi nhận đó đây

Mục "Ghi Nhận Đó Đây" kỳ này xin dành cho các ghi nhận và góp ý của Thế Uyên và Phụng Lữ về những vấn đề đã được đăng tải trên các số Văn Học trước đây.

THẾ UYÊN

Từ "Khu vườn mùa mưa" đến "vấn đề tình dục trong văn chương"

Trong Văn Học số 93-94, trong phần giới thiệu các sách mới trong tháng, đã có mục điểm cuốn truyện dài "Khu vườn mùa mưa" của Thế Uyên với nguyên văn như sau:

"Đây là cuốn truyện mới nhất của nhà văn Thế Uyên. Truyện dựa trên những nhân vật có thật cũng như những nhân vật không thật, trong một bối cảnh chính trị mù mờ của những ngày "tiền đảo chính 63". Ông đề tặng cuốn truyện này cho một người nữ như sau: "Tặng người nữ mà tôi đã mượn dường nét và cá tính để tạo ra nhân vật nữ chính trong truyện". Nhà văn Thế Uyên là một khuôn mặt quen thuộc của văn học Việt Nam cả trong nước cũng như ngoài nước, trước hay sau 75. Ông có bút pháp táo bạo, và là một trong vài nhà văn tiên phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình dục, một lãnh vực dại kỵ trong sinh hoạt văn học của chúng ta. (Chỉ tối kỵ khi còn ở Việt Nam mà thôi, bây giờ thì khác, những sách porno ngụy trang dưới dạng truyện với đầy đủ phụ bản hiện đang là loại sách dẫn đầu về tiêu thụ). Tác phẩm mới nhất của Thế Uyên được chia làm 11 chương không đều nhau, tuy đề cập tới chuyện chính trị, cách mạng, đảo chính nhưng không phải vì thế tình dục không có chỗ chen chân vào. Mười một chương sách, chương nào cũng có những trang viết về, viết tới vấn đề này. Khi thì làm tình thật, khi thì nói tới một vụ làm tình nào đó. Tất nhiên với lời đề tặng nêu trên đây phải là một cuốn truyện mà Thế Uyên để nhiều tâm huyết" (trang 225 sđd).

Là một người viết văn đã trên ba mươi năm với gần ba mươi nhan đề sách đã xuất bản, ở nội địa cũng như ở hải ngoại, tôi rất hiểu, một tác phẩm, một khi đã xuất bản, tự nó đã làm một cuộc phiêu lưu trong không gian thời gian, được phê phán, khen và chê tùy theo từng người đọc. Do đó tôi thường cố gắng tránh những lên tiếng, biện giải thêm về tác phẩm mình, sợ bị sa lầy vào những tranh cãi cá nhân kéo dài, vừa tốn thời gian vừa tốn nội lực. Làm nhà văn, viết ra là chính, tranh luận về những điều mình viết, ngay cho dù có lúc là cần thiết, vẫn là thứ yếu.

Nhưng lần này, dù chỉ gặp một bài điểm sách ngắn (đã trích dẫn nguyên văn ở trên), tôi lên tiếng góp ý bởi vì tác giả đoạn điểm sách có nêu ra một vấn đề vừa quan trọng vừa phổ quát cho văn học hiện nay, rất xứng đáng để bàn luận thêm, trong tinh thần đối thoại thân hữu giữa những người thường hợp tác bài vở với tạp chí Văn Học.

Điểm đầu tiên xin được trình bày là tôi không tin tôi là "một trong vài nhà văn tiên phong dám đưa ngòi bút nùnh vào lãnh vực tình dục". Trong riêng văn học Việt Nam, thì những người đầu tiên đưa tình dục vào văn chương là tác giả các ca dao tục ngữ. Mở bộ "Tục ngữ Phong dao" do nhà nho đầu thế kỷ 20 là Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (1) sưu tầm ra, chúng ta thấy ca dao đã bàn đến tình dục rất là nhiều. Từ bộ phận sinh dục nam nữ đến giao hợp đều được nhắc tới một cách thoải mái và chi tiết. Chi tiết đến độ âm mao cũng được nhắc tới nhiều lần, một thí dụ:

Cô kia cắt cỏ bên sông
Cái váy thì cộc cái lông thì dài...

Nhũ hoa phụ nữ đương nhiên không thể thiếu hiện diện, thí dụ:

Đôi cô vác gậy chòi đào
Cô lớn, cô bé, cô nào với ai?
Gió nam đánh tốc yếm đào
Anh nghĩ oản trắng anh vào thắp nhang
Hai cô bốn oản rõ ràng
Anh xin một chiếc cô nàng không cho

Đương nhiên giao hợp đã là chủ đề cho nhiều bài ca dao, thí dụ:

Của tôi tôi để đầu hè
Bỗng dưng anh đến anh đè tôi ra
Kêu lên thì xấu mẹ hổ cha
Nín thinh: Ướt của tôi ra thế này!

Thậm chí hiếp dâm cũng được nhắc tới, thí dụ:

Hôm qua lên núi hái chè
Gặp thằng phải gió nó đè em ra
Em lậy nó cũng chẳng tha...

Ca dao tục ngữ dù sao cũng là văn chương truyền khẩu, mới chỉ được ghi vào văn bản kể từ Nguyễn Văn Ngọc trở về sau. Vậy hãy cùng nhau vượt thời gian hai thế kỷ để xem xét vấn đề tình dục trong văn chương thành văn của tiền nhân ra sao. Khi làm công việc này, chúng ta dễ nhận thấy việc đưa hay không đưa tình dục vào văn chương là chọn lựa của mỗi nhà văn nhà thơ.

Đọc thơ của bà huyện Thanh Quan, thấy ngay cả tình yêu nam nữ bình thường cũng không được nhắc tới, và nếu có nhắc thì mơ hồ sương khói như sau:

Kẻ chốn chương đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn...

Trong khi đó thì nhà thơ nữ Hồ Xuân Hương sử dụng hơn phân nửa những bài thơ của mình cho đề tài tình dục, từ mô tả âm hộ phụ nữ đến việc giao hợp:

Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa...
Cửa son đỏ loét tùm hum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu...
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải... lộn lèo...
Mới đầu vào chàng liền nhảy ngựa
Thiếp vội vàng vén phứa tượng lên
Đôi xe hà chàng gác hai bên
Thiếp sợ bí thiếp liền ghểnh sĩ...

Có thể thấy rõ hơn những sự kiện đưa tình dục vào văn chương hay không là do chọn lựa của nhà văn nhà thơ qua hai tác phẩm người Việt nào cũng biết nếu đã học qua bậc trung học: Truyện Kiều của Nguyễn Du và truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.

Với Truyện Kiều, Nguyễn Du đưa tình dục vào một cách thoải mái. Ngay khi Kim Trọng và Thúy Kiều gặp nhau lần đầu, Kim Trọng đã mưu toan làm tình với nàng, đến độ Kiều phải "rẽ ra cho nói một lời phải nao" rồi phải hứa hẹn ghê lắm mới thoát được cuộc tấn công tình

dục của chàng. Nguyễn Du cũng không ngần ngại gì không tả thân thể phụ nữ trong đoạn Kiều tắm biển diễn cho Thúc Sinh coi:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên

Những vấn đề của tình dục luôn luôn được Nguyễn Du nhắc tới một cách ngay thẳng. Thậm chí đến cuối truyện, ông đã để cho Kiều năn nỉ Kim Trọng là sau đám cưới xin đừng giao hợp với nàng (và Kim Trọng cũng phải chịu, để rồi từ từ tính tiếp và không muốn "hiếp vợ", điều mà luật lệ một số tiểu bang Hoa Kỳ hiện nay đang ngăn cấm)

Trong khi đó Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu lại không hề bàn tới vấn đề tình dục một lần nào. Nói theo ngôn ngữ vui vẻ hằng ngày của người Việt ở Mỹ, thì Lục Vân Tiên là một tác phẩm "no sex". Đã thế Nguyễn Đình Chiểu còn đề cao quan niệm nho giáo cổ "nam nữ thọ thọ bất thân":

Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai.

Trong ba thập niên đầu của thế kỷ hai mươi, trong lúc các ông Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Hoàng Ngọc Phách... ở miền Bắc viết văn "no sex" thì ở miền Nam, các ông Hồ Biểu Chánh, Lê Hoằng Mưu...(2) đưa tình dục vào văn chương một cách thoải mái. Hồ Biểu Chánh ngay trong cuốn truyện đầu tay "Ai làm được?" xuất bản năm 1912 đã cho đôi nam nữ sống chung với nhau trước khi cưới hỏi. Trong một cuốn kế ông đã tả rất kỹ tâm trạng một cô gái trước khi cô hiến thân cho ông anh họ đến độ mang bầu, làm bà mẹ phải cấp tốc kiếm một chàng trai chịu "hốt ổ", nhận lấy tiền để giữ danh giá của gia đình. Còn với Lê Hoằng Mưu thì sex đậm nét nhất trong các nhà văn miền Nam (và cả nước) trong thời kỳ ấy.

Trong thời kỳ văn học tương đối ngắn 1930-1945, văn học Việt Nam rất phong phú, phát triển cả về lượng lẫn phẩm. Nhưng một lần nữa chúng ta lại thấy có miêu tả khía cạnh tình dục trong văn chương mình hay không vẫn là tùy lựa chọn của mỗi nhà văn. Những nhà văn của Tự Lực Văn Đoàn đã chỉ miêu tả tình yêu, bỏ qua khía cạnh tình dục. Trong những tác phẩm của họ, chỉ có love mà không có sex. Nhưng những Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng dã có chọn lựa khác. Trong những tác phẩm của mình, Vũ Trọng Phụng dã mô tả kỹ nhất (trong văn học Việt Nam từ khởi thủy cho đến lúc đó) mọi khía cạnh tình dục. Từ vấn đề

hôn miệng đến hiếp dâm (trong "Giông tố"), và tuổi hồi xuân ham giao hợp của một số phụ nữ (trong "Số đỏ").

Điểm cần ghi thêm là đôi khi đối với cùng một nhà văn, cũng có sự thay đổi về vấn đề tình dục. Khi viết "Đôi bạn", "Đoạn tuyệt", Nhất Linh không hề viết một câu về thân xác nam nữ. Nhưng đến "Bướm trắng", vấn đề nam nữ thèm muốn nhau đã được đặt ra một cách khá rõ (Trương lén cầm áo lót Thu mới thay ra đưa lên mũi hít say sưa trong "Bướm trắng"). Và đến sau 1954, khi đã trên 50 tuổi, Nhất Linh đã đổi hẳn cách thức diễn tả tình yêu nam nữ. Những truyện viết về sau, khía cạnh tình dục được đào sâu và diễn tả khá chi tiết.

Trong 21 tuổi thọ của Việt Nam Cộng Hòa, văn học miền Nam phát triển phong phú và dị biệt. Một lần nữa lại thấy hiện tượng có đưa tình dục vào văn chương không, và đưa nhiều ít thế nào, vẫn là chọn lựa của mỗi nhà văn. Bình Nguyên Lộc, Nhật Tiến, Nguyễn Thị Vinh, Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ và một số người khác nữa không mô tả khía cạnh tình dục trong văn chương mình, trong khi nhiều nhà văn khác đã có những lựa chọn khác. Đưa tình dục vào văn chương với mức độ vừa phải, có những Nhất Linh, Võ Phiến, Duy Lam (Lột xác), Lệ Hằng, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng... Cho rằng tình yêu và tình dục, love và sex không thể tách rời nhau được, chỉ tả phớt qua là thiếu sót, chúng ta thấy có các nhà văn như Dương Nghiễm Mậu, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Thế Uyên... Và với tư cách một người sáng tác, lắm khi tôi tự hỏi mức độ sex của một truyện dài như "Tiền dồn" của tôi liệu có hơn được một "Đêm tóc rối" của Dương Nghiễm Mậu hay không. Còn so với một Lê Xuyên thì dứt khoát là kém xa bởi vì nhà văn này (rất có tài viết tiểu thuyết) nhiều khi dã thẳng thắn cho sex giữ vị trí chủ đề của truyện một cách thoải mái.

Khi định cư tại hải ngoại, tôi tiếp tục viết văn và giữ nguyên một sự quân bình nào đó giữa tình yêu và tình dục. Khách quan mà xét, mức độ dục tình của "Khu vườn mùa mưa" gần đây cũng chỉ đại khái bằng "Tiền đồn" xuất bản gần ba mươi năm về trước là cùng. So với những nhà văn sau một lứa tuổi như Kiệt Tấn, không chắc dã hơn được. Và lại càng không thể so với lớp trẻ hiện nay như một Trần Vũ, Dương Như Nguyện, và dĩ nhiên thua xa Đỗ Kh.

Với những gì vừa trình bày ở trên, tôi không dám nhận mình là "một trong vài nhà văn tiên phong dám đưa ngòi bút mình vào lãnh vực tình

dục" như người điểm "Khu vườn mùa mưa" của Văn Học đã viết. Và nhận định kế tiếp của vẫn người điểm sách trên: "lãnh vực tình dục, một lãnh vực đại kỵ trong sinh hoạt văn học chúng ta" cũng không sát với thực tế của văn học sử Việt Nam xưa cũng như nay.

Cũng vẫn cố gắng khách quan khi xét về văn chương của chính mình, tôi thấy người điểm sách của Văn Học cũng có lý do để tấn phong cho tôi vinh dự làm một trong những người tiên phong trong việc đưa tình dục vào văn chương. Văn học 21 năm của miền Nam chia làm hai thời kỳ: thời kỳ đầu 54-63 văn chương ít có tình dục, một phần vì sự chọn lựa của các nhà văn lớp trước, một phần vì chính quyền đương thời áp đặt đường lối Thanh giáo trung cổ của Công giáo vào việc kiểm duyệt sách. Nhà văn chỉ được phép tả đến chỗ "chàng cúi xuống, nàng ngửa mặt hé môi đón chờ" là phải stop, vì có tả thêm nữa, cũng bị sở kiểm duyệt xóa bỏ. So với các nhà văn đồng tuổi, tôi viết văn khá trễ, do đó thuộc về thời kỳ thứ hai 63-75 nhiều hơn. Nhìn lại quá khứ, tôi thấy lối viết của lớp trước quá chật hẹp, nên đã cố gắng đưa ra một đường lối văn học mới, với cách thế mới để diễn tả người và cuộc đời trong một đoản văn in trên báo "Văn" năm 1964 (Mười ngày phép của một người lính) (3). Đoản văn này được nhiều người trẻ tán đồng. Tôi không dám chắc quan điểm của tôi hồi ấy đã ảnh hưởng nhiều ít thế nào, có xứng đáng như một thứ tuyên ngôn mở đường nho nhỏ để được coi là "một trong vài nhà văn tiên phong... về tình dục" cho thời kỳ văn học sau đó hay không nữa? Nhưng vì bây giờ tôi vẫn viết văn theo quan điểm ấy, nên xin phép lại tóm tắt dưới đây, như một đóng góp, một trao đổi cho những vấn đề văn học nói chung:

"...Khi cho những nhân vật yêu nhau trong những truyện ngắn đầu tiên, tôi tự hỏi: sự thực, ngoài đời, tình yêu có phải chỉ toàn nhớ nhung tơ tưởng, mơ mộng, yêu nhau có phải chỉ là viết thư, ngắm trăng, hái hoa, im lặng nhìn nhau qua lớp cỏ may rung rinh dưới gió? Tự hỏi như vậy làm tôi nhận thấy thực rõ rệt nhiều nhà văn lớp trước, khi viết, đã tự mình đánh lừa mình một cách kỳ cục, và trình bày đời sống, tình yêu một cách phiến diện... Trong các tác phẩm cổ điển, ít khi tôi thấy nhân vật nào nhìn ngắm toàn thể cơ thể người yêu chứ dừng nói gì đến những việc khác. (Cũng may ngoài đời mọi người không yêu đương kiểu đó, nếu không, chắc loài người đã tuyệt chủng).

Nhận xét như vậy nên khi bắt đầu viết, tôi đưa những con người

ngoài đời sống vào trong văn cùng những đặc tính căn bản của chúng. Trong đời sống, một người con trai yêu một người con gái qua thư, ánh mắt nụ cười, những lời nói êm dịu nhưng đồng thời cũng yêu qua cá tính của cái giống. Nhìn tà áo bay, mơ mộng tới những đôi cánh nàng tiên trong cổ tích nhưng đồng thời cũng thèm muốn hôn lên bộ ngực căng mịn, thèm muốn ôm cả thân thể để chiếm đoạt đến cùng. Trong văn chương lãng mạn cổ điển, các nhân vật chỉ sống có một nửa. Hai người hôn nhau thì nhất định chỉ thấy toàn trăng sao hoa lá, còn thân thể cương quyết chẳng cảm thấy gì cả, trơ như đá vững như đồng".

Muốn nói gì thì nói, văn chương phải là văn chương trước đã. Một bài thơ, một bài văn phải đạt được mức nghệ thuật tối thiểu rồi kế đó mới xét tới những khía cạnh tư tưởng, đạo đức, tôn giáo, lập trường chính trị đủ loại. Đề cao đạo đức mà không có nghệ thuật đi kèm, thì chỉ là một bài giảng thuyết nhàm chán. Đề cao chính nghĩa mà không có nghệ thuật, thì chỉ là một bài tuyên truyền.

Ngược lại lấy đạo đức, lập trường chính trị và tôn giáo của mình ra làm tiêu chuẩn thẩm định các giá trị văn học, thì rất dễ đi đến chỗ khắt khe và bạo lực trong địa hạt văn học cũng như tư tưởng, dễ đi tới chỗ phủ nhận quá nhiều nhà văn nhà thơ, xưa cũng như nay. Nếu cứ thấy tác phẩm nào tả nhiều đến tình dục là loại bỏ, thì những Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Hồ Biểu Chánh, Lê Hoằng Mưu, Vũ Trọng Phụng, Bích Khê... bị loại bỏ đã đành, mà các Thế Uyên, Kiệt Tấn, Trần Vũ, Đỗ Kh., thậm chí đến cả những Nguyễn Thị Thanh Bình, Dương Như Nguyện, Vũ Quỳnh Nh... của văn học hải ngoại hiện nay cũng bị bôi tên xóa sổ.

Ở miền Đông Hoa Kỳ cũng mới có một người viết đồng ý với người điểm sách của Văn Học, và còn đi xa hơn một nấc: nhân danh sự bảo vệ tâm hồn ngây thơ của nhi đồng để ngăn cản, và giả thử nếu cầm quyền, thì sẽ cấm văn chương nhiều tình dục. Luận cứ này mới thoạt nghe cũng có vẻ có lý, nhưng suy xét kỹ hơn, không thể thực hiện. Trẻ con thì thời nào chẳng có, đâu vì sự hiện diện của trẻ con mà mấy ngàn năm nay các nhà văn trên thế giới chỉ được phép viết toàn truyện nhi đồng, tuổi thơ tuổi xanh. Hãy tưởng tượng một nền văn học Việt Nam và Trung Hoa gồm toàn truyện nhi đồng, hay một nước Mỹ chỉ chiếu toàn phim hoạt họa của công ty Walt Disney, và một nước Pháp phải phá hết mấy ngàn pho tượng khỏa thân và đốt hết cả trăm tranh khỏa

thân cổ điển nổi tiếng, bức rẻ nhất cũng tính từ số nhiều triệu dollars trở lên.

Nếu có điều gì tôi muốn góp ý thêm với người điểm sách của Văn Học (và những độc giả đồng ý với người viết này), là điều giản dị sau: Những người Việt có may mắn được lập nghiệp ở hải ngoại sau tháng 4-75, nên cố hưởng và thấm nhuần tối đa có thể được tinh thần tự do trong địa hạt chính trị, tôn giáo, tư tưởng cũng như văn học của các nước Tây phương mình đang cư ngụ.

Hãy để các nhà văn hoàn toàn tự do viết theo ý của họ, chọn lựa của họ. Không bị ràng buộc bởi bất cứ taboo cấm kỵ nào của bất kể chủ nghĩa, tôn giáo hay giáo điều nào, xưa cũng như nay.

Thế Uyên, tháng 5-1994

---

(1) Tục ngữ Phong dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, hai tập, Vĩnh Hưng Long thư quán xuất bản lần đầu Hà nội MCMXXVIII. Xuân Thu tái bản tại Calif. USA 1989.

(2) "Lê Hoằng Mưu, nhà văn bị bỏ quên" của Thế Uyên. Tạp chí Văn Lang số 1 tháng 6-1991, in lại trong cuốn "Nghĩ trong mùa xuân" của Thế Uyên, trang 179, Xuân Thu xuất bản Calif. USA, 1992.

(3) *Mười ngày phép của một người lính* của Thế Uyên, đăng lần đầu trong tạp chí Văn 1964, Nam Sơn xuất bản 1965, Khai Trí tái bản 1971 trang 45-49, Sài gòn.

PHỤNG LƯ

Houston TX.

Nhân đọc bài thơ ẩn dòng của Sử Mặc trên Văn Học 91, nhớ Quách Tấn.

..Năm 1974, tôi rời trường Đồng Khánh Huế vào Nha Trang làm việc tại Ty Giáo dục Khánh Hòa cũ. Có người giới thiệu tôi với thi sĩ Quách Tấn vì thấy tôi thích thi ca. Nhân bàn chuyện thơ, tác giả "Mùa cổ điển" đem bài "Du Xuân" ra để bàn với tôi. Nếu tôi không lầm thì bài này đã in trong "Mùa cổ điển":

Rải rác tầng xanh mây trắng ngần
Cỏ non dờn dợn bước du xuân
Nắng hâm ấm ngọc vần tao khách
Hoa rụng đầy hương áo mỹ nhân

Phơi phới tơ oanh bờ liễu thẳm
Lâng lâng hồn mộng bến mai gần
Bên cầu lẩn thẩn dừng chân nghỉ
Nở nụ cười son điểm mái ngân.

Quách Tấn du xuân qua cầu dừng lại, gặp thiếu nữ đi ngang qua nửa lòng cầu vì thế nụ cười son mới điểm mái ngân được. Sau khi Quách Tấn đọc xong bài thơ, tôi tỏ ý xin hoán vị hai chữ ở câu thứ tư. Thay vì:

Hoa rụng đầy hương áo mỹ nhân

Tôi đề nghị viết lại:

Hương rụng đầy hoa áo mỹ nhân

Quách Tấn cho là việc hoán vị có lợi hai điểm:

– "Hương rụng" thi vị hơn "Hoa rụng"

– "Mỹ nhân của tôi" mặc áo có hoa còn mỹ nhân của Quách Tấn mặc áo không hoa (lời Quách Tấn).

...Năm 1980 tôi rời Nha trang vào Sài Gòn để làm hồ sơ xuất cảnh nên ít có dịp hầu chuyện thơ với Quách Tấn dù nhiều lần đi ngang qua Xứ Trầm Hương trên con tàu Sài Gòn – Đà Nẵng.

Trước ngày lên đường sang Hoa Kỳ tôi có ra Nha Trang chào thăm Quách Tấn. Trong câu chuyện thi sĩ phát biểu mối ưu tư: "Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như". Quách Tấn nói: "Tôi trông cho ai khóc tôi một câu thơ cũng đủ". Tôi cho mối ưu tư này là điềm chẳng lành nhưng làm thinh không nói gì. Tôi tạm biệt Quách Tấn (mà không ngờ sau này là lần vĩnh biệt) và vào lại Sài Gòn. Tôi rời Sài Gòn tháng 5-1992, đến Irving, Dallas và định cư ở Houston. Đến tháng 12-1992 rời Houston trở về thăm cố hương, đến phi trường Tân Sơn Nhất chiều lễ Giáng sinh. Từ phi trường về nhà tạm trú thì hay tin Quách Tấn vừa mới qua đời.

Sực nhớ đến mối ưu tư của Quách Tấn lo không người khóc, nhưng tôi không làm được câu thơ nào để khóc ông, vì lòng nặng trĩu tình thương ba tôi tuổi già sống cô quạnh giữa lòng phố cổ đìu hiu.

Vào tháng 11-1993 có một giáo sư nguyên là nữ sinh Đồng Khánh gửi biếu tôi tờ Văn Học do ông Nguyễn Mộng Giác làm chủ bút, số 91. Tôi bất gặp bài thơ "ẩu dòng" của tác giả Sử Mặc, đăng ở trang 73:

Rồi thôi cũng đọng bóng chiều
Ngân sơn mộng cũ tiêu điều dáng hương

Mùa trăng cổ điển lên đường
Nét sông phủ các triều dương bến đầu
Nỗi niềm giang hạ còn đau
Hỏi trầm tích có chìm sâu mộng người
Bây giờ thơ mải rong chơi
ẩn trong kinh tự dòng khơi vút ngàn
Rồi mai nữa, độ trăng tàn
Nương người thủy nguyệt cầm sang tiếng hoài

Bài thơ đã làm tôi xúc động, bồi hồi suốt cả buổi tối, mặc dù chẳng hề biết Sử Mặc là ai, nhưng có điều biết chắc là tác giả khóc Quách Tấn, mà lại khóc đẹp, khóc hay. Tác giả không hề dùng một tiếng khóc nào trong bài thơ, nhưng bài thơ là một dòng lệ nóng chan hòa vào con suối Đường thi, thấm vào tim những ai đã có lần quí mến Quách Tấn. Tôi vui vì biết Quách Tấn sẽ mỉm cười dưới suối vàng khi thấy bài thơ của Sử Mặc. Tôi không biết có bao nhiêu vị đã thương khóc Quách Tấn. Do đó, để làm vừa lòng cố thi sĩ Quách Tấn, tôi bắt chước Sử Mặc và khóc như thế này:

Nhân đọc ẩn dòng
Còn đâu tơ liễu bên cầu
Để nhìn mây trắng bạc đầu thi nhân
Du xuân áo rũ phong trần
Quê xa đồng vọng mấy vần trầm hương
Hoa đăng khúc trở nghê thường
La y bước sóng mờ sương Phong Kiều
Nay sầu rụng giếng tịch liêu
Có nghe trăng vỡ lòng triều cổ thi?
Bóng chiều thu đọng bờ mi
Ngân sơn thấp thoáng mộng về chiêm bao!

Phụng Lữ (Houston)

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jackets và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI** 13MK
   Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi ký) Hồng Hà dịch, gồm nhiều hình ảnh
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ** 9MK
   Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI** 32MK
   Hoành Linh Đỗ Mậu (Tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG** 22MK
   Hồ Sĩ Khuê (Tái bản - bìa cứng)
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới) 18MK
   Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích
6. **MÂY BÃO** 12MK
   Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (Tái bản)
7. **VIẾT** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
8. **ĐỐI THOẠI** 8MK
   Võ Phiến (Sách mới)
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM** 10MK
    Võ Phiến (Sách mới)
11. **KÝ THÁC** 7MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA** 8MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
13. **KINH DỊCH** 20MK
    Nguyễn Hiến Lê (Tái bản)
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY** 14MK
    Đạt Lai Lạt Ma (Tái bản)

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản:

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel (714) 527-5761

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NIỆM CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ — WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục,...

CA SĨ — VOCALISTS:

— Kim Tước — Hà Thanh — Anh Ngọc
— Mai Hương — Ái Vân — Tuấn Ngọc
— Quỳnh Giao — Vũ Anh
— Lệ Thu — Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM — ARRANGEMENTS BY:

— Nghiêm Phú Phi — Văn Phụng — Đoàn Châu Nhi
— Lê Văn Khoa — Lê Ngọc Chân

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG — CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
— Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
— Với sự góp mặt đặc biệt của:
* Karen Lak (first violinist), Master of Music
* Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
* Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG — CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH
— MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM:

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.
Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu năm 1994
(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI: **Giá ủng hộ: $50 • Giá đồng hạng: $25**

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave. Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 897-4519

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
4142 E. Bainbridge Ave., Anaheim, CA 92807. Phone (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

Giá $3.50